

PHẠM ANH TUẤN

KỸ THUẬT

NƯÔI VỊT

ở Đồng bằng sông Cửu Long



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

PHẠM ANH TUẤN

KỸ THUẬT

NUÔI VỊT

Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

KỸ THUẬT NUÔI VỊT

PHẠM ANH TUẤN

Chịu trách nhiệm xuất bản

MAI THỜI CHÍNH

Biên tập

NGUYỄN TRƯỜNG

Bìa

HUYỀN PHI HẢI

In 1000 cuốn, khổ 14,5x 20,5cm. Tại công ty cổ phần In Bến Tre. Số đăng kí kế hoạch xuất bản 108/832-CXB do cục xuất bản cấp ngày 18/6/2003. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2004.

I. VỊ TRÍ VÀ Ý NGHĨA KINH TẾ CỦA NGHỀ NUÔI VỊT.

A. HIỆU QUẢ KINH TẾ VÀ THUẬN LỢI CỦA NGHỀ NUÔI VỊT CHĂN THẢ.

1. Nuôi vịt có hiệu quả kinh tế cao :

Chăn nuôi vịt rất phổ biến ở miền Nam nước ta nhiều nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, nghề chăn nuôi này đã tận dụng được nhiều thức ăn thiên nhiên để sản xuất ra thịt, trứng, lông, cung cấp cho nhân dân và xuất khẩu. Đồng thời đó là một ngành chăn nuôi phải đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật ít mà vẫn thu lãi nhanh và có năng suất lao động cao.

Trong các loại gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) vịt là giống tương đối lớn nhanh nhất. Người ta đã so sánh rằng : muốn tăng trọng lượng sơ sinh lên 40 lần, gà phải nuôi 120 ngày, ngan, ngỗng 80 ngày, nhưng vịt chỉ cần 60 ngày. Như vậy nuôi vịt thường là nhanh được ăn thịt, có nhiều trứng lại có sản phẩm lông để xuất khẩu. Mỗi con vịt cho khoảng 40-50g lông, nhờ đó nếu tận dụng được lông của 40 con vịt thì có thể làm được một cái chăn có sức ấm gấp hai lần chăn bông nặng 4 kg (tuy chăn lông vịt chỉ nhẹ 2 kg) hoặc lông của 20 con vịt làm được một áo ấm hơn áo bông.

Nuôi vịt thịt nếu là chăn thả từ sơ sinh đến 60 - 75 ngày tuổi (lúc giết thịt) thì chỉ đầu tư từ 0,5 - 0,9 kg thóc để gột vịt ở giai đoạn từ 1 đến 20 ngày tuổi, còn lại 40 - 55 ngày tuổi chủ yếu là chăn thả ngoài đồng để tận dụng thóc lúa rơi rụng. Nói chung người ta thu được ở mỗi con vịt từ 1 - 1,1 kg thịt, nếu nuôi vịt tàu (vịt đàn), từ 1,6 - 1,8 kg thịt, nếu nuôi vịt bầu,

từ 1,8 - 2 kg thịt, nếu nuôi vịt lai kinh tế (vịt Bắc kinh hoặc Anh đào lai với vịt đàn hoặc vịt bầu) từ 2,2 - 2,4 kg thịt, nếu nuôi vịt Bắc kinh hoặc vịt Anh đào.

Đối với ở vùng hai vụ lúa, nếu biết kết hợp nuôi vịt chăn thả đúng lúc, đúng cách, hợp lý : (vịt với lúa) thì hai ngành sản xuất đó sẽ hỗ trợ cho nhau rất thuận lợi và thu được hiệu quả kinh tế cao. Mỗi vụ người ta có thể chăn thả vịt vào ruộng lúa sau khi gặt (lúc cày bừa) để tận dụng thóc rơi vãi và các loại thủy sinh. Tiếp theo sau khi cấy lúa được khoảng 1 tháng khi cây đã bén rễ (lúa con gái) đến khi lúa đứng cái (bắt đầu có bông) thì mới ngừng thả vịt. Trong thời gian này, đàn vịt chăn thả trên đồng ruộng tìm ăn thức ăn thủy sinh có tác dụng như làm cỏ sục bùn cho lúa và trừ bọ rầy đồng thời chúng còn thải phân ra bón cho lúa làm tăng sản lượng lúa lên rõ rệt.

Ở miền Nam diện tích mặt nước ao, hồ, đầm, mương máng, kênh, rạch rất lớn có thể sử dụng vừa thả cá vừa kết hợp nuôi vịt rất thuận tiện. Vịt sống trên mặt nước thường tăng trọng nhanh và có chất lượng thịt tốt. Nhờ có phân vịt mà các loại phù du động vật và thực vật đều phát triển mạnh và làm mồi cho các loại cá. Nếu nuôi vịt kết hợp với thả cá thì sản lượng cá trên một hecta diện tích mặt nước sẽ tăng lên.

Vùng ven sông, ven biển có sẵn cá ở miền Nam cũng có thể tận dụng được các loại thủy sinh (tôm, cá, cua, ốc hến, don dất), côn trùng và thức ăn khác (như củ ngạn, rong rêu, cây cỏ) để nuôi vịt. Nếu lợi dụng được nước thủy triều lên xuống đưa vịt ra chăn ở bãi biển cửa sông thì đối với vịt bầu, Bắc kinh và vịt Anh đào mỗi mái đẻ 1 năm chỉ cần 20 kg thóc

mà sau khi gột 20 ngày ta đưa chúng ra bãi biển cửa sông thả chăn từ 40 - 50 ngày thì có thể đạt 1,1 kg trên 1 con vịt con (tàu) hoặc 1,8 - 2 kg trên một con vịt lai kinh tế.

2. Nuôi vịt ở nước ta có nhiều thuận lợi.

Nước ta là một nước nông nghiệp có hơn 6 triệu ha diện tích trồng lúa nước. Một năm có hai vụ lúa thì cũng có hai vụ dựng vịt để lấy trứng và hai vụ nuôi vịt thịt tận dụng thóc rơi. Nước ta lại có trên 3000km đường biển, có hàng vạn hecta diện tích đầm, hồ, ao, sông rạch. Cho nên đã từ lâu, nghề chăn nuôi vịt rất được ưa thích từ Bắc đến Nam vì nuôi vịt thả rất phù hợp với điều kiện ngoại cảnh, điều kiện sinh thái ở nước ta và có hiệu quả kinh tế cao.

Nhà khoa học lớn của nước ta, ông Lê Quý Đôn, đã nói đến từ lâu rằng nghề nuôi vịt kết hợp với trồng lúa có khả năng phát triển ở bất cứ địa phương nào, từ vùng đồng bằng, ven biển, trung du đến miền núi cao.

Với kinh nghiệm chăn nuôi theo lối cổ truyền của nhân dân kết hợp với khoa học kỹ thuật tiến tiến về giống, chăm sóc nuôi dưỡng, thú y... Nghề nuôi vịt ở nước ta có khả năng và nhiều thuận lợi phát triển ở cả ba khu vực chăn nuôi: chăn nuôi gia đình, chăn nuôi tập thể và chăn nuôi quốc doanh.

Nếu so sánh với chăn nuôi gà thì nghề chăn nuôi vịt ở nước ta có những thuận lợi hơn như sau:

a) *Vịt có sức chịu đựng bệnh tật giỏi hơn gà.* Khi thời tiết thay đổi, hoặc vào các mùa dịch bệnh, trong một gia đình chăn nuôi cả gà cả vịt thì thường là gà mắc bệnh trước, sau đó mới đến vịt (ở thể nhẹ hơn).

Ví dụ: Đối với bệnh đậu (trái) vịt thường mắc ở thể nhẹ hơn, chỉ có mụn ở màng chân dễ chữa và mau lành hơn ở gà. Gà thường có mụn ở cả mắt, mũi, tỷ lệ thường tử vong cao, bệnh khó chữa.

Vịt thường mắc hai bệnh truyền nhiễm gây thiệt hại nhiều nhất là dịch tả vịt, sau đó đến tụ huyết trùng, nhưng nếu được tiêm phòng dịch định kỳ thì cũng khắc phục được.

Đối với gà ở các lứa tuổi có rất nhiều bệnh gây tác hại lớn. Ở giai đoạn gà con bệnh cầu trùng, bạch lỵ... có thể giết gà hàng loạt, những bệnh truyền nhiễm như Niucatxon, tụ huyết trùng, Micô, Marốc... đều gây tai hại đối với gà.

b) Vịt thường đẻ tốt hơn gà : Nếu so với các giống gà trong nước thì không có giống gà nào đẻ tốt bằng vịt. Nếu so với gà công nghiệp (để khoảng 220 trứng trên năm, nếu nuôi ở nước ta) thì chúng cũng không hơn vịt về các chỉ tiêu sinh sản như :

Năng suất đẻ của gà công nghiệp cao hơn nhưng trọng lượng trứng vịt to hơn cho nên tổng khối lượng của trứng vịt so với trứng gà vẫn cao hơn.

Đối với vịt : $75g \times 180 \text{ trứng} = 13.500g$

Đối với gà : $60g \times 220 \text{ trứng} = 13.200g$

Vịt thường đẻ sớm và đẻ nhiều hơn gà, tuổi đẻ sớm nhất của vịt cỏ, vịt Kaki - Campbell là 135 - 140 ngày tuổi, trong khi đó đối với gà tuổi đẻ sớm nhất cũng phải 145 - 150 ngày, tỷ lệ đẻ của vịt rất tập trung và rất cao, nếu được nuôi dưỡng chăm sóc tốt ở những vùng ven biển ven sông có nhiều thức ăn đạm vịt rất có thể đạt tỷ lệ đẻ là 95% và đẻ liên tiếp 100

ngày liền, có những ngày đẻ tới 100%. Thời gian thay lông của vịt cũng nhanh và nói chung là đều. Vịt cỏ (vịt tàu hay vịt đàn) thời gian thay lông khoảng 30 - 45 ngày (từ khi đập vịt, tức là không cho vịt đẻ, đến khi dựng vịt, tức là cho vịt ăn đủ khẩu phần để đẻ trở lại). Đối với gà thời gian thay lông tối thiểu phải 55- 65 ngày. Khi vịt thay lông chúng cũng nghỉ đẻ nhưng đến lúc đẻ trở lại tỷ lệ đẻ tăng lên rất nhanh (chỉ trong 10 ngày đầu vịt đẻ trở lại tỷ lệ là 50 - 60%).

c) Thức ăn của vịt đơn giản, dễ kiếm, rẻ tiền và ít tốn công chế biến hơn thức ăn của gà. Với hình thức nuôi vịt theo lối chăn thả (ở đồng ruộng, bãi sông, bãi biển, mương lạch, hồ đầm...) chúng có thể tự kiếm đầy đủ các loại thức ăn bột, đường, đạm, khoáng (như lúa rụng, tôm, cua, ốc, hến, don dất rong tảo và các loại thức ăn thủy sinh khác...) để có thể lớn lên và sinh sản tốt.

Từ lâu vịt đã được gắn với cây lúa ở nước ta một cách tự nhiên, vì ngoài con vịt ra không có con vật nào có thể tìm mò ăn thóc rụng sau mỗi vụ gặt. Điều đó xem ra đơn giản nhưng đem lại lợi ích kinh tế to lớn. Tính ra cứ mỗi sào bắc bộ (360m^2) thường có 3 - 5kg thóc rụng. Như vậy nếu đem nhân số thóc rụng đó với tổng diện tích trồng lúa của cả miền nam nói riêng và toàn quốc nói chung thì chúng ta sẽ có khối lượng thức ăn dùng nuôi vịt rất lớn đảm bảo nâng cao số lượng vịt lên gấp vài chục lần so với bây giờ.

Ngoài ra, vịt lại là loài ăn tạp dễ nuôi không kén ăn nên thức ăn của heo, gà còn dư thừa có thể cho vịt ăn vẫn tốt. Điều quan trọng nữa là vịt ăn được nhiều rau cỏ, các loại bèo... kể cả thân cây chuối băm nhỏ, nên giải quyết thức ăn

cho vịt dễ hơn gà, nhất là trong những năm kinh tế gặp khó khăn (như khi mất mùa, lương thực của người thiếu thốn). Trên đây là những thuận lợi chính, ngoài ra tùy hoàn cảnh các địa phương phát triển nuôi vịt còn có những thuận lợi sau :

- Những vùng ẩm ướt (có nhiều đầm lầy, ao, hồ, sông lạch khó nuôi, các gia súc khác như trâu, bò, dê, lợn, gà...) thì lại là nơi thích hợp cho nghề nuôi vịt, vì chính ở những nơi này vịt và chỉ có vịt mới tận dụng được thức ăn thiên nhiên.

- Chuồng vịt thường xây dựng đơn giản, rẻ tiền, dễ làm bằng nguyên liệu địa phương. Ở các tỉnh miền duyên hải trung bộ và nhất là các tỉnh miền tây nam bộ, các nhà chăn nuôi vịt mái đẻ, cũng như vịt thịt thường chăn thả trong vụ gặt trên đồng ruộng không cần đến chuồng trại.

Đối với vịt con sau giai đoạn gột (vịt nuôi được 20 ngày tuổi) là có thể đưa chúng đi chăn thả hết cánh đồng này đến cánh đồng khác, có khi đi từ tỉnh này sang tỉnh khác với những đàn từ 5.000 đến 15.000 con. Yêu cầu chỗ ở đối với chúng chỉ cần ban ngày đi chăn thả trên đồng, tối đến quay đàn (cái quay đàn thưa bằng tre cao độ 30 - 40cm) không cho vịt chui qua. Nhiều người nuôi vịt thường buổi tối nhốt vịt trên một bãi cỏ bằng phẳng, sáng đi chăn cứ như vậy cho tới khi vịt mọc đủ lông (chéo cánh 75 - 90 ngày tuổi) được bán thịt.

Đối với vịt mái đẻ cũng vậy, đến mùa đi chăn thả cũng chỉ cần quay đàn cho vịt ban đêm trên bãi cỏ, sáng nhật trứng rồi lại tiếp tục đi chăn. Như vậy vịt có thể ngủ dưới đất. Nếu có làm chuồng thì chỉ là những cái lều tạm không tốn

kém gì. Ngay cả các trại chăn nuôi vịt công nghiệp, chuồng vịt cũng đơn giản rẻ tiền.

Vịt có thể nuôi tập trung trên ao hồ nuôi cá. Nhờ phân vịt làm thức ăn cho các loài thủy sinh, cá ăn các loài thủy sinh đó có thể tăng sản lượng lên 25%.

Vịt có tập tính sống theo đàn, dù cho đàn vịt đông từ 1000 - 2000 con khi đi chăn xa chúng không bị lạc đàn. Một đàn vịt 2000 con chỉ cần một người đi chăn cũng bảo đảm an toàn.

Các sản phẩm của vịt đều có giá trị sử dụng cao.

Thịt vịt quay, vịt lạp, vịt sáy, vịt luộc, vịt tần... đều là những món ăn có nhiều protit và được mọi người ưa chuộng kể cả trong nước cũng như ngoài nước.

Trứng vịt cũng là món hàng xuất khẩu có giá trị kể cả trứng tươi cũng như trứng muối. Lòng đỏ trứng vịt chế biến thành bột là món ăn bổ dưỡng cho người già, người ốm, bột lòng trắng trứng là một dược liệu.

Chân vịt nấu cao là một vị thuốc chữa bệnh thấp khớp còn lỵ mề vịt là thuốc chữa đau dạ dày (theo đông y).

Phân vịt là loại phân hữu cơ có phẩm chất cao, dùng để bón rau, trồng gừng, trồng mía và gieo mạ đều rất tốt.

3. Một số khó khăn của nghề nuôi vịt chăn thả.

Nuôi vịt ở nước ta có nhiều thuận lợi nhưng cũng có những khó khăn cần khắc phục, nhất là khi nuôi chúng thành đàn lớn. Sau đây là những khó khăn chủ yếu:

Trại vịt thường có tiếng ồn ào hơn trại gà. Ban đêm yên tĩnh nếu có con vật lạ vào chuồng, người đi qua hoặc có tiến động thì cả đàn vịt kêu rộ lên. Nếu không bố trí cẩn thận thì đàn vịt có thể đồn lại xô đẩy nhau làm vỡ trứng và ảnh hưởng đến tỷ lệ đẻ.

Phân vịt nhiều và chứa nhiều nước nên làm cho chuồng vịt hoặc nơi nhốt vịt luôn luôn bẩn, ẩm ướt và tanh hôi hơn chuồng gà. Nếu không đảm bảo được vệ sinh thường xuyên thì đó là môi trường tốt cho các loại vi trùng gây bệnh phát triển.

Nuôi vịt chăn thả cần phải lưu động, nhất là khi nuôi đàn lớn, người chăn nuôi thường phải đi theo đàn vịt (qua hồ đầm, sông,...) kể cả ban đêm cũng phải ngủ gần lán vịt để trông coi, nên người chăn nuôi thường rất vất vả mất nhiều công sức hơn chăn nuôi các gia súc khác.

Bệnh dịch tả vịt xảy ra thường giết hại hàng loạt có khi hàng vạn con cho nên nuôi vịt có thể làm nhà ngói mà cũng có thể bị phá sản nếu ta không áp dụng những tiến bộ kỹ thuật (tiêm phòng định kỳ) thì sẽ không thể nào tránh được những thiệt hại lớn.

B. THAM KHẢO MỘT SỐ NÉT VỀ NGHỀ NUÔI VỊT TRÊN THẾ GIỚI

1. Những giống vịt thường gặp trên thế giới.

Trên thế giới có nhiều giống vịt được nuôi để lấy thịt và lấy trứng. Giống vịt nổi tiếng và phát triển rộng khắp là giống vịt Bắc kinh có nguồn gốc ở Trung Quốc. Giống vịt này được nhập nội từ Anh, Mỹ và cải tiến đi nhiều. Giống vịt Rouen

của Pháp cũng được ưa chuộng nhiều. Ở nhiều nước giống vịt thịt này lấy tên một tỉnh của nước Pháp đó là vịt Rouen đã được cải tiến và đang được nuôi nhiều để cung cấp thịt vịt cho thủ đô Paris và xuất khẩu, vịt Rouen có phẩm chất thịt thơm ngon hơn vịt Bắc Kinh nhưng tầm vóc nhỏ và chậm lớn hơn vịt Bắc Kinh.

Vịt Aylesbury của Anh được nuôi phổ biến ở nhiều nơi. Giống vịt này nổi tiếng về phẩm chất thịt, màu sắc lông trắng lớn nhanh và khỏe mạnh hơn vịt Rouen.

Vịt Coureur Indien và Kaki-Campbell là những giống vịt trứng nổi tiếng trên thế giới. Vịt Coureur Indien có nguồn gốc ở đông nam Châu Á và được chọn lọc ở Anh, nó có thể đẻ tới 300 trứng/năm, phẩm chất thịt mịn, thơm ngon.

Giống vịt Kaki-Campbell cũng được tạo ra từ Anh, phẩm chất thịt thơm ngon được ưa chuộng, nó được nuôi nhiều ở các nước Châu Âu, nhất là Hà Lan và Anh.

Giống vịt lai giữa vịt Kaki-Campbell với vịt Bắc Kinh đã được Liên Xô tạo ra. Hiện nay có hai dòng vịt "Sáng" và vịt "Maxcova trắng" có khả năng cho trứng cao và thịt có phẩm chất tốt.

Ngan (ở Pháp gọi là Bacbaric) cũng là giống vịt được nuôi phổ biến ở nhiều nước.

Gần đây Liên Xô, CHDC Đức và một số nước đã phát triển nghề nuôi vịt trời, thực chất là lấy giống vịt đực địa phương cho lai với vịt mái trời để tạo ra giống vịt có khả năng nuôi chăn thả nửa tự do, nửa quản lý. Giống vịt này có phẩm chất thịt thơm ngon.

2. Nghề chăn nuôi vịt ở một số nước.

Liên Xô : Phần lớn ở Liên Xô vịt được nuôi trên mặt nước mà thường được tập trung ở nhiều vùng có nhiều nguồn thức ăn cho vịt ở dưới nước. Mặt nước có độ sâu không quá 50-60 cm và thường có đầy đủ rau, rong, cỏ, mọc dưới nước. Nhờ vậy thức ăn cho vịt giảm đi được một phần.

Với phương pháp này vịt thịt nuôi khoảng 90 ngày tuổi và tiêu tốn 1 kg tăng trọng là 2,8 kg thức ăn.

Trong một số trường hợp và trong những điều kiện thích hợp vịt nuôi ở dưới nước cho kết quả tốt hơn là vịt nuôi ở trên cạn.

Cộng Hòa Dân Chủ Đức : Ở Cộng Hòa Dân Chủ Đức vịt được nuôi chủ yếu trên mặt nước.

Ở Beclin và Postdam có nhiều hồ nước nên ở đây vịt nuôi rất nhiều. Vịt được nuôi trong chuồng gỗ đơn giản xây ngay trên bờ hồ. Ở các trại đều có đủ các loại vịt (vịt mái, vịt con, vịt thịt và vịt giống...) và cơ sở ấp trứng để sản xuất vịt con. Mỗi khu đều cách nhau vài cây số.

Ba tuần lễ đầu, vịt con được nuôi ở trong phòng có diện tích tương tự như khi nuôi gà con (10 cm x 30 cm). Sau ba tuần tuổi vịt con được mang đến chuồng bên hồ nước nuôi và ở đây cho đến khi giết thịt.

Anh : Ở nước Anh người ta ấp trứng vịt để sản xuất ra vịt con chủ yếu từ tháng 3 - tháng 9. Gần đây một số lớn các trại đã ấp trứng vịt quanh năm. Vịt con được bán lúc 1 ngày tuổi hoặc 3-4 ngày tuổi. Vịt được vỗ béo trong các trại lớn

quanh năm và mỗi tuần 1 trại có thể sản xuất ra vài nghìn con.

Vịt con từ 1-14 ngày tuổi được nuôi trong bẫy nhỏ (60 con 1 bẫy) hoặc nuôi trong lồng hay trong chuồng nền đất có độn rơm dày và có sưởi ấm. Sau đó vịt con được mang đi nuôi ở những chuồng bằng sắt trong những căn nhà đơn giản (nhiều khi không có mái). Nuôi vịt thịt như vậy cho đến khi giết thịt, nếu nuôi trên cạn thì mật độ 3con/m² và 30 con 1 bẫy, nếu nuôi trên bãi cỏ thì mật độ 1 con/1m² và 100 con 1 bẫy. Trong thời gian cuối cùng vỗ béo vịt được nuôi thả tự do.

Australia : Ở Australia vịt nuôi theo kiểu công nghiệp như gà (broilr). Trong 3 tuần lễ đầu vịt được nuôi trên cạn, vịt con thì nuôi trong lồng sắt, sau đó được chuyển đi nuôi trên cạn với chuồng có mái che. Sau 8 tuần nuôi béo vịt đạt trọng lượng bình quân 2,8 kg, mức tiêu tốn thức ăn cho 1 kg thịt vịt là 2,5-2,8 (thức ăn tổng hợp).

Mỹ: phần lớn các đàn vịt của Mỹ được nuôi tại vùng Long-Island: ở đó có những điều kiện sinh thái học rất thích hợp cho vịt.

Vịt con trong 3 tuần tuổi đầu được nuôi trên lồng sắt hay trên nền chuồng có độn rơm dài, sau đó người ta chuyển vịt đi để nuôi trên bãi cát và trên hồ nước. Đến 8 tuần tuổi, vịt thịt đạt thể trọng từ 2,8 đến 3 kg. Đàn vịt giống được thay thế hai lần trong 1 năm nhằm mục đích sản xuất ra một khối lượng trứng ổn định và có chất lượng cao để ấp.

Nhật : Ở Nhật vịt được nuôi chủ yếu ở trên cạn, không có mặt nước. Sản lượng trứng bình quân của vịt mái đẻ là 250

trứng/năm. Vịt thịt nuôi 80 ngày tuổi đạt thể trọng từ 2,3 - 2,5 kg. Một kg thịt vịt tiêu tốn bình quân 2,5 kg thức ăn tổng hợp.

Sau đây là một số nét chính về kỹ thuật chăn nuôi vịt ở Nhật Bản.

+ Vịt tơ để giống nuôi trên cạn, chỗ nuôi có rào xung quanh và không dùng mặt nước.

+ Một năm 2 lần thay giống vào tháng giêng, tháng 2 và tháng 4, tháng 5.

+ Ấp trứng vịt được thực hiện trong cả nước, cứ 5 ngày có 1 đợt vịt nở. Về kỹ thuật ấp trứng, không cần làm mát trứng trước.

+ Vịt thịt được nuôi trong lồng sắt từ khi 1 ngày tuổi đến khi giết thịt, không thay chuồng.

C. VÀI NÉT TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI VỊT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nhìn chung đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long vẫn là nơi có đàn vịt lớn nhất. Theo tài liệu thống kê hàng năm, ở các nước có khoảng 30 triệu vịt giống. Ở miền Nam theo bảng thống kê về tình hình nông nghiệp số lượng vịt nuôi năm 1965 là 13.484.000 con và hàng năm cứ tăng dần, đến năm 1974 số đầu vịt nuôi là 23 triệu con. Riêng các tỉnh miền Tây có 18 triệu con vịt. Hàng năm miền Nam đã sản xuất ra từ 15-20 triệu vịt thịt, bình quân thể trọng mỗi con là 1,3-1,4 kg. Số lượng trứng sản xuất hàng năm là 214 triệu quả. Riêng năm 1974 miền Nam đã sản xuất 32 triệu vịt giống và 362 triệu quả trứng.

Sự phân bố số vịt nuôi tại miền Nam Việt Nam không đồng đều, đa số vịt nuôi đều tập trung tại miền Tây Nam Bộ (chiếm 77,0% của tổng số vịt nuôi toàn miền Nam). Sau đây là số liệu đã thống kê vào năm 1974 :

Miền Tây có 17,9 triệu con, cao nhất là Long An 3,5 triệu con, chiếm 15%, sau đó là Tiền Giang 2,5 triệu con.

Các tỉnh miền Đông nuôi 2,6 triệu con, chiếm 11,3%. Các tỉnh miền Trung Trung Bộ (từ Quảng Trị đến Bình Thuận) nuôi 2,4 triệu con, chiếm 10,56%.

Riêng ở vùng cao nguyên Trung bộ số lượng vịt nuôi tương đối ít; 52 nghìn con, trong đó cao nhất là tỉnh Đắk Lắk: 18 nghìn con.

Hiện nay chúng ta đang phát triển mạnh nghề trồng lúa, nhất là lúa nước. Những đồng ruộng rộng lớn ở miền Nam là môi trường thuận lợi cho ngành nuôi vịt. Đây cũng là một cách khai thác tài nguyên theo hệ sinh thái học mà người nông dân của chúng ta có rất nhiều kinh nghiệm từ nhiều đời nay.

2. Thị trường tiêu thụ và khai thác các sản phẩm của vịt ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Tình hình khai thác và chế biến lông vịt.

Lông vịt là một sản phẩm có giá trị xuất khẩu. Ngay từ năm 1950, nước ta đã xuất khẩu lông vịt, thịt vịt, trứng vịt cho nhiều nước trên thế giới. Một điều mà ít người chú ý đến và cũng không ngờ đến rằng lông vịt lại là một sản phẩm hàng hóa có giá trị như vậy. Số lượng tiền xuất khẩu về lông vịt

của nước ta từ lâu đã có vị trí đứng vào hàng nông sản thứ ba trên than đá, cà phê, chè và nhiều loại nông sản xuất khẩu khác

Tên nông sản	Năm 1952	
	Khối lượng (tấn)	Thành tiền (đ)
Cao su	63.247	861.597
Gạo	153.752	525.178
Lông vịt	1.551	109.310
Than đá	212.976	79.708

Đây thực ra mới chỉ là cách thu mua lông vịt theo kiểu “chè chai lông vịt” chứ chưa phải là một kế hoạch thu mua khoa học. Nếu chúng ta có chính sách và giá cả tốt, có kế hoạch thu mua ngay từ cơ sở (xã, ấp, trường học, phường và các trạm thu mua). Nếu chúng ta tổ chức được nhiều xí nghiệp chọn và chế biến lông vịt đủ tiêu chuẩn xuất khẩu thì số lượng lông vịt thu mua được có thể nhiều gấp 10 lần hiện nay.

Một vịt thịt bình quân cho từ 25-40g lông có thể xuất khẩu được, tùy giống vịt số lượng lông thu được nhiều ít khác nhau.

Từ năm 1950-1958 miền Nam xuất khẩu được 369.779.000 đồng tiền lông vịt. Những nước chủ yếu nhập lông vịt của miền Nam là Pháp, Tây Đức, Anh, Hồng Kông, Mỹ, Thái Lan, Đài Loan, Campuchia, Australia.

Anh, Pháp, Đức, Mỹ, là những nước có kỹ nghệ biến chế lông vịt rất phát triển. Lông vịt đã được chế biến làm chăn, gối, áo, nệm theo phương pháp công nghiệp hiện đại. Ở

những nước xứ lạnh, những sản phẩm làm bằng lông vịt rất được ưa chuộng (vì ấm và nhẹ).

II. CÁC GIỐNG VỊT Ở MIỀN NAM VIỆT NAM

Ở miền Nam có 3 giống vịt chủ yếu được nuôi nhiều là : vịt ta (vịt bầu), vịt tàu (vịt cỏ, vịt đàn), vịt xiêm (ngan).

Các giống vịt nhập từ nước ngoài vào còn rất ít, phần lớn do các khách du lịch mang trứng từ nước ngoài về cho ấp và nuôi từ vịt con. Ví dụ : Vịt Kaki - Campbell, nhập năm 1970, vịt Bắc Kinh nhập năm 1975, vịt Hà Lan nhập năm 1978, vịt thung lũng Anh Đào (Cherry-Valley) nhập năm 1979.

Sau đây là đặc điểm chính những giống vịt được nuôi ở miền Nam Việt Nam.

1. Các giống vịt nội.

a) *Vịt ta (vịt bầu)* : Vịt ta nói chung có hương thịt - trứng. Vịt ta thường to con, thịt mềm và ngon, thị trường trong rất ưa chuộng. Có người cho rằng giống vịt này nguồn gốc ở Bạc Liêu. Ở miền Bắc, với giống vịt này được nuôi ở vùng chợ Bến (Hà Sơn Bình) và gọi là vịt bầu bến.

Ở miền Nam nó chiếm tỷ lệ ít (20-25%) trong tổng số đàn vịt. Vịt ta có những đặc điểm chung như sau :

Đầu to, cổ lùn và hơi đứng, thân hình rộng và dày, hơi chếch với mặt đất khoảng 20°, lông nhiều dài đôn, chân hơi cao hơn vịt tàu. Dáng điệu chậm chạp, tính tình mạnh dạn.

Vịt cổ (vịt đực) thường có đầu to, cổ to hơn vịt mái. Trọng lượng bình quân lúc 90 ngày tuổi : vịt cổ 2,1-2,4kg, vịt mái 1,9-2,2kg. Mỗi năm vịt đẻ từ 100-110 trứng.

Vịt ta còn chia ra nhiều nhóm giống :

Vịt sen : đây là giống vịt thịt có đặc điểm ngoại hình gần giống vịt Bắc Kinh. Vịt sen màu lông trắng tuyền gọi là vịt sen cò. Vịt sen có lông màu trắng lẫn đen gọi là vịt sen nở. Khi còn nhỏ vịt sen có lông tơ màu vàng nhạt, lớn lên có cổ ngắn, mắt sâu, đầu to, mỏ và chân vàng. Vịt sen là giống vịt thuần thục nhất, thân hình to, thịt non mềm, tỷ lệ mỡ cao.

Vịt sen có loại hình đốm đen trên lông trắng là do có sự phân ly hoặc biến dị. Ba tháng rưỡi tuổi vịt sen nặng khoảng 2,5kg, vịt trưởng thành lúc 6 tháng tuổi nặng 3,5-4kg. Sản lượng trứng đạt 120 quả/con/năm, trọng lượng trứng là 80g.

Vịt sen cách đây 20 năm thường có ở vùng Long An, Bạc Liêu, Cần Thơ, tại đó người ta phát hiện thấy vịt mới nở có màu lông trắng, chứ không phải màu vàng. Các nhà chăn nuôi có ý kiến cho rằng đây có thể là một biến dị của vịt sen khi nuôi ở những vùng có nhiều thức ăn động vật.

Vịt ô : Vịt ô có tầm vóc lớn bằng vịt sen, đặc điểm ngoại hình cũng như vịt sen nhưng có khác là từ màu lông, đầu, mỏ và chân đều đen huyền. Cũng vì nó có bộ lông đen, chân mỏ đen nên người ta ít thích nuôi và không được ưa chuộng trên thị trường do đó dòng vịt này còn rất ít. Ưu điểm của vịt ô là có sức chống chịu bệnh tốt.

Vịt cà cuống : vịt này cũng lớn bằng vịt sen có bộ lông màu sẫm. Gọi là vịt cà cuống vì bộ lông của nó có màu sắc như con cà cuống. Mỏ và chân vịt màu vàng. Ở đầu cánh có

tím lông trắng và xanh lơ - ức có màu tím. Cổ vịt được có khoang trắng. Trứng vịt cà cuống nhỏ, màu xanh, trông giống như trứng con sếu.

Vịt cà cuống thịt mềm, béo, ngon không kém vịt sen. Vịt cà cuống có ngoại hình màu sắc gần giống vịt Rouen của Pháp.

Ở 105 ngày tuổi vịt nặng 2kg, khi trưởng thành nặng 3kg. Vịt cái đẻ 140 trứng/con/năm, trọng lượng trứng đạt 70g.

b) Vịt tàu (hướng trứng) :

Vịt tàu được nhập vào Việt Nam đã từ lâu, những nhóm vịt tàu bây giờ đều là những vịt đã lai với vịt địa phương, thích hợp với điều kiện nuôi dưỡng của Việt Nam. Vịt tàu còn gọi là vịt đàn, ở miền Bắc gọi là vịt cỏ. Vịt này thường gặp ở hầu khắp các nơi trên nước ta.

Vịt tàu nhỏ con, đầu nhỏ và thanh, mỏ khỏe rộng, cổ dài, thanh, thân hình mỏng, chân vàng thấp. Đây là giống vịt cho trứng, ở nước ta với điều kiện chăn thả và dựa chủ yếu vào đồng lúa. Mỗi năm vịt đẻ 180-220 trứng/con, trọng lượng trứng 65-75g. Vịt tàu đẻ sớm, tuổi đẻ là 140-150 ngày. Vịt tàu nhút nhát, lanh lẹ, biến động và có tập tính theo đàn cao cho nên mỗi đàn vịt thường nuôi từ 5-10 ngàn con.

Vịt tàu lúc 60-75 ngày tuổi, nặng 0,9-1kg, khi bắt đầu đẻ nặng 1,5kg. Vịt tàu thay lông nhanh hơn vịt ta, vì vậy thời gian ngừng đẻ ngắn hơn.

Từ xưa đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu về nhóm vịt tàu. Hiện nay, một số tỉnh ở miền Nam như Thành

phố Hồ Chí Minh, Long An... đã chú ý đến công tác chọn lọc và nâng cao phẩm chất con giống.

Vịt tàu có nhiều màu sắc lông, nhưng chúng ta vẫn có thể chia vịt tàu ra làm nhiều nhóm giống :

Vịt tàu cò : giống vịt này nhỏ con, có màu lông trắng, nhưng cũng có con trắng đen, có con màu lông như chim sẻ, nên còn gọi là vịt sẻ. Vịt tàu cò đặc dòng (thuần chủng) rất bé. Có người cho rằng đây là “vịt tàu thoái hóa”. Một điều chắc chắn là vịt tàu cò cũng giống như các vịt tàu khác, có màu của vịt tàu đã nhập vào Việt Nam đã lâu và đã lai với vịt ta.

Vịt tàu cò trưởng thành nặng từ 1-2kg.

Vịt tàu rằn màu sẫm : vịt tàu rằn màu sẫm còn giữ được nhiều đặc tính của vịt tàu nhất. Vịt tàu rằn màu sẫm có lông giống như lông chim mỏ nhát. Trên thân hình có đặc điểm như vịt cà cuống - vịt mái mang một túm lông và xanh lơ ở đầu cánh. Vịt đực có đầu xanh lơ, cổ khoang trắng, ngực màu tím và thân màu xám. Cả vịt cổ (vịt đực) và vịt mái đều có một làn lông trắng và xanh lơ ở đầu cánh, đều có mỏ vàng, chân vàng - vịt tàu rằn sẫm hình dáng giống như vịt Rouen màu lợt của Pháp nhưng nhỏ con hơn.

Đây là giống vịt đẻ trứng tốt, trung bình mỗi năm 200 trứng/con. Trọng lượng trứng nặng từ 70-80g. Vịt mái đẻ có trọng lượng 1,3-1,6kg.

Vịt tàu rằn màu lợt : có hình dáng giống như vịt tàu rằn màu sẫm. Màu sắc lông của vịt đực và, vịt mái không khác nhau nhưng cổ vịt đực dài hơn, thân dài và thon hơn vịt mái.

Khả năng sinh trưởng, sinh sản và khả năng sản xuất tương tự như vịt tàu rằn màu sẫm.

Vịt tàu rằn khoang cổ: vịt này giống như vịt tàu rằn. Có thể đây là một nhóm giống của vịt tàu rằn trong khi lai tạp tạo thành đã có sự phân ly về khoang cổ này.

Vịt tàu ô hay vịt mọi: vịt màu đen. Hình dáng bên ngoài cũng giống như vịt tàu khác. Người ta thấy vịt tàu ô ở khắp nơi.

Vịt tàu phèn : Có thể đây là nhóm vịt tàu rằn lọt bị thoái hóa. Lông màu vàng lọt như là màu đất phèn, do đó có tên là vịt tàu phèn. Thân hình bé nhỏ, dáng xấu nên đã bị thải loại dần.

Vịt tàu mốc : lông vịt tàu mốc có màu mốc, do đó gọi tên là vịt tàu mốc. Đây là nhóm vịt có loại hình quá nhỏ đã bị các nhà chăn nuôi loại bỏ từ lâu.

Nói chung nhóm vịt tàu giống như vịt cò (vịt đàn ở miền Bắc), thường được nuôi ở hầu khắp các nơi. Đặc điểm chung là nhanh nhẹn, nhút nhát, nhưng chịu khó kiếm ăn trên đồng ruộng, chịu đựng được kham khổ và chống chịu bệnh tốt.

c) *Vịt Xiêm* (ngan): Giống vịt này ở Miền Bắc gọi là ngan, miền Nam gọi là vịt xiêm vì tưởng rằng nguồn gốc của nó là ở Thái Lan, nhưng điều đó hoàn toàn sai. Thực ra vịt xiêm có nguồn gốc ở trung tâm Âu Mỹ và ở Nam Mỹ. Chính ở đây vịt xiêm mới thấy dưới dạng “dã cầm” người ta cho nó nhiều tên khác nhau như :

Vịt Ấn Độ : cũng có thể đây là nguồn gốc của vịt xiêm vì ai cũng biết là Christophe Colomb khi đến Châu Mỹ đã tưởng khám phá ra con đường đi tới Ấn Độ.

Vịt Cầm : vì người ta thấy tiếng kêu của nó hình như bị tắc ở cuống họng.

Theo Pelême.A. thì vịt xiêm đang còn thấy sống tự do ở Paraguay và ở Trung Mỹ. Có lẽ Christophe Colomb đã mang về Châu Âu và ngay từ năm 1559 người ta đã thấy vịt xiêm nuôi nhiều ở mọi nơi.

d) Vịt lai Ngan : (vịt đàn lai vịt xiêm) ở miền Nam đồng bào gọi ngan là vịt xiêm. Vịt lai ngan là sản phẩm của ngan đực (xiêm cổ) lai với vịt mái địa phương hoặc vịt đực địa phương lai với mái ngan. Vịt lai ngan lớn nhanh hơn vịt rắc dòng (thuần chủng), có bộ lông mượt, tầm vóc to và có nhiều thịt hơn.

Vịt lai ngan nếu là vịt đực thì nặng từ 4-6kg, nếu là vịt mái nặng từ 3-4kg. Vịt mái lai cũng dễ trứng, nhưng trứng bé hơn trứng vịt địa phương hoặc vịt tàu. Trứng này đem ấp cũng không nở được. Mỗi lứa đẻ kéo dài từ 3-3,5 tháng.

Khác hẳn với các giống vịt mái khác, vịt xiêm mái biết ấp trứng, biết nuôi con và chăm sóc con. Do đó người ta thường dùng vịt mái xiêm để ấp trứng vịt, vì nó có thể bơi cả xuống nước để chăm con.

Vịt xiêm cũng gồm nhiều nhóm giống: Xiêm trắng có màu lông trắng tuyền, xiêm đen có màu lông đen, xiêm xám, xiêm nở (lông trắng đen), xiêm lưỡng (lông xám trắng), xiêm bông (lông xanh lơ trắng).

Sau đây là đặc điểm ngoại hình chung của vịt xiêm : đầu to, con cái có mõng (mào) đỏ sặc sỡ, con đực mõng nhạt hơn, cổ ngắn, thân hình dài, lưng rộng, ngực nở, cánh phát triển, chân ngắn. Dáng đi nặng nề nhưng bay giỏi hơn vịt.

Vịt xiêm đực thường nặng 4-5kg, con cái nặng 2-3kg. Tuổi thành thực 190-220 ngày, mỗi năm đẻ 45-60 trứng, thường đẻ 3 lứa mỗi lứa 15-20 trứng.

2. Một số giống vịt ngoại:

a) *Vịt Kaki Campbell* : giống vịt này được tạo ra bởi một nữ kỹ sư nông người Anh tên là Campbell'Uley và là kết quả lai tạo từ 4 giống vịt: vịt chạy nhanh Ấn Độ (Couteur Indien) vịt trời, vịt Rouen của Pháp và vịt Orpington của Anh. Giống vịt này có ngoại hình to con và dáng dấp như vịt Rouen. Lông màu kaki vàng. Cổ, đầu và một vệt ngang trên cánh có màu đậm. Vịt mái có màu vàng sẫm mỏ màu xám đen, chân vàng. Mỏ vịt đực màu vàng.

b) *Vịt Bắc Kinh* : Vịt Bắc Kinh có nguồn gốc ở Trung Quốc và được hình thành 300 năm nay. Vịt này được nhập từ miền nam từ lâu nhưng đến nay chúng còn rất ít, không thuần nhất và bị thoái hóa. Nó là giống vịt thịt nổi tiếng được nuôi và cải tiến ở nhiều nước trên thế giới. Giống này được Anh và Mỹ chú ý từ lâu và được các nước này cải tiến đi nhiều.

Đặc điểm ngoại hình : Đầu to, ngắn và rộng, trán tương đối dốc, rộng, mỏ ngắn, thẳng và rộng có màu vàng đồng nhất. Mắt sâu vào bên trong. Cổ to, dài trung bình. Lưng rộng chân ngắn và khỏe. Đùi ngắn và to. Lông trắng, dáng đi nặng nề,

Vịt trưởng thành con đực nặng từ 3,5 - 4kg, con mái 3 - 3,5kg, sản lượng trứng từ 110-120 quả/năm.

c) Vịt thung lũng Anh Đào (Cherry valley).

Vịt Anh Đào được tạo dòng từ vùng thung lũng Anh Đào của nước Anh, nó được đưa vào miền Nam từ sau ngày giải phóng (1975), miền Bắc nhập vịt Anh Đào từ năm 1970, nuôi ở trại nghiên cứu Thụy Phương (Viện chăn nuôi) và sau đó được nuôi thực nghiệm rộng tại Viện cây lương thực (Hải Hưng).

Vịt đực trưởng thành nặng trên 4kg, vịt mái trên 3,5kg. Sản lượng trứng 100-110 quả/năm.

Vịt Anh Đào đã được lai với vịt cổ ở miền Bắc, vịt lai nuôi chăn thả 75 ngày tuổi nặng 1,7 - 1,8kg, có con đạt trên 2kg.

d) Vịt Hà Lan

Nguồn gốc vịt HaLan ở miền Nam còn đang là vấn đề bàn cãi hiện nay. Một số nhà chăn nuôi cho rằng vịt Halan hiện nay có liên quan đến 700 con vịt Kaki Campell được mang về nuôi tại trại Tân Sơn Nhất (năm 1958). Nhưng theo một số nhà chăn nuôi khác cho rằng loại hình sản xuất, màu lông và khả năng cho thịt và trứng của vịt được gọi là "Halan" này có sự khác rất rõ rệt với vịt Kaki Campbell. Ngược lại, có thể có sự liên quan giữa vịt này đến giống vịt Rouen của Pháp về màu sắc lông và hình dáng bên ngoài của nó tương tự như vịt Rouen. Sau đây là đặc điểm ngoại hình: vịt đực có ngoại hình khác biệt rõ rệt với vịt mái về màu sắc lông. Vịt đực có cổ to, màu xanh biếc, mỏ vàng pha xanh lá cây. Mất to, cổ có màu lông xanh biếc với khoang

trắng ở 2/3 cổ về phía đuôi. Thân dài lưng rộng. Lông ở phía lưng chuyển sang màu xám. Lông bụng có màu xám nhạt. Chân vàng.

Vịt mái : khác với vịt đực là một số ít con có mỏ màu xanh nhạt. Trên mắt có một hàng lông trắng cong theo viền mắt. Hai bên má là hàng lông trắng.

Vịt Hà Lan thường đẻ 120 trứng/ năm/ con.

Khi trưởng thành vịt đực nặng 3,5kg và con mái: 3kg. Hiện nay vẫn có một đàn tạm gọi là vịt Hà Lan tương đối thuần nhất được nuôi ở ấp Bình Trường Tây, xã Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An.

III. KỸ THUẬT ẤP TRỨNG VỊT.

A. BẢO QUẢN CHỌN LỌC TRỨNG ẤP

Để có thể nâng cao chất lượng con giống, nâng cao khả năng chống bệnh của vịt con và nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất thì việc chọn lọc ngay từ đầu những quả trứng tốt, đủ tiêu chuẩn đem vào ấp, là rất cần thiết.

Các cơ sở ấp trứng giống cũng như ấp trứng lấy vịt con nuôi thịt theo mùa vụ đều phải đề ra tiêu chuẩn và có căn cứ chắc chắn để chọn lọc trứng ấp, các cơ sở nuôi vịt để sản xuất trứng ấp cũng phải có quy trình chăn nuôi đảm bảo cung cấp trứng ấp tốt.

Hàng năm cả nước ta đã “vào ấp” khoảng trên dưới 60 triệu quả trứng vịt, riêng miền Nam vào ấp trên dưới 40 triệu trứng, hầu hết là dùng cách ấp thủ công (bằng trấu, thóc

nóng, ấp truyền hơi...). Việc cho trứng ấp chủ yếu mới căn cứ vào kinh nghiệm và bằng phương pháp đơn giản.

Trứng vịt để ấp là một sản phẩm giống có tính chất quyết định đến chất lượng và sức khỏe đàn vịt, nếu là nuôi vịt thịt thì nó ảnh hưởng đến chất lượng và khối lượng thịt sản xuất ra. Vì vậy, từ khâu sản xuất trứng đến khâu thu nhận, bảo quản và ấp trứng, đều cần có qui trình kỹ thuật để nâng cao tỷ lệ ấp trứng nở và chất lượng của vịt con nở.

Ở nước ta việc sản xuất trứng vịt để ấp thường tập trung vào hai vụ chính (theo hai vụ lúa), tức là vào tháng 2-4 và tháng 8-10 dương lịch. Cho đến nay đã có một số cơ sở ấp trứng bằng máy, nhưng hầu hết vẫn ấp trứng thủ công. Ở miền Bắc các lò ấp trứng thường có qui mô vừa với công suất khoảng 60.000 - 120.000 quả/tháng. Ở miền Nam các lò ấp có qui mô chênh lệch nhau với công suất khoảng 15.000 - 300.000 quả/tháng, có cơ sở còn lớn hơn. Ở miền Nam nhiều cơ sở sản xuất trứng vịt để ấp vẫn còn do tư nhân kinh doanh đồng thời cũng đã có các tổ hợp hoặc tập đoàn sản xuất trứng vịt để ấp.

Trong các cơ sở nuôi vịt lấy trứng ấp, phải có đầy đủ những điều kiện cần thiết để đảm bảo yêu cầu chung về thú y và chăn nuôi. Những đàn vịt bị mắc một số bệnh truyền nhiễm như phôi thương hàn, viêm gan và bệnh do các khuẩn (aspergillosis), là những bệnh truyền nhiễm qua trứng cho nên không lấy trứng để ấp. Về mặt chăn nuôi những cơ sở sản xuất trứng ấp cần phải có đủ vịt đực giống theo tỷ lệ của mỗi giống để đảm bảo tỷ lệ trứng có phôi. Sau đây là những yêu cầu cần được đề ra đối với trứng ấp:

1. Những yêu cầu chung.

Trứng vịt để ấp phải được lấy từ các cơ sở chăn nuôi có đủ những yêu cầu về sản xuất trứng ấp. Trên thực tế những quả trứng đó được lấy từ những đàn vịt sinh sản có lứa tuổi qui định như sau : tuổi bắt đầu đẻ của vịt Bắc Kinh vịt Anh Đào và vịt ta (bầu) không thấp hơn 7 tháng. Tuổi bắt đầu đẻ của vịt tàu (vịt cỏ) không thấp hơn 6 tháng.

Trứng phải sạch và không được rửa sau khi nhặt ở chuồng về. Trứng vịt để ấp không để lẫn với trứng đã loại ra không ấp, không để lẫn với trứng của các gia cầm khác (gà, ngỗng...). Trứng của giống nào để riêng giống ấy.

Không chọn đưa vào ấp những trứng giáp vỡ, trứng quá nhỏ, quá to, trứng bẩn, trứng dị hình, trứng bảo quản quá thời gian qui định (quá 7 ngày), trứng có phẩm chất xấu, trứng của đàn vịt mái không thả vịt đực.

Ở các cơ sở giống cấp I và cấp II cần tẩy trùng trứng ấp bằng cách xông hơi focmon ngay khi nhặt trứng ở chuồng về.

2. Chất lượng trứng ấp :

Trứng vịt để ấp phải đạt các chỉ tiêu chất lượng sau đây:

Chỉ tiêu	Đặc điểm cần đạt
1. Vỏ	Sạch sẽ, không sần sùi, không có mầm vôi trên vỏ trứng, không có vết rạn nứt. Những vết bẩn nhỏ do dính phân hoặc đất phải chùi khô.
2. Hình dáng	Cân đối, không được quá tròn, quá dài hoặc méo mó.
3. Khối lượng	Vịt cỏ (tàu) : từ 5g - 75g Vịt ta (bầu) : từ 62g - 85g Vịt Bắc Kinh : từ 70 - 90g

4. Trạng thái buồng khí	Buồng khí ở đầu to của quả trứng.
5. Lòng đỏ	Lòng đỏ có màu thẫm và di chuyển chậm.
6. Lòng trắng	Đặc, trong suốt, không có máu hoặc dị vật lẫn vào (trứng xấu thường đứt dây chằng, khi soi thấy chuyển động nhanh và chìm xuống dưới).

Cần loại bỏ không đưa vào ấp những quả trứng to quá bé quá, tròn quá, dài quá, méo mó, vỏ sần sùi, rạn nứt, quá bẩn, buồng khí ở đầu nhỏ hoặc bên cạnh. Độ cao buồng khí thay đổi theo thời gian bảo quản, càng để lâu buồng khí càng rộng (do nước trong trứng thoát ra ngoài qua các lỗ của vỏ trứng). Trứng có buồng khí nhỏ là trứng mới nên mới chọn để ấp.

3. Bao gói, vận chuyển và bảo quản trứng ấp.

Vịt bao gói và vận chuyển đúng qui cách sẽ làm giảm sự giập vỡ và tăng tỷ lệ ấp nở, phải bao gói cẩn thận và vận chuyển nhẹ nhàng.

Việc bảo quản từ khi trứng được đẻ ra đến khi đưa vào ấp tốt nhất là 5 ngày và lâu nhất là 7 ngày. Nếu kéo dài thời gian bảo quản quá 7 ngày thì tỷ lệ chết phôi sẽ cao.

Nhiệt độ bảo quản trứng vịt để ấp tốt nhất là 15-20°C. Không nên bảo quản ở nhiệt độ 28°C trở lên. Độ ẩm không khí trong phòng bảo quản trứng ấp từ 65-75%.

B. SOI TRỨNG VÀ THEO DÕI VỊT ẤP NỞ.

1. Soi trứng :

Trong quá trình ấp cần soi trứng để kiểm tra sự phát triển của phôi thai tốt hay xấu, tìm ra những nguyên nhân gây

phôi và có biện pháp khắc phục kịp thời nâng cao tỷ lệ nở và bảo đảm vịt nở ra khỏe mạnh.

Trong quá trình ấp người ta thường soi trứng hai lần vào ngày thứ 7 - 8 và ngày thứ 24 - 25.

Soi lần thứ nhất để loại bỏ những trứng không phôi, trứng chết phôi, trứng giập vỡ, rạn nứt còn sót lại. Nếu trứng tốt, mạch máu sẽ phát triển như mạng nhện, trứng không phôi thì trắng tinh, không có mạch máu, trứng chết phôi có vòng máu, hoặc có chấm đen.

Soi lần thứ hai để loại bỏ những trứng chết phôi, trứng thối. Những trứng chết phôi sờ thấy lạnh, không thấy chuyển động, phôi chết chỉ là khối đen màu nhạt. Những trứng chết phôi ở giữa thời kỳ ấp thường phát hiện thấy phôi nhỏ, các phần trong trứng tan ra, cũng có khi thấy phôi đen lại và dính vào màng vỏ trứng.

Những người ấp có kinh nghiệm ngoài hai lần soi trứng ra còn phát hiện thường xuyên trứng chết phôi để loại bỏ. Vì những trứng đó làm ảnh hưởng đến trứng có phôi phát triển tốt, chúng sẽ thu nhiệt của những trứng đó.

Trong quá trình soi trứng lần thứ nhất, nếu thấy trứng chết phôi nhiều hơn trứng không phôi là do trứng bảo quản lâu ngày, hoặc trứng bảo quản ở nhiệt độ và độ ẩm quá cao, không thích hợp. Nếu thấy trứng không phôi nhiều thì cần kiểm tra chế độ nuôi dưỡng chăm sóc và tỷ lệ trống mái xem đã thích hợp chưa. Cũng có thể là do chế độ ấp chưa tốt, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp cũng làm cho trứng chết phôi. Nếu

nhiệt độ cao thì gây ra chết phôi ở giai đoạn đầu nhiều, nhiệt độ thấp gây ra chết phôi ở giai đoạn cuối.

2. Theo dõi vịt nở.

Khi vịt ấp nở chúng thường mổ vỡ vỏ trứng. Trứng bình thường mổ vỡ ở khoảng $1/3$ vỏ về phía đầu lớn gọi là “gạo vỏ”. Chất lượng trứng tốt, chế độ ấp tốt thì trứng gạo vỏ đều. Nếu trứng gạo vỏ ít, không đều, không đúng vị trí thì cần phải xem lại chế độ ấp.

Những trứng tốt, chế độ ấp tốt vịt thường nở đúng ngày (28 ngày) nở rộ và tập trung. Nếu vịt mái ăn kém, thiếu các loại vitamin, thiếu đạm thì vịt con nở rải rác, tỷ lệ chết phôi cao, vịt nở ra yếu.

Nếu chế độ ấp đảm bảo không tốt (nhiệt độ cao vịt nở sớm) thì tỷ lệ chết sẽ cao. Nhiệt độ trong quá trình ấp thấp dẫn đến tỷ lệ chết cũng cao (nở chậm, lông xỉn). Độ ẩm cao làm cho vịt con nở ra nặng bụng và lông bẩn.

C. ẤP TRỨNG VỊT TỰ NHIÊN

Vịt mái của các giống vịt đều không biết ấp trứng; riêng vịt mái xiêm (ngan) là biết ấp.

Những gia đình nuôi đàn vịt mái nhỏ (từ 20 – 50 con) để tự túc thường dùng gà mái ta, vịt mái xiêm, gà tây hoặc ngỗng để ấp trứng vịt.

Một ngan mái quân bình có thể ấp được 12 – 15 trứng vịt.

Một gà mái ta quân bình có thể ấp được 10 – 12 trứng vịt.

Một gà tây có thể ấp được trên dưới 20 trứng vịt.

Một ngỗng có thể ấp được khoảng 18 – 20 trứng vịt.

1. Chọn mái ấp:

Mái ấp cần khỏe mạnh, có nhiều lông, cánh rộng, mình mập tròn, chân cao vừa phải và không có lông chân. Những mái khỏe thường lên xuống nhẹ nhàng, khi nằm cánh phủ kín trứng, đảo trứng đều và khéo. Nếu dùng gà tây ấp thì chọn những con đã hết lứa đẻ nhưng còn khỏe mạnh, lông còn dày, ngón chân bình thường, tính nết hiền lành. Tuyệt đối không chọn gà, ngan, ngỗng mắc bệnh hoặc ốm yếu để ấp trứng vịt.

2. Làm ổ ấp :

Ổ ấp có thể làm bằng gỗ, sọt tre hoặc rổ rá v.v... với đường kính là 35-40cm, gà tây và ngỗng : 55-60cm, ngan : 40-45cm. Dưới đáy ổ cần lót rơm hoặc cỏ khô mềm thành lòng chảo, chiều dài khoảng 5-7cm. Cũng có thể tết nùn rơm cuốn xung quanh, ở giữa lớp rơm mềm rồi làm thành ổ ấp. Trong thời gian gia cầm ấp nếu thấy rơm lót bị bẩn thì phải thay ngay.

Các ổ ấp nên để ở tầm cao khoảng 50-60cm cho gà nhảy lên dễ dàng, chúng đều phải được cố định chắc, tránh cho gia cầm mái khi di chuyển khỏi làm đổ vỡ trứng. Nếu dùng nhiều mái ấp trong cùng một nơi thì cần che kín không cho chúng nhìn thấy nhau và tranh ấp trứng của nhau. Nơi đặt ổ ấp cần thoáng mát, hơi tối và yên tĩnh. Không nên đặt ổ ấp gần bếp đun, nơi có gió lùa, hoặc mưa nắng hắt vào để làm trứng bị chết phôi.

Trứng ấp được 7 ngày cần soi để loại trứng không phôi và trứng chết phôi, sau đó có thể dồn trứng lại cho mỗi gia cầm mái có đủ số lượng và bổ sung thêm trứng mới cho các

gia cầm mái chưa đủ trứng. (Không được bỏ lẫn với trứng đã ấp).

3. Chăm sóc gia cầm mái ấp.

Ổ ấp nên làm cố định không thay đổi chỗ vì gia cầm mái thường có phản xạ quen chỗ và quen ổ cũ, dọn lót phải giữ sạch sẽ, không nên thay nhiều. Nếu có phải thay đổi vị trí của ổ ấp thì phải làm về ban đêm và làm nhẹ nhàng. Phải theo dõi mái ấp, nếu nó bỏ ổ trở về chỗ cũ thì phải nhốt tạm một hai ngày, hàng ngày thả ra lại bắt lên nhốt nhưng phải làm nhẹ nhàng, nếu không gia cầm mái dễ có phản ứng làm vỡ trứng nhất là đối với ngan.

Hàng ngày mái ấp thường rời ổ đi ăn và thải phân, đối với những con say ấp không chịu rời ổ thì những ngày đầu cần tập cho chúng có thói quen xuống ổ để tránh thải phân vào ổ ấp. Những con say ấp, nhất là gà tây, cần được chăm sóc và cho ăn tốt, uống nước sạch, nếu cần phải bắt chúng ra cho ăn uống và đuổi đi xa chỗ ấp để vận động.

Thức ăn cần bảo đảm đủ chất dinh dưỡng và có nhiều năng lượng (như ngô, thóc), cho ăn thêm thức ăn đậm và rau xanh non.

Sau mỗi lứa ấp, khi gia cầm nở cần sửa lại ổ ấp, thay dọn lót làm vệ sinh sạch sẽ chống mờ mạt. Ngoài ra cần kiểm tra sức khỏe của mái ấp, bồi dưỡng cho chúng, con nào yếu thì loại bỏ không cho ấp tiếp. Gà tây thường rất ham ấp, bình thường mái có thể ấp 3 tháng liền, có con trên 4 tháng, nhưng ta phải chăm sóc nó đầy đủ, nếu cần hàng ngày còn phải nhốt thức ăn

cho nó. Nếu nó không xuống ổ thì phải bắt xuống cho ăn uống, cho đi vận động rồi mới cho lên ổ để ấp.

D. ẤP TRỨNG VỊT NHÂN TẠO.

Các phương pháp ấp trứng vịt nhân tạo ứng dụng ở miền Nam chủ yếu là cách ấp trứng bằng trấu, thóc nóng, ấp truyền hơi. Nói chung tỉnh nào cũng có những lò ấp để tự sản xuất ra vịt con nuôi thời vụ, có tỉnh sản xuất ra hàng triệu vịt con hàng năm, theo cách đó (nhiều nhất là các tỉnh Long An, Hậu Giang...). Do điều kiện khí hậu ở miền nam nóng và có ánh mặt trời quanh năm nên các địa phương chủ yếu ấp trứng vịt bằng phương pháp truyền hơi, chỉ có một số nơi đồng bào thường dùng trấu, thóc nóng ấp trứng vịt trong giai đoạn 7 ngày đầu.

1. Phương pháp ấp “truyền hơi” :

Phương pháp này ở miền Nam được áp dụng phổ biến nhất, có nơi gọi là phương pháp “trứng ấp trứng”. Quảng Nam Đà Nẵng và một số nơi gọi là “ấp trứng bằng ánh sáng mặt trời”. Nói chung đây cũng là một phương pháp ấp trứng bằng trấu, thóc nóng và cũng có khác về kỹ thuật như sau :

Ấp trứng bằng trấu thóc nóng thì cần đến nguồn cung cấp và giữ nhiệt là thóc và trấu nóng ở giai đoạn đầu, có nơi dùng thóc không, có nơi dùng trấu không và cũng có nơi dùng cả trấu và thóc hỗn hợp, nhưng nói chung thường dùng hỗn hợp vì cách này giữ được nhiệt độ lâu hơn và ổn định hơn.

Ấp trứng bằng phương pháp “truyền hơi” không dùng trấu và thóc nóng mà sử dụng ngay những trứng đang ấp vì những quả trứng này đã tỏa nhiệt do phôi đã phát triển sau

khi được ấp 5, 10 và 15 ngày. Trứng đang ấp sẽ tiếp tục phát nhiệt và làm cho trứng mới vào ấp nóng lên đến nhiệt độ cần thiết. Phương pháp này cũng phơi trứng ngoài nắng trước khi đưa vào ấp từ 20, 30 phút hoặc lâu hơn nữa tùy ánh nắng mặt trời. Do việc trứng đang ấp được 5, 10, 15 ngày có khả năng truyền nhiệt cho trứng mới vào ấp, cho nên trứng mới sẽ hấp thu được nhiệt của trứng cũ làm cho phôi thai phát triển được bình thường.

Sau đây là trình tự tiến hành kỹ thuật ấp trứng vịt theo phương pháp này :

Thông thường trong lò ấp có loại trứng ấp được 16 -18 ngày. Như vậy nếu ấp 5 ngày một phiên thì trong pho có 3 phiên trứng ấp được 5, 10, 15. Lúc này nếu cần đưa trứng mới ấp vào thì người ta phải xếp lần lượt các mẻ như sau : trên cùng là trứng 15 ngày rồi đến trứng 10 ngày, 5 ngày và trứng mới vào. Sau 4 - 6 giờ phải đảo trứng một lần, chuyển trứng 15 ngày xuống dưới cùng và đưa trứng 10 ngày, ngày và trứng lên trên theo thứ tự. Trứng được luân chuyển như vậy cho đến khi mẻ trứng lâu nhất là 18 ngày cũng sẵn sàng để chuyển ra pho lạnh.

Ở một số cơ sở nuôi vịt trong nhà ấp người ta còn làm sàn nhiều tầng (từ 3 - 4 tầng, mỗi tầng cách nhau 30 - 35cm trên đó xếp các mẻ trứng có lứa tuổi khác nhau; nhưng trứng mới vào thường được xếp ở giữa hai mẻ trứng đã có số ngày ấp cao hơn để trứng cũ truyền nhiệt cho trứng mới). Tùy thời tiết, nhiệt độ ngoài trời mỗi lớp trứng được xếp dày mỏng khác nhau. Nếu nhiệt độ ngoài trời cao thì trứng xếp 1 hàng,

còn nếu trời lạnh thì trứng được xếp lên nhau thành 2 - 3 hàng để giữ nhiệt.

2. Phương pháp ấp trứng bằng trấu thóc nóng :

Ở miền Nam kỹ thuật ấp trứng vịt bằng trấu, thóc nóng cũng tương tự như miền Bắc, không có gì sai khác lắm. Chỉ có những dụng cụ dùng để ấp thì tùy theo địa phương sử dụng có khác nhau.

Pho nóng ở miền Bắc thường dùng sọt đan bằng tre, hoặc cốt, và làm thành một dãy. Nhưng ở miền Nam có nơi dùng hồ với kích thước có đường kính là 60 - 80cm, chiều cao khoảng 80 - 90cm, có nơi dùng thùng gỗ rỗng 1,20m, cao 1m, dài 8 - 9m. Trong những thùng này để nhiều giỏ tre có chiều cao khoảng 90cm, đường kính độ 50 - 60cm xung quanh giỏ có độn trấu, thùng được đặt cao hơn mặt đất khoảng 20cm. Mỗi thùng có từ 12 - 15 giỏ, dưới đáy giỏ lót một lớp trấu dày 15 - 20cm. Trong thùng để 2 dãy giỏ được bao bọc bằng trấu và xếp ngay ngắn.

Trước khi xếp vào giỏ trứng phải được lau rửa sạch sẽ và các giỏ đó thì được hơi nóng. Muốn hơi nóng giỏ, người ta thường để dưới đáy giỏ một số gạch đã hơi nóng hoặc là than nóng đựng trong một nồi đất. Miệng giỏ cần được đậy kín. Chỉ sau 1 giờ giỏ sẽ đủ nóng và có nhiệt độ là 30°C (không nên hơi giỏ nóng quá 30°C).

Trước khi đưa trứng vào ấp cần phơi trứng vịt ngoài nắng từ 15 - 30 phút để tăng thêm nhiệt độ của trứng.

Trong giỏ, cứ xếp 1 lớp thóc rang, đến hai lớp trứng vịt (trứng xếp trên một miếng vải), rồi lại đến một lớp thóc rang nữa.

Từ ngày thứ nhất đến ngày thứ bảy cần rang thóc mỗi ngày 3 lần, để nhiệt độ đạt $38,5 - 40^{\circ}\text{C}$. Đảo trứng mỗi ngày lần, ngày thứ bảy soi lần thứ nhất để lại những trứng không phôi và chết phôi lần thứ nhất. Từ ngày thứ tám đến mười hai ngày cần rang thóc mỗi ngày 3 lần, nhiệt độ đảm bảo $37,5 - 38,5^{\circ}\text{C}$; đảo trứng mỗi ngày 6 lần. Ngày thứ 12 lại soi trứng để loại bỏ những quả chết phôi, ngoài ra mỗi lần đảo trứng người ấp đều chú ý phát hiện những trứng chết phôi để loại kịp thời.

Từ ngày 13 đến ngày 17 không phải rang thóc nữa; đảo trứng mỗi ngày 4 lần. Từ ngày 18 trở đi trứng được xếp ra sàn và lấy chăn ủ để giữ nhiệt (giữ hơi nóng), mỗi ngày đảo trứng 3 - 4 lần đồng thời mở chăn làm thoáng trứng. Thời gian này có thể xếp trứng làm hai lớp hay một lớp tùy thời tiết nóng lạnh.

Từ ngày thứ 25 trở đi trứng được xếp thành một lớp và ủ bằng mền chăn hay vải xô, giấy bản... Mỗi ngày mở chăn ra 4 - 5 lần để thông thoáng và nếu cần làm giảm nhiệt độ đi. Ngày thứ 27 - 28 thì vịt nở, lúc này không cần đậy ủ bằng mền chăn nữa.

Ở miền Trung (vùng duyên hải) và một số địa phương ở miền Nam người ta thường phơi trứng với thóc, (không phải rang thóc), khi thóc đủ nóng thì xếp trứng và thóc vào bồ như ở trên đã nói.

Với kỹ thuật ấp trứng bằng trấu thóc nóng cũng như phương pháp truyền hơi người ta bảo đảm tỷ lệ nở trên trứng có phôi từ 90 - 95% (trứng đã thụ tinh). Như vậy so với ấp trứng bằng máy ấp tỷ lệ này không phải là kém. Mỗi tháng trung bình mỗi cơ sở ấp (lò ấp) có thể đảm bảo ấp được từ 15.000 - 20.000 trứng, có cơ sở còn có khả năng ấp nhiều hơn nữa. Ở Thành phố Hồ Chí Minh và Chợ Lớn có những nhà chuyên nghề ấp trứng vịt bằng phương pháp thủ công, có nhà mỗi vụ đã ấp được trên 200.000 quả trứng.

Ở miền Nam từ tháng 9 - tháng 12 (dương lịch) đồng bào thường ấp trứng vịt nhiều nhất, vì lúc này vịt cũng đẻ nhiều nhất, hơn nữa ai cũng cần nhiều con vịt để nuôi chăn thả đồng vào sau vụ gặt lúa.

IV. KỸ THUẬT NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC VỊT CON VÀ VỊT HẬU BỊ.

a) Nuôi vịt từ lúc mới nở đến 21, 25 hoặc 30 ngày tuổi.

Vịt con nuôi từ lúc mới nở đến khi ăn thóc thành thạo (thuộc thóc) gọi là “gột vịt”. Ở miền Nam gột vịt còn được gọi là “Úm vịt con”. Thời gian gột vịt con thường kéo dài đến 21, 25 hoặc 30 ngày tuổi, tùy theo giống vịt, tùy mùa vụ, và điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc.

1. Chăm sóc vịt :

Vịt con mới nở thường cho nhin ăn, có thể sau 24 giờ mới cho ăn (nếu vịt chưa khô lông có thể cho nhin lâu hơn). Sở dĩ như vậy vì sau khi nở ra trong bụng vịt con còn chứa một khối lượng lòng đỏ có tác dụng tiếp tục cung cấp chất dinh dưỡng cho vịt nếu cho vịt ăn ngay thì khối lượng lòng đỏ này không tiêu được dễ làm cho vịt chết trong tuần đầu.

Vịt con cần được chọn loại bỏ những con yếu, không đủ tiêu chuẩn (khèo chân, hở rốn, nặng bụng và có dị tật...). Sau đó vịt được chia lô, nếu số lượng đông thì chia làm nhiều quây, mỗi quây chỉ nên để 100, 150, 200 con tối đa 250 con, không nên để quá ít sẽ lãng phí lao động, nhưng không nên để quá nhiều vì chúng dễ chen lấn xô đẩy nhau ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng, tỷ lệ còi cọc và tỷ lệ chết sẽ lên cao.

Chỗ nuôi vịt con cần phải đảm bảo đủ ẩm, thoáng, đủ ánh sáng, không ẩm ướt và có mật độ nuôi thích hợp.

Nhiệt độ thích hợp là tùy theo lứa tuổi của vịt con; cụ thể từ 1 - 10 ngày nhiệt độ trong quây (hoặc chuồng vịt) là 30 - 25°C, còn từ 25 ngày : 25 - 20°C, độ ẩm thích hợp ở giai đoạn từ 1 - 25 là 65%, nếu độ ẩm quá cao sẽ làm cho vịt dễ bị bệnh về tiêu hóa và hô hấp (như hen suyễn, nặng bụng...). Ánh sáng cũng rất cần thiết, không nên nuôi vịt ở chỗ thiếu ánh sáng chúng dễ bị dẹt chân, nhưng cũng cần tránh ánh sáng mặt trời chiếu tiếp tục vào nơi nhốt vịt, chúng dễ bị cảm nóng và tụ máu não, chết hàng loạt. Mật độ nuôi vịt con ở các quây và các ô chuồng phải đảm bảo thích hợp tùy theo giống vịt và lứa tuổi. Đối với vịt từ 1 - 10 ngày tuổi thuộc giống Bắc Kinh, Anh Đào, vịt Bầu và vịt Hà Lan mật độ 15 - 20 con/m² diện tích nuôi là vừa, còn đối với vịt cỏ (tàu) : 20 - 25 con/m². Từ 11 - 20 ngày tuổi đối với vịt Anh Đào, Bắc Kinh, vịt Hà Lan và vịt bầu nên nhốt 12 - 14 con/m², vịt cỏ 15 - 18 con/m².

Từ 21 - 30 ngày tuổi đối với vịt Anh Đào, Bắc Kinh, Hà Lan và vịt bầu nên nhốt 10 con/m², vịt cỏ 12 - 14 con/m². Ở dưới nền chuồng nuôi cần lót một lớp rơm sạch, ngày thứ hai sẽ thay lớp rơm mới; nói chung độn lót phải khô ráo và sạch sẽ.

2. Thức ăn và nuôi dưỡng vịt.

Với phương thức nuôi chăn thả đồng, vịt sẽ tự tìm kiếm lấy thức ăn, do đó kỹ thuật gột vịt phải khác hơn so với vịt nuôi nhốt tập trung trong đó thức ăn được cung cấp hoàn toàn.

Khi thả vịt vào quây hay các ô chuồng nuôi cần huấn luyện cho chúng ăn uống, thức ăn dùng trong thời kỳ gột vịt thường là cơm, ngô mảnh, hạt cao lương, hạt mì nấu chín... Số lượng thức ăn cung cấp cho 1 con trong thời gian gột vịt đối với vịt cỏ là 0,6 - 0,8 kg còn đối với vịt bầu, vịt Hà Lan, vịt Bắc Kinh là 0,8 - 1kg. Thức ăn đậm, (mồi) như ốc, cua, tôm, tép, cá con, bọ nước, giun. Cho mỗi con vịt bảo đảm từ 0,2 - 0,3kg, thức ăn thô cho vịt ăn gồm các loại rau, bèo tấm, bí... Ngoài ra vịt con tự kiếm lấy thức ăn khi được chăn thả trên đồng ruộng.

Cách nuôi dưỡng vịt con từ 1 - 25 ngày tuổi thường chia ra làm các thời kỳ sau.

a) Vịt con từ 1 - 3 ngày tuổi :

Người ta thường cho vịt ăn cơm, ngô mảnh, mì hạt nấu chín. Những người chuyên nuôi vịt thường cho vịt con uống nước lá hành, với tỷ lệ cứ 1 phần lá hành cho vào 50 - 60 phần nước. Thức ăn tinh dùng cho vịt con ở giai đoạn này chủ yếu là gạo (với khẩu phần 3 - 4kg cho 100 con). Thức ăn nấu xong thì để nguội, đổ ra rá cho nước vào rồi bóp tơi ra cho hết nhựa dính, để cho ráo nước rồi mới cho vịt ăn. Có nơi đồng bào nấu thức ăn cho vịt bằng nước lá hành. Khi cho vịt ăn thì trải cát, đặt nóng (hoặc trải vải nilông) rồi đổ đều thức ăn cho vịt ăn không bị vãi. Không nên đổ cả thức ăn một lần cho một

bữa mà rắc một ít, khi vịt ăn gần hết lại rắc tiếp để kích thích cho chúng ăn được nhiều và không giảm đập lên làm hết hứng thú ăn. Mỗi ngày nên cho vịt ăn 4 - 5 bữa, trong đó có 1 bữa vào lúc 21 giờ 30. Sau mỗi bữa ăn cần cho vịt uống nước sạch hoặc uống nước lá hành. Trong giai đoạn này người ta thường không cho vịt ăn thêm thức ăn đậm (mồi).

b) Vịt con từ 4 - 10 ngày tuổi :

Tập cho vịt ăn thêm rau xanh, bèo tấm, hoặc bí... trộn lẫn với cơm. Ngoài ra cho vịt ăn mồi (thức ăn đậm) nếu mồi là ốc thì phải luộc chín, nếu là cua thì giã nhỏ nấu với cơm nếu là cá, tôm, tép thì băm nhỏ cho vịt ăn. Tập cho vịt ăn mồi từ ít đến nhiều, tránh để vịt ăn quá nhiều một lúc có thể chúng bị bội thực. Thời gian này còn phải tập trung cho vịt xuống nước để tắm, những ngày đầu chỉ cho vịt xuống nước 5 - 10 phút, sau tăng dần đến 30 phút và ngày thứ 10 trở đi có thể cho vịt xuống nước tự do.

c) Vịt con từ 11 - 16 ngày tuổi :

Không cần phải nấu cơm, nấu chín mì hạt hoặc mướp ngô nữa mà chỉ cần ngâm thức ăn hạt cho mềm. Đến ngày thứ 15 trở đi cho vịt ăn thóc luộc (thóc bung), có thể trộn thêm cám và rau xanh vào cho chúng ăn. Thời gian này vịt rất phàm ăn, vì vậy không nên cho chúng ăn quá nhiều một lúc; số bữa ăn sẽ giảm dần đến khi mỗi ngày chỉ cần cho ăn hai bữa kết hợp với chăn thả ngoài đồng (để vịt tự kiếm thêm thức ăn). Tăng cường cho vịt ăn nhiều thức ăn đậm.

d) Vịt con từ 17 ngày trở đi :

Thời gian này vẫn cho vịt ăn thóc bung và cho thêm lần thóc không bung vào. Đến ngày thứ 20 trở đi không cần phải luộc thóc nữa vì chúng đã quen thóc rồi (gọi là vịt đã “thuộc thóc”).

B. NUÔI VỊT SAU THỜI GIAN GỘT VỊT

(Từ 25 đến 75 - 80 ngày tuổi)

Tùy theo đồng ruộng của từng nơi mà vịt con được nuôi từ 25 - 40 ngày tuổi, lúc này vụ gặt cũng vừa xong, vịt con được thả ra ruộng để mò thóc rụng và các loại thức ăn thủy sinh.

Ở miền Nam người chăn vịt (thường đi theo đàn vịt) cắm lều ở với chúng, qua hết cánh đồng này đến cánh đồng khác, có khi từ tỉnh này sang tỉnh khác, từ khi vịt mới được 20 ngày tuổi cho đến khi chúng được 75 - 80 ngày tuổi. Sau khi vịt bán thịt rồi người chăn vịt mới trở về, cách chăn nuôi vịt như vậy gọi là nuôi vịt theo lối chạy đồng. Bình quân cứ 10ha đồng lúa vừa gặt có thể nuôi 2 - 3 nghìn vịt thịt (vịt từ 25 đến 75 - 80 ngày tuổi). Vì vậy người chăn nuôi vịt, phải biết tính toán thời gian ấp trứng vịt để kịp thời cho vịt con trước vụ gặt lúa (từ 25 - 30 ngày) để khi gặt lúa có thể đưa vịt thả vào đồng tận dụng được lúa rụng; mặt khác người ta còn lợi dụng được diện tích đầm, hồ, mương, máng, sông để chăn thêm vịt (tận dụng thức ăn đậm và các loại thủy sinh sẵn có).

1. Nuôi vịt con chăn thả đồng.

Trong chăn nuôi thả đồng cần chú ý chăm sóc quản lý vịt con từ 1 ngày tuổi cho đến khi được giết thịt (75 - 80 ngày tuổi).

Những tuần lễ đầu khi chia lô các đàn vịt vào quây hoặc các ô chuồng cần phải theo dõi; nếu thấy chúng đứng tụm lại chen lẫn nhau, có khi trèo lên nhau, là do vịt bị lạnh, cần phải che đậy để giữ nhiệt độ cho chúng; nếu trời nóng quá thì phải đưa vịt vào chỗ râm mát. Vịt con chăn thả ngoài đồng có thể bị quạ, diều hâu, cáo bắt, ngoài ra chúng còn có thể bị sa hố, lạc đàn...

Người chăn vịt phải thường xuyên quan sát để tránh cho vịt khỏi bị chết bởi những nguyên nhân nêu trên; phải bắt chọn lọc những con yếu, còi cọc ra khỏi đàn. Khi cho vịt nghỉ vào buổi trưa và buổi tối phải biết chọn nơi nhốt vịt, rào chỗ để thả vịt cho phù hợp với lứa tuổi.

Nói chung địa điểm đó phải cao ráo, thoáng không có nhiều chuột, cáo, rắn bắt vịt. Chú ý tìm chỗ mức nước nông sâu cho thích hợp với lứa tuổi đồng thời có nhiều mồi để vịt tận dụng. Nếu như nuôi cố định thì chỗ nào nuôi vịt cứ 2 - 3 tuần phải thay đổi một lần. Nuôi vịt chăn thả đồng còn phải biết dựa vào thời gian gặt lúa của từng thửa ruộng, từng cánh đồng để có kế hoạch chăn nuôi vịt cho phù hợp.

Cách thức vận chuyển vịt con, cũng phải được đặc biệt chú ý vì nhiều khi phải vận chuyển từ tỉnh này sang tỉnh khác, đi qua các quãng đường dài, đường xấu, thức ăn lại thiếu. Đó

là nguyên nhân làm cho vịt bị yếu đi, tỷ lệ vịt chết do vận chuyển sẽ cao, nhất là trong những tháng nóng bức.

Khi nuôi vịt chăn thả đồng cần tránh cho chúng đi trên đường, nhất là khi trời nắng, từ cánh đồng này sang cánh đồng khác, phải biết lợi dụng hệ thống mương máng để đưa vịt đi. Kinh nghiệm cho biết, vịt con có sức chịu đựng rất kém với điều kiện ăn uống thiếu thốn hoặc mất vệ sinh. Thiếu nước, vịt sẽ bị yếu và dần dần bị chết thức ăn thiếu hoặc xấu, mốc, hôi, mọt, thối, thiu đều làm cho vịt tiêu hóa kém, mắc bệnh và có tỷ lệ chết cao.

Cần phải biết xem thời tiết để tránh mưa, tránh bão hoặc gió lùa ảnh hưởng đến đàn vịt, hàng ngày cần phải quan sát kỹ sức khỏe của chúng. Về ban đêm nếu thấy vịt ngủ ngon, yên lặng là vịt no và khỏe mạnh. Khi thời tiết thay đổi hoặc vịt bị đói thì chúng thường kêu và cả đàn xôn xao. Cũng có khi thấy rắn, cáo hoặc tiếng động lạ vịt cũng xôn xao. Vào buổi trưa khi nghỉ vịt thường nằm yên tĩnh hoặc lim dim mắt. Nếu thấy vịt ủ rũ, chậm chạp hoặc kêu nhiều là chúng bị mọt, khát nước hay quá nóng, quá lạnh.

Cần tránh xô đuổi và bắt vịt nhiều làm chúng đề lên nhau, chảy máu do bị giập ống lông non, nhất là vịt lúc 40 - 50 ngày tuổi lông non ở cánh đang mọc.

Nuôi vịt vùng ven biển cần chú ý thời gian lên xuống của nước thủy triều để chăn vịt. Cần tập cho vịt quen dần, ngày đầu cho chúng ra ngoài 20 - 30 phút, sau tăng dần. Trước khi chăn vịt ở ngoài bãi biển cần cho vịt uống và tắm nước ngọt, và sau khi đưa vịt về cũng phải cho vịt tắm và uống nước ngọt, ăn thêm rau bèo...

Khi được chẵn thả ở ngoài đồng, vịt hoàn toàn tự túc kiếm ăn; hàng ngày chẵn thả hai buổi sáng và chiều, trưa vịt nghỉ nắng và tiêu hóa thức ăn. Trước khi bán vịt nếu trời có trăng và thời tiết tốt, hoặc khi nước triều lên xuống quen sông, bãi biển có thể chẵn vịt vào ban đêm để tận dụng thức ăn, vịt chóng lớn và béo hơn.

Đàn vịt sau khi gột, thì chuyển sang chẵn thả đồng, từ đó vịt thay lông rất nhanh, lông tơ thay bằng lông mới, lông cánh mọc ra. Sau một tháng tuổi lông bụng mọc trước gọi là “trơn lông bụng”. Khoảng 5 - 40 ngày tuổi, lông cánh nhú ra đều nhau gọi là “răng lược”. Sau đó lông mọc dài hơn xòe ra như bơi chèo gọi là vịt “bơi chèo”, bộ lông tiếp tục mọc che kín nửa lưng gọi là vịt “nửa lưng”. Tiếp theo lông cánh dài ra và gấp nhau ở khâu đuôi gọi là vịt “chấm khâu”, và đến 70 - 90 ngày tuổi thì vịt mọc đủ lông gọi là vịt “chéo cánh”, lúc đó vịt vừa đúng tuổi giết thịt, (vịt đã béo và tốc độ lớn giảm hẳn). Vào lúc này thường đồng lúa cũng đã hết thức ăn, và người chẵn vịt bắt đầu bán vịt thịt rồi mới trở về.

Đàn vịt thịt nên có số lượng vừa phải qui mô mỗi đàn trung bình vào khoảng 500-1000 con. Ở miền Nam có những tổ hợp nuôi hàng vạn con nhưng cũng phải chia ra làm nhiều đàn, mỗi đàn tối đa không quá 3000 con. Kinh nghiệm ở miền Nam cho biết, cứ 1000 vịt thì cần 2 người, trong đó có một người lớn và một em bé, nếu đàn 2000 thì cần 2 người lớn, nếu 3000 cần 3 người lớn.

2. Nuôi vịt con trong mùa cấy hay mùa mưa.

Nuôi vịt trong mùa cấy nói chung không kinh tế lắm vì phải cung cấp cho vịt một khối lượng thức ăn khá lớn, nhất là

về thóc. Lúc này ở miền Nam các nhà nông thường nuôi vịt ở nhà với những đàn nhỏ, nhằm tự túc thực phẩm. Vịt nuôi ở gia đình mà được ăn thức ăn đậm động vật (như muỗi, bọ gậy, cua, sấu bọ hại lúa...) thì lớn rất nhanh, thịt ăn mềm, béo và ngon hơn là nuôi theo mùa vụ gặt (vịt không phải chạy nhiều làm cho thịt cứng và ít béo hơn).

Nuôi vịt trong mùa mưa không kinh tế bằng trong mùa khô nhưng rất có ít cho nhà nông vì vịt ăn sấu bọ phá hại mùa màng và diệt trừ muỗi (lúc này có nhiều mặt nước, muỗi sinh đẻ nhiều).

Sáng và chiều cho vịt ăn thóc, hàng ngày vịt được thả ra đồng hoặc ra ao, hồ, tại đó chúng sẽ kiếm được nhiều mối có giá trị.

Trong vụ cấy, vịt con thường được nuôi từ cuối tháng tư sang tháng năm, sáu và kéo dài đến tháng bảy, tám. Đến khoảng tháng 8, tháng 9 ruộng đã cấy không thả vịt được, người ta phải tìm ao hồ, sông lạch, đưa vịt đi chăn và phải cho ăn thêm thức ăn (như thóc; mì, cao lương).

Nói chung vịt nuôi vào vụ này chậm lớn hơn so với vụ gặt mà phải cung cấp nhiều thức ăn hơn.

C. NUÔI VỊT HẬU BỊ

Như trên đã nói ở miền Nam thường có hai vụ nuôi vịt con : nuôi vịt mùa gặt từ tháng 9 -12 (dương lịch), và nuôi vịt mùa cấy từ tháng 4 -5 nuôi đến tháng 7, tháng 8. Trong thời gian này vịt con lớn nhanh và chuyển dần thành vịt hậu bị. Đến tháng 12 gặt lúa, ruộng nào vừa gặt xong thì có thể thả vịt vào tìm mối, cho vịt đi lưu động. Đến tháng giêng, tháng

hai (dương lịch) vịt được 3, 4 tháng tuổi, người chăn nuôi nếu định nuôi vịt đẻ (để làm giống hoặc lấy trứng bán thương phẩm) thì phải chọn lọc số vịt mái trong đàn. Những con không đạt tiêu chuẩn thì loại bán thịt (phần lớn là vịt đực), chỉ giữ một số vịt đực phù hợp với tỷ lệ vịt mái.

Nói chung vịt hậu bị lúc 3 tháng tuổi nên chọn những con lớn nhanh, sinh trưởng phát dục tốt, lanh lợi, lông mượt và mọc đầy đủ. Vịt đực chọn con hăng hái, đầu to, mỏ to, vịt mái chọn con đầu nhỏ, dít to và sà gần mặt đất, tìm mồi giỏi. Đến tuổi vịt bắt đầu đẻ nên chọn con có tuổi đẻ sớm, chọn những con có thời gian thay lông ngắn (từ 15 - 21 ngày). Như vậy nuôi vịt hậu bị tức là giai đoạn chuyển tiếp từ vịt con sang vịt mái đẻ, ở giai đoạn này tốc độ lớn của vịt chậm dần và có thời gian như dừng lại. Số lượng thức ăn cung cấp cho vịt trong thời gian này chủ yếu để cho chúng phát dục, hoàn thiện các bộ phận trong cơ thể chuẩn bị sang một giai đoạn sản xuất mới (sản xuất trứng đối với vịt mái và phối giống đối với vịt đực). Do đó, ở giai đoạn này số lượng thức ăn đầu tư cho vịt hầu như không thu lại được gì và nếu hạch toán là lỗ nhất, nhưng nếu không được chú ý đúng mức thì sẽ dẫn đến hậu quả không tốt cho đàn vịt giống sau này. Có nhiều người cho rằng giai đoạn này là “nuôi cầm xác” nhưng thực chất vẫn cần cung cấp thức ăn để phát triển toàn diện các bộ phận trong cơ thể (như bộ phận sinh dục, thần kinh...) và nhất là tầm vóc và sức khỏe của vịt.

V. KỸ THUẬT NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC VỊT ĐẼ.

A. CHỌN GIỐNG VỊT ĐẼ

Giống vịt đẻ ở miền Nam nước ta chủ yếu là vịt cỏ (chiếm trên dưới 80% tổng số đàn) ngoài ra còn có vịt bầu, vịt Bắc Kinh, vịt cổ lùn, vịt lai...

Nói chung đàn vịt mái đẻ thường được nuôi đến hết năm đẻ thứ hai thì bắt đầu thải loại và thay thế dần bằng đàn vịt mới (vịt tơ). Nhưng điều đó còn tùy thuộc vào từng người chăn vịt, tùy theo tập quán từng địa phương; nếu thấy sản lượng trứng của đàn vịt vẫn còn cao, ít nhất vẫn duy trì được như những năm trước, thì chúng vẫn có thể được giữ lại (có nơi cho vịt đẻ đến năm thứ tư và đặc biệt có những đàn vịt đẻ đến năm thứ năm). Tuy nhiên hàng năm cần phát triển thêm vịt tơ vào đàn vịt đẻ bổ sung và thay thế cho số vịt già loại thải, vịt ốm chết do bệnh tật hoặc do các nguyên nhân khác... Cuối cùng cần thay thế toàn bộ đàn vịt già bằng vịt tơ để cho lứa tuổi được đồng đều, tỷ lệ đẻ tập trung hơn và sản lượng trứng thu được sẽ cao hơn.

Vịt mái đẻ thường được chọn ở những đàn vịt hậu bị. Người chăn nuôi vịt tính toán ngay từ khi chọn trứng ấp, trứng đem ấp được chọn từ đàn vịt mái đẻ tốt. Số lượng trứng ấp phải có đủ số lượng để đảm bảo tỷ lệ ấp nở, tỷ lệ nuôi sống cho đến khi lên đàn mái đẻ đủ số lượng.

Trứng vào ấp cần làm kịp thời để có vịt con nuôi vào đúng thời vụ, có nhiều thức ăn khi chăn thả. Trong số những đàn vịt nuôi trong cùng một điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc

cần chọn ra những con vịt phát triển tốt, có tốc độ lớn nhanh, mọc lông sớm, ở các giai đoạn tuổi (21, 75, 120, 150 ngày tuổi) đều phải đạt tiêu chuẩn về giống.

Như đã nói ở trên vịt ta vịt bầu có trọng lượng cao hơn vịt tàu (vịt cỏ), vịt ta ngả về hướng thịt - trứng và vịt tàu hướng trứng - thịt. Trên thực tế sự sinh sản và sinh trưởng của chúng khác nhau, vịt tàu đẻ nhiều hơn vịt ta, nhưng sinh trưởng lại chậm hơn.

Trọng lượng của vịt tàu và vịt ta qua các giai đoạn tuổi

Tuổi vịt (tuần)	Trọng lượng	
	Vịt ta	Vịt tàu
Sơ sinh	40 - 50	40 - 50
2	80 - 150	60 - 90
4	200 - 400	100 - 250
6	500 - 900	200 - 450
8	800 - 1200	300 - 700
10	1200 - 1500	400 - 1000
12	1500 - 1800	500 - 1400
14	1800 - 2100	600 - 1600
16	2000 - 2500	700 - 1600
Vịt đẻ	3000 - 3500	1300 - 1600

Ở miền Nam, vịt được chọn lúc 75 ngày tuổi nếu là vịt tàu trọng lượng phải đạt 1000 - 1100g, nếu là vịt ta 1400 - 1500g, vịt Bắc Kinh : 2000 - 2200g. Lúc này vịt đã mọc đầy đủ lông, tầm vóc đồng đều, ngoại hình cân đối, không có khuyết tật, khỏe mạnh, tinh nhanh. Vịt được chọn lọc có tính

hăng, thân hình dài. Vịt mái có “phao câu” ngả xuống đất, có bộ lông mượt, tiếng kêu to và thanh là tốt, những con kêu nhỏ và trầm là vịt xấu.

Vịt từ 120 - 150 đến 180 ngày tuổi đều phải chọn lọc liên tục.

Khi chọn vịt cần dựa vào đặc điểm về giống để chọn. Sau đây là những đặc điểm ngoại hình của vịt cỏ, vịt bầu và vịt Bắc Kinh, cần nắm vững để chọn bổ sung vào đàn vịt mái đẻ:

Các bộ phận thân thể	Vịt cỏ (tàu)	Vịt bầu (ta)	Vịt Bắc Kinh
Đầu	Nhỏ thanh, trán không dốc quá.	Hơi to	Dài rộng và sâu, trán tương đối dốc.
Mỏ	Bẹt và dài. Phần lớn mỏ màu vàng da cam; con đực mỏ màu xanh lá cây nhạt.	Bẹt dài, mỏ màu vàng, con đực có màu xanh lá cây	Màu vàng da cam dài.
Mắt	To và sáng tinh nhanh.	To và sáng tinh nhanh.	To và sáng tinh nhanh.
Cổ	Dài, thanh.	Dài và to hơn vịt cỏ, con đực cổ có màu xanh biếc, một con cổ vòng lông trắng	To và dài hơn vịt bầu.
Cánh	Dài, rộng	Dài, rộng hơn vịt cỏ.	Dài hơn với vịt bầu (so với toàn thân)
Thân mình	Thon dài	Thân dài rộng, bụng sâu.	Dài, rộng, sâu.

Ngực	Hơi lép	Vừa, hơi sâu.	Rộng, sâu, hơi nhô ra phía trước.
Bụng	Con mái có bụng	Sâu.	Cong hơi sệ, sâu.
Đuôi	Hơi cong về phía trước, con đực có lông móc.	Rộng vừa, con đực có lông móc.	Ngắn, rộng, xòe, con đực có lông móc.
Chân	Hơi cao (so với bản thân vịt).	Cao vừa, màu vàng, một số con có đốm nâu đen.	Ngắn, khỏe (so với toàn thân) khoảng cách hai chân rộng và thẳng.
Màu lông	Màu lông không thuần nhất, màu chim sẻ, đen khoang trắng, trắng tuyền, đen tuyền xám đá...	Đa số có màu nâu xỉn "cà cuống" có loại loang trắng hoặc đen xám, sen cò, sen nõ đen (gọi là vịt ô).	Trắng tuyền.

Vịt chọn lên đàn mái để nếu có những khuyết tật sau thì không được chọn :

Đầu nhỏ, cổ ngắn, trán dốc, mỏ có màu không phải là đặc điểm của giống (như vịt bầu và vịt Bắc Kinh nếu có mỏ màu đen thì không chọn).

Thân mình ngắn, xương sườn lõm, xương lườn hái vẹo, đuôi cúp; con đực không có lông móc, phân biệt tính đực mái không rõ, đuôi vẹo.

Cánh xòa, ngắn, hoặc cánh tiên, xương lưng cong lệch hông đuôi thót lại. Màu lông khác với màu đặc trưng của giống.

Giống tốt cộng với thức ăn đầy đủ dinh dưỡng và chuồng trại thích hợp với đặc điểm sinh lý từng loại vịt, đó là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự thành công trong chăn nuôi vịt, bảo đảm cho sản lượng trứng và phẩm chất trứng ngày càng tăng.

Người nuôi vịt cần phải biết chọn được vịt mái đẻ tốt dựa vào ngoại hình và sinh trưởng phát dục, từ lúc đó bắt đầu đẻ v.v... mặt khác họ phải biết loại một cách chắc chắn những con vịt xấu, nuôi không kinh tế. Muốn vậy, phải hàng ngày hàng giờ chú ý đến đàn vịt của mình, đến trạng thái sinh lý của vịt, phải thường loại thải những vịt đẻ kém; đàn vịt đẻ phải đồng đều về trọng lượng; về màu sắc, về sức đẻ trứng.

Lợi ích kinh tế của vịt mái đẻ bắt đầu ngay từ khi vịt bắt đầu đẻ, đến lúc 6 tháng tuổi phải biết chọn con nào đẻ xấu, con nào đẻ tốt để loại hoặc giữ lại. Đối với vịt cỏ, 120 ngày tuổi thì bắt đầu thay bộ lông tơ và đến 150 ngày tuổi bộ lông mới đã mọc đầy đủ trở lại và có con bắt đầu đẻ.

Đêm đẻ đầu tiên của vịt thường có từ 9 -10% số vịt trong đàn đẻ và sau đó tỷ lệ đẻ tăng dần, khi vịt 6 tháng tuổi tỷ lệ đẻ đạt 40 -50% và sẽ lên tới 80 -90%.

Nếu được nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo, đàn vịt hậu bị sinh trưởng bình thường, thì đến tháng tuổi thứ năm vịt cỏ đã bắt đầu đẻ báo hiệu bằng 1 hiện tượng rụng lông nhỏ, đó cũng là dấu hiệu bên ngoài cho biết sự trưởng thành về sinh dục của vịt mái.

Khi thấy có những dấu hiệu như vậy người chăn nuôi lập tức phải chú ý đến khẩu phần và chuyển sang khẩu phần vịt đẻ.

Sản lượng trứng trung bình của vịt cỏ từ 180 -200 trứng/năm/con. Từ tháng tuổi thứ 6 đến thứ 11 vịt đẻ đều; tỷ lệ đẻ chiếm khoảng 90% nhưng khối lượng trứng còn nhỏ.

Thời kỳ đẻ thứ hai (từ tháng tuổi thứ 12 đến thứ 17) vịt đẻ đều hơn thời kỳ đẻ thứ nhất, trứng to hơn, tỷ lệ đẻ khoảng 95%.

Thời kỳ đẻ thứ ba (từ tháng tuổi thứ 18 đến thứ 23) vịt đẻ kém hơn, trứng to hơn thời kỳ thứ hai, tỷ lệ đẻ còn khoảng 85%.

Thời kỳ đẻ thứ tư (từ tháng tuổi thứ 24 đến thứ 30), vịt đẻ kém nhiều, tỷ lệ đẻ còn khoảng 75%.

Trước đây vài chục năm, nông dân miền Nam thường giữ vịt đẻ tới 5 - 6 năm tuổi. Gần đây cứ sau 4 lứa đẻ là vịt được loại để bán thịt.

Trong năm đẻ đầu tiên, nếu tỷ lệ đẻ dưới 80% là người chăn nuôi phải lưu ý.

Ngoài việc loại thải vịt đẻ kém, còn phải lưu ý trường hợp vịt hay bị rụng lông một cách bất thường, tức là không theo đúng mùa thay lông của toàn đàn. Vịt đẻ mà quá béo cũng không tốt. Muốn cho sự thải loại hoàn toàn được chính xác, người ta đưa những con đó đi nuôi riêng ở một nơi và tiếp tục theo dõi sức đẻ trứng trong một thời gian ngắn nữa.

Kinh nghiệm cho biết khi nào thời kỳ rụng lông bắt đầu thời kỳ đẻ trứng tạm ngưng. Lúc này cần phải chọn lại đàn

vịt, chọn từng cá thể. Con nào trong năm đầu chỉ đẻ 50% là phải thải bắt buộc.

Tóm lại, khi chọn vịt đẻ cần chú ý :

Vịt đẻ có đầu to, mỏ to, tròn.

Vịt mái đầu nhỏ, mỏ nhỏ và dẹt, cổ cao là vịt đẻ tốt; vịt đầu lớn, cổ rút, mỏ tròn là vịt đẻ kém.

Muốn sản xuất trứng để ăn nông dân miền nam thường chọn nuôi những mái đẻ nhiều, trứng to, trứng tốt (như vịt tàu rằn, có bộ lông gần giống như vịt mái Rouen của Pháp).

Muốn sản xuất vịt để bán thịt đồng bào thường nuôi vịt cà cuống và nhất là vịt sen trắng vì đây là những giống vịt to con, thịt thơm ngon.

B. CHUỒNG NUÔI VỊT ĐẸ.

1. Yêu cầu và điều kiện đối với chuồng vịt đẻ.

Nơi cấm chuồng nuôi vịt mái đẻ cần cao ráo, thoáng mát, yên tĩnh, tránh được chuột, cáo, chồn, chó, rắn; xa dân cư, xa đường giao thông. Nơi cấm chuồng nuôi vịt mái đẻ thích hợp nhất là những nơi có nhiều mặt nước ao hồ, sông lạch, ven biển, ruộng đồng... Vì chính những nơi này có nhiều nguồn thức ăn tự nhiên giàu protit giúp cho vịt lớn nhanh và đẻ nhiều.

Không khí trong chuồng nhốt vịt cần đảm bảo đầy đủ. Ban đêm nếu vịt đẻ bị nhốt chật và bí thì sẽ ảnh hưởng rõ rệt đến sức khỏe của chúng. Những hơi độc (như H_2S , NH_3 , CO_2) và các bụi bẩn có trong chuồng có thể làm cho vịt yếu đi, kém ăn, mệt mỏi, sút cân và tỷ lệ vịt sẽ giảm xuống rõ rệt.

Nói chung vịt mái dễ chịu nóng và chịu rét giỏi, nhưng nếu nóng quá (nhiệt độ không khí vượt quá 35°C) thì có thể gây ra rối loạn chức năng sinh lý làm cho vịt khát nước, ăn ít, thờ ơ nhiều, sã cánh đôi khi dẫn tới chết. Nếu lạnh quá (nhiệt độ không khí thấp dưới 10°C) thì có ảnh hưởng xấu đến sản lượng trứng. Ở miền nam, thời tiết thường không lạnh quá, nhưng vào mùa mưa, nếu chuồng trại bị dột, vịt lại thải phân nhiều dẫn tới độ ẩm cao sẽ gây tác hại đối với vịt và tạo điều kiện cho các mầm bệnh phát triển.

Trước cửa chuồng vịt cần có sân chơi cao ráo và hồ nước hoặc sông lạch sạch khi đi chần về vịt cần được tắm, sau đó cho chúng lên sân chơi rửa khô lông mới lùa vào chuồng.

Nền chuồng vịt cần có rơm rạ, cỏ khô, mùn cưa hoặc trấu để dọn tránh khỏi vỡ trứng. Chất dọn phải khô sạch, nếu là rơm cỏ cứng thì phải vò ra cho mềm. Cần kiểm tra thường xuyên lớp dọn chuồng để chống mò, mạt, kiến, nhất là nơi vịt làm ổ đẻ nếu dính phân và bẩn (do trứng vỡ) thì phải thay ngay, khi có dịch bệnh phải đốt dọn không được dùng nữa.

Mật độ chuồng nuôi vịt đẻ phải bảo đảm vừa phải, nếu là vịt cỏ thì cần 24m^2 nền chuồng cho 100 con. Nếu nuôi quá nhiều đầu con trong diện tích hẹp; tức là tăng mật độ lên thì tỷ lệ đẻ sẽ giảm ngay, tỷ lệ trứng giập vỡ tăng, bệnh phát triển.

2. Một số kiểu chuồng vịt đẻ.

Chuồng vịt kiểu tròn : có thể làm chuồng vịt đẻ theo kiểu tròn, xung quanh đắp đất nền dày $0,40\text{m}$, phía chân dày hơn phía trên, cao khoảng $0,60 - 0,80\text{m}$. Ở chính giữa nền

hình tròn có cột chắc chắn cao khoảng 3,20-3,50m, cột này là trụ đỡ mái che chuồng. Nguyên liệu làm chuồng đơn giản, chỉ cần tre, nứa, rom, rạ là loại dễ kiếm và rẻ tiền.

Loại chuồng tròn có ưu điểm là vịt không bị xô vào góc chuồng gây giẫm đạp và đè lên nhau, nhưng có nhược điểm là nếu che kín bên trên thì trong chuồng thường bị tối.

Ở miền Nam đồng bào thường dùng các quây bằng tre quây tròn, mỗi quây nhốt từ 300 -500 vịt mái đẻ. Nếu số lượng vịt nhiều hơn có thể làm nhiều quây, trên mỗi quây có thể che tạm bằng những tấm phên. Ở miền nam thường chặn vịt lưu động, di chuyển từ cánh đồng này sang cánh đồng khác, nên chuồng vịt để ít khi làm cố định.

Chuồng nuôi vịt cố định : kiểu chuồng này vì không phải di động nên làm tương đối chắc chắn cần chọn nơi gần sông, ao, lạch mương hay ruộng có nước ra vào, có nguồn thức ăn như tôm, tép, cua, ốc, sâu bọ... Nếu không có ao thì phải làm máng nước nhân tạo hoặc dùng chậu, vại sâu 30 - 40cm để vịt có chỗ bơi, đạp mái.

Chuồng cần làm cao thoáng, mái trước cao 1,7m để ra vào khỏi chạm, mái sau làm thấp trên dưới 1m cũng được. Cần phải chống mưa hắt vào trong chuồng làm ướt bẩn nền chuồng đọng nước - phải khô sạch.

Chung quanh chuồng cần có sân chơi có diện tích tối thiểu gấp 4 lần nền chuồng.

Máng ăn, máng uống cho vịt có thể dùng chậu, để vừa tầm mỏ của vịt, đừng để cao quá hoặc thấp quá. Để tránh vịt

lội vào, dùng các quây bằng tre quây xung quanh máng cho vẹt chỉ đưa đầu vào ăn dễ dàng.

Chuồng nuôi vẹt di động : nếu nuôi vẹt để chạy đồng thì chuồng có thể làm giản dị hơn, vì thường 1-2 tháng hoặc ngắn hơn nữa (thậm chí 3-5 ngày) phải di chuyển chuồng 1 lần (vì ruộng ít mỗi).

Như trên đã nói, cần phải chọn nơi cao ráo, gò hoặc bãi cỏ, bờ sông thoáng để làm chuồng. Chuồng chỉ cần có 4 cọc tre để giữ mái lá, chung quanh quây phên tre, nền chuồng phải lót rơm khô sạch. Trong những tháng không có gió lạnh, mưa rào, chuồng vẹt không cần phải lợp mái; chỉ cần quây chung quanh, còn buổi trưa tìm chỗ bóng cây mát có hồ nước để vẹt nghỉ ngơi. Mỗi m² chuồng có thể nhốt 6-8 vẹt mái đẻ. Diện tích sàn rộng gấp 6 lần nền chuồng. Sàn phải có rào, và rào phải cao hơn mặt ruộng.

Người chăn nuôi vẹt để thường cất chòi bằng tre lá hay lều bằng vải ở ngay bên cạnh để trông nom chăm sóc vẹt ban đêm, có người làm sàn trong chuồng để ngủ ngay ở trên đàn vẹt cho thuận tiện.

Máng ăn, máng uống có thể có thể dùng chậu sành, chậu nhôm hay chậu nhựa đều được để cho dễ vận chuyển. Thức ăn dùng cho vẹt ăn phải rải trên nong hay chiếu, không rải trên sân xi măng hoặc sân gạch, để phòng vẹt ăn dễ bị chảy và sức khỏe.

C. NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC VÀ PHƯƠNG THỨC

KHAI THÁC VỊT MÁI ĐỀ.

I. NHU CẦU CÁC CHẤT DINH DƯỠNG VỚI VỊT ĐỀ.

Trong cơ thể động vật luôn xảy ra quá trình trao đổi chất để sinh trưởng và phát triển.

Vịt đẻ có quá trình trao đổi chất rất mạnh cho nên chúng đòi hỏi rất nhiều các chất dinh dưỡng lấy từ ngoài vào bằng con đường thức ăn.

Trong số các chất dinh dưỡng trước hết phải kể đến protit. Lượng protit ít nhất cần thiết để giữ vững sự cân bằng protit trong cơ thể gọi là nhu cầu protit tối thiểu. Lượng protit này phụ thuộc vào giống, tuổi và trạng thái sinh lý của vịt. Thí dụ vịt đẻ 112 trứng/năm, lượng protit tối thiểu cần thiết cho một ngày đẻ là 32g (ở ngỗng đẻ 50 trứng/năm cần 38g). Nếu vịt đẻ nhiều hơn thì cần tăng thêm 2,5g cho 10g trứng hay 3g cho 1kg thể trọng.

Chất lượng protit phụ thuộc vào sự có mặt các loại axit amin, từ đó protit được coi là đầy đủ hoặc chưa đầy đủ. Thức ăn protit nguồn gốc động vật như (giun, ốc, cua, don, dất, tôm, tép, côn trùng, cá vụn, sâu keo, cào cào, châu chấu) được coi là các loại thức ăn protit đầy đủ thành phần. Protit nguồn gốc thực vật (hạt, củ, quả, lá) thường có thành phần axit amin không đầy đủ. Trong 100g protit động vật vịt có thể hấp thu được 70-90% chất dinh dưỡng trong khi đó đối với protit thực vật chỉ hấp thu được 60-65%.

Nhu cầu về vitamin cũng rất cần thiết cho vịt đẻ, nhưng vịt nuôi chăn thả thường tận dụng được đầy đủ các loại

vitamin cần thiết trong thức ăn mà chúng tận dụng được (thức ăn thiên nhiên cũng như thức ăn bổ sung). Tuy nhiên người chăn nuôi cũng cần phải quan sát đàn vịt (lông, da) để biết mức độ đủ hay thiếu vitamin để bổ sung thích đáng. Kinh nghiệm cho biết nếu thấy vịt có mỏ, chân nhợt nhạt hoặc mắt ướt, lông xù thường là do thiếu các loại vitamin A, B và D.

1. Các loại thức ăn chính của vịt đẻ.

Trong chăn nuôi thả ở miền Nam vịt đẻ chủ yếu thường ăn những loại thức ăn thiên nhiên, ngoài ra đồng bào còn cung cấp một phần thức ăn tinh cho vịt chủ yếu là các loại thức ăn giàu bột đường (như thóc, ngô, khoai, sắn, cám, mì hạt, ho bo...). Sau đây là những loại thức ăn chính của vịt đẻ :

a) Thức ăn giàu bột đường :

Thóc : Thóc thường được dùng để nuôi vịt mái đẻ. Thóc có thể ủ mọc nhằm để nâng cao khả năng tiêu hóa và có thêm vitamin E cần cho vịt đẻ. Thóc có khoảng 5% đạm tiêu hóa.

Ngô : Hiện nay ngô được dùng thay thóc để nuôi vịt, ngô có thể nuôi được các loại vịt và thích hợp nhất là vịt vỗ béo. Ngô có hàm lượng đạm tiêu hóa khoảng 7,40%, mỡ khoảng 4,5%. Ngô vàng có nhiều caroten. Vịt mái đẻ cho ăn ngô vàng lòng đỏ trứng sẽ có màu vàng sẫm.

Khoai : Các loại khoai thường giàu chất bột đường, nhưng có ít đạm (khoai lang tươi 0,6%, khoai ngô 1,7% đạm tiêu hóa). Khoai có thể chế biến bằng cách nấu chín hoặc thái nhỏ trộn với thức ăn khác cho vịt ăn vào thời kỳ đẻ vịt đẻ.

Mì hạt : Mì là loại thức ăn tốt của vịt mái đẻ và hiện nay có thể dùng nó để thay thóc hoàn toàn.

Sắn (củ mì) : Ở miền Nam có rất nhiều sắn, nhiều nhất là ở các tỉnh miền Trung và miền Đông Nam Bộ. Sắn có hàm lượng đạm tiêu hóa thấp (khoảng 1%).

b) Thức ăn giàu đạm và khoáng.

Như đã nói ở trên khi nuôi chăn thả vịt để có thể tìm kiếm được nhiều loại thức ăn đạm và khoáng, do đó hầu như người ta không cần cung cấp thường xuyên cho chúng mà chỉ cần cho ăn thêm vào lúc vịt đẻ rộ (tỷ lệ đẻ đạt 85-95%).

Sau đây là một số nguồn thức ăn đạm và khoáng chủ yếu của vịt:

Phù du động vật : Đó là những loại động vật nhỏ bé, sinh sản mạnh nhất vào mùa mưa, chúng phát triển nhiều ở các vùng nước thối, đầm, hồ, ruộng nước. Ngoài ra ở đây còn có nhiều loại thực vật rửa nát mà vịt có thể tận dụng được.

Những loại động vật thường có ở bãi chăn, hồ ao, mương máng và đồng ruộng miền Nam là : ốc trai, hến, don dất, tôm tép, còng còng, cua cáy, cào cào, châu chấu... Chúng chiếm tỷ lệ cao ở những nơi không sâu quá 0,5 mét. Các loại ốc vỏ mỏng có tới 80-90% thịt, loại vỏ dày khoảng 50%, cứ trong 100g thịt ốc chứa tới 37g đạm. Tỷ lệ canxi ở loài nhuyễn thể thường chiếm khoảng 20-25%.

Giun đất : Giun đất là loại thức ăn đạm động vật rất quý đối với vịt; hàm lượng đạm tiêu hóa của giun có tới 7-8% giun đất thường sống ở nơi đất ẩm, nhiều mùn, những vùng ven sông, ven bãi. Sau cơn mưa giun thường chui lên

khỏi mặt đất, lúc đó có thể thả vịt ra cho chúng ăn. Ở miền Nam đồng bào có tập quán thả vịt ra đồng vào mùa cày bừa làm đất chủ yếu là để vịt bắt giun trong đất.

Thức ăn đậm thực vật : thức ăn đậm thực vật dùng cho vịt thường là các loại hạt đỗ, đậu, lạc và bã đậu... Lạc có nhiều chất đạm (22-28%) và chất mỡ (36,5947,3%). Sau mùa thu hoạch các ruộng lạc còn sót lại có thể đưa vịt vào ăn.

Ngoài ra còn có thể dùng các loại khô dầu (lạc, vừng) cho vịt ăn.

Thức ăn bổ sung khoáng : Nói chung cần cung cấp thêm các chất khoáng cho vịt để khi không đưa chúng đi chăn thả vì mưa bão hay vì đồng ruộng đang vào lúc lúa mới cấy, lúa ở thời kỳ ra đồng. Những chất khoáng thường dùng gồm có :

Vỏ trứng : vỏ trứng có 28% canxi khi dùng cho vịt ăn vỏ trứng có thể đun chín hoặc đốt vừa phải rồi nghiền nhỏ trộn với thức ăn khác với tỷ lệ 2-1%.

Vôi bột : Nếu dùng loại vôi chết để khô làm thành bột khi dùng phải trộn vào thức ăn hàng ngày, cho vịt theo tỷ lệ khoảng 1-2%.

Muối ăn : Muốn có tác dụng cung cấp thêm natri canxi kích thích tính thèm ăn của vịt. Tỷ lệ muối trong khẩu phần của vịt đẻ là 0,5-1%.

c) Thức ăn giàu vitamin.

Vịt nuôi chăn thả thường tự kiếm tìm ăn các loại rong bèo, rau thiên nhiên, các loại cỏ... Ngoài ra người ta còn cho vịt ăn các loại rau trồng, củ quả. Các loại thức ăn này chứa nhiều vitamin.

Rong bèo : Ở ruộng nước, ao đầm, hồ, rong bèo thường phát triển rất mạnh (như rong đuôi chó, bèo tấm, bèo dâu, bèo Nhật Bản, bèo cái, bèo ong, cây súng, tóc tiên nước...) những loại thức ăn này có thể vớt về chế biến cho vịt ăn.

Các loại rau : Các loại rau thiên nhiên (như rau, đậu nành, dưa nước...) các loại rau trồng (như rau diếp, rau bắp cải, su hào...) đều rất cần thiết cho vịt, nhất là trong thời gian vịt đẻ rộ.

Các loại cỏ : Cỏ non vịt rất thích ăn, ngoài ra vịt còn ăn các loại hoa cỏ, hạt cỏ. Vịt ăn hoa cỏ, hạt cỏ thì đỡ tốn thức ăn tinh.

Các loại củ quả : Các loại củ quả như bí đỏ, cà rốt, khoai tây, khoai lang đều chứa nhiều vitamin A, B. Khi vịt đẻ, nhất là về mùa hè, nên cho chúng ăn thêm củ quả để bổ sung vitamin và giảm được thức ăn hạt.

d) Thức ăn hỗn hợp.

Ở miền Nam trong thời gian không phải là vụ gặt lúa hoặc mùa mưa (không chặn thả vịt vào đồng được), ngoài các loại thức ăn tinh, đồng bào còn cho vịt đẻ ăn thức ăn hỗn hợp. Thức ăn hỗn hợp nhờ có thành phần dinh dưỡng đầy đủ cả về số lượng và chất lượng, chúng ta có thể chủ động nuôi vịt tại cơ sở đảm bảo được tỷ lệ đẻ trứng, chất lượng trứng ấp và số lượng trứng cung cấp theo từng mùa vụ.

Thức ăn hỗn hợp sẵn, hoặc từ hỗn hợp lấy do đảm bảo đầy đủ các thành phần dinh dưỡng như prôtít, lipít, gluxít và các loại vitamin, khoáng cho nên vịt sẽ đẻ trứng có vỏ cứng,

trứng to, lòng đỏ thẫm, tỷ lệ đẻ và tỷ lệ có phôi cũng như tỷ lệ ấp nở đều cao như là khi nuôi chẵn thả.

2. Chăm sóc vịt mái đẻ.

Ở miền Bắc, có hai vụ vịt đẻ thích hợp ứng với hai vụ lúa; vụ đẻ thứ nhất thường từ tháng hai đến tháng sáu và vụ đẻ thứ hai từ giữa tháng tám đến gần hết tháng 12. Vụ đẻ thứ nhất là vụ chiêm, đây là vụ đẻ trứng tỷ lệ cao.

Ở miền nam tại vùng đồng bằng sông Cửu Long vịt thường đẻ một năm ba vụ, mỗi vụ đẻ liên hai tháng rưỡi đến 3 tháng, sau mỗi vụ vịt ngừng đẻ và thay lông. Trong 3 vụ đẻ đó vụ đẻ thứ hai thường đẻ nhiều trứng nhất, trứng có chất lượng tốt; tỷ lệ đẻ đạt 90 - 95%, có khi tới 100%.

Ở miền Nam, người chăn vịt có kinh nghiệm thường đi theo đàn vịt bằng chiếc thuyền con, chiếc thuyền này có thể vác lên vai một cách nhẹ nhàng, do đó mà có thể theo đàn vịt qua sông, hồ được.

Người chăn vịt phải biết là vịt kiếm được nhiều mồi hay ít mồi ngoài đồng để rồi cho vịt ăn thêm nhiều hay ít khi vịt về chuồng. Ví dụ : Khi thấy vịt mò mải miết, đó là đồng nhiều mồi, ngược lại khi thấy vịt chạy nhiều, đó là đồng ít mồi... Hoặc là vịt ăn no đủ thì đẻ nhiều, ngược lại vịt đẻ ít là thiếu ăn; phải chú ý đến số lượng và chất lượng thức ăn cần bổ sung cho vịt hàng ngày.

Tuyệt đối tránh không làm cho vịt sợ hãi. Lùa vịt đẻ từ ruộng này sang ruộng khác phải nhẹ nhàng, từ từ để cho vịt đi một cách tự nhiên. Vịt đang đẻ cần chú ý đừng để chúng phải leo dốc có thể bị đẻ non hoặc ngừng đẻ. Trong khi đi chăn vịt,

đi hết diện tích này đến diện tích khác (phải qua nhiều sông ngòi, ao, hồ, đầm, kênh...), nếu người chăn nuôi không có kinh nghiệm để vớt sa vào một nơi không có mồi (nước phèn mặn) thì sẽ làm cho vịt giảm đẻ.

Vịt mái đẻ không thích những nơi ồn ào, không ưa những nơi đất đầy bùn, đất quá khô, quá dốc. Vịt không thích sự có mặt của những người lạ và nhất là chó, vì nếu bị chó rượt đuổi thì ngày hôm sau đó sản lượng trứng sẽ bị giảm ngay. Đặc điểm của vịt, nhất là vịt mái đẻ, có “phản ứng stress” rất nhạy bén, nên những gì làm cho vịt hoảng sợ, hoặc làm thay đổi điều kiện sống, đều có ảnh hưởng xấu đến tỷ lệ đẻ ngay.

Ban đêm nếu người chăn nuôi ra thăm nơi nhốt vịt thì phải hết sức cẩn thận, đêm nào cũng chỉ nên làm đúng những cử chỉ thật cần thiết để cho vịt quen. Bóng người lạ, tiếng động lạ đều làm cho vịt kêu “thất thanh” làm cho vịt nháy loạn xạ, chất đống lên nhau ở một góc chuồng, chúng có thể bị thương hoặc đè lên nhau mà chết, một số lớn vịt ngày hôm sau sẽ ngừng đẻ. Có nơi người ta thắp một ngọn đèn để giữa chuồng và chỉ riêng người chăn vịt được đi vào khi nhật trường, không cho người lạ vào. Buổi trưa phải cho vịt ở chỗ mát để nghỉ ngơi, nhất là ở bên hồ nước trong sạch, có bóng cây mát.

Để bảo vệ sức khỏe cho đàn vịt, chỉ nên đẻ vịt ở một tuần lễ trong một nơi, sau đó sẽ chuyển chúng đi nơi khác, vì trong một tuần lễ phân vịt đã có khá nhiều, có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của chúng; hơn nữa nguồn thức ăn thiên nhiên ở đây bị giảm đi nhiều. Người chăn nuôi giỏi thường có một kế hoạch chăn vịt luân phiên trên các cánh đồng rất là khoa học.

Thường thường cứ 3 - 4 tháng chạy đồng, họ cho vịt trở lại nơi cũ. Nhưng theo “nguyên tắc chăn nuôi”, không bao giờ chuồng vịt được trở lại đúng nơi cũ có phân vịt, vì chính ở nơi đó đã có một số vi khuẩn đang phát triển để gây bệnh cho vịt.

Buổi trưa cũng như buổi tối khi cho vịt nghỉ phải thả chúng ở hồ nước trong sạch, có bóng mát để vịt được phối giống được dễ dàng, cần chú ý là những nơi có dòng nước chảy xiết hoặc các gò đất khô, vịt được phối giống rất khó khăn, và nhiều khi làm cho vịt mái bị thương, bị trật xương sống lưng, bị què, bị vẹo cổ... Nước ao tù, nước đục, nước có nhiều chất bẩn, nước phèn chua đều là những yếu tố rất có hại cho sự phối giống, có khi làm viêm nhiễm thường sinh dục của vịt mái và bộ phận sinh dục của vịt đực. Vịt còn có thể bị nhiễm ký sinh trùng gây ra bừa cổ (do giun chỉ) chúng có thể bị đau mắt..

Đối với vịt đẻ nuôi chăn thả, ngoài những thức ăn vịt đã kiếm được, còn phải cho chúng ăn thêm, thóc, mì hạt hoặc thức ăn hỗn hợp thật no chúng mới đẻ đều và tỷ lệ đẻ cao. Khi đi chăn thả muốn cho vịt ăn thêm, nên rải thức ăn trên chiếu hay trên nia là tốt nhất. Cần có đủ nước bên cạnh để vịt dễ nuốt trôi các loại thức ăn nhất là thức ăn bột. Tránh rải thức vào những ruộng vừa bón phân, chỗ nước có đất bùn, bẩn. Nếu cho ăn thêm cần cho vịt ăn đúng giờ.

Người chăn nuôi vịt còn phải chú ý để phòng những tai nạn có thể xảy ra đối với đàn vịt, không chỉ riêng vịt con mà ngay cả vịt mái đẻ cũng bị (như quạ, diều hâu, cáo có thể bắt vịt). Gặp dòng nước chảy xiết, bị rơi xuống hồ bị lạnh vì mưa rào to, bị lạc đàn, ăn phải sỏi, đinh, vỏ sò, còng cua, còng tôm

to... tích lại ở trong điều là những nguyên nhân để có thể làm chết cả vịt lớn. Đĩa nhỏ là mối của vịt, nhưng đĩa lớn có thể bám vào mỏ rồi hút hết máu của vịt. Vịt con và cả vịt đẻ cũng có thể bị lươn to cắn và kéo chân về hang để ăn thịt. Rắn, rái cá, chó, mèo hoang, chuột đồng đều là kẻ thù đáng sợ của vịt.

Không nên cho vịt ăn thóc ẩm, gạo mốc, cám mốc, tôm tép, cá vụn bị ôi thối vì điều đó có thể làm cho vịt tiêu hóa kém, điều sưng to lên, bị ỉa chảy. Phân tằm, nòng nọc đen... là những thức ăn độc cho vịt và có thể làm chết vịt.

Trong bất cứ một trại vịt nào, hoặc một người chăn nuôi một đàn vịt nào cũng phải nắm được chi tiết sức sinh trưởng của từng đàn vịt, tính thích nghi, sức đẻ trứng... Lúc nào sản lượng trứng tăng, lúc nào giảm tại sao? Tất cả những điều đó phải được trả lời cụ thể. Có phải do mùa vụ, thời tiết thay đổi không? Có phải là thời kỳ vịt thay lông không? Có phải do tình trạng sức khỏe của đàn vịt bị kém vì mắc bệnh nào đó không? Có phải là do chuồng trại bị lấy lợi, ẩm thấp, nóng quá, lạnh quá...?

Chỉ khi nào người chăn nuôi vịt để trả lời được những câu hỏi đó thì giá trị về con giống, về công tác giống về sự chọn lọc, loại thải thường xuyên mới đầy đủ và chính xác.

Ở những đàn vịt nuôi gần nhau, hoặc cùng chăn thả trong một khu vực, để tránh sự nhầm lẫn người ta thường đánh dấu ở mũi hay ở mỏ vịt bằng một cái kim. Muốn vậy người ta vạch 1,2,3 hay 4 vạch trên sống mũi, bên phải hay bên trái của vịt. Hoặc có người còn dùng dao xẻ bàn chân (màng bơi) của vịt ra 1 hay 2 vạch để đánh dấu.

Ở những cơ sở nuôi vịt lấy trứng thương phẩm thì trong đàn vịt mái không cần thả vịt đực vào. Những trứng này thường dùng ăn tươi hay muối mặn để dự trữ lâu.

Ở những đàn vịt mái đẻ nuôi lấy trứng ấp có thả vịt đực đi theo, những quả trứng đẻ ra thường không để lâu được ngay cả khi đã muối. Vịt đực đi theo vịt mái sẽ làm cho người chăn nuôi phải chú ý chăm sóc nhiều hơn và phải đầu tư về thức ăn nhiều hơn. Thường đối với vịt cổ cứ 100 vịt mái thì có 10 đến 11 vịt đực, vịt bầu 100 vịt mái có 13 đến 14 vịt đực; vịt Bắc Kinh 100 vịt mái có 20-22 vịt đực. Muốn đạt tỷ lệ có phôi cao thả một ít hoặc nhiều vịt đực quá đều không tốt. Nhiều vịt đực quá làm cho vịt mái bị thương nhiều, tỷ lệ hao hụt cao và giảm tỷ lệ đẻ, ít vịt đực quá thì tỷ lệ có phôi sẽ thấp, dẫn đến tỷ lệ nở thấp. Khả năng của 1 vịt đực trung bình có thể phủ được 12 vịt mái trong 1 ngày. Nhưng muốn đạt tỷ lệ có phôi cao thì 1 vịt đực chỉ phủ cho 3 đến 4 vịt mái là tốt nhất. Sau mỗi lần giao phối vịt sẽ có 3 quả trứng có phôi, nhưng phải đến ngày thứ ba hoặc thứ tư trở đi thì trứng mới có phôi, vì quả thứ nhất và quả thứ nhì đã hình thành rồi không tiếp nhận tinh trùng nữa. Như vậy tỷ lệ 1 đực 10 mái là tốt nhất.

3. Cách nuôi vịt mái ở thời kỳ thay lông (dập vịt)

Thời kỳ thay lông là thời kỳ sau khi vịt đẻ một thời gian. Thời kỳ này kéo dài thì vịt yếu sức, tỷ lệ đẻ kém đi (còn trên dưới 30%), do đó cần tính toán cụ thể đồng chăn để có thể “dập vịt” (làm cho vịt ngừng đẻ hẳn) và đúng thời kỳ cần thiết.

Ở miền Nam nước ta (vùng đồng bằng sông Cửu Long) vịt thường đẻ 1 năm 3 vụ, mỗi vụ đẻ 3 tháng liền, sau mỗi vụ vịt ngừng đẻ 1 tháng để thay lông. Nhưng cũng tùy theo đồng

bãi chăn, người chăn nuôi vịt cần dựa vào vụ cấy gặt và làm đất để cho vịt ngừng đẻ và đẻ cho thích hợp. Đối với vịt mái đẻ 2 lứa trong một năm thì cần cho chúng ngừng đẻ hai đợt vào khoảng thời gian từ 15/1 đến 15/3 và từ 15/7 đến 15/9 hàng năm. Còn những tháng khác chính là thời kỳ “dựng vịt”, tức là thời kỳ đưa vịt đi nuôi chăn thả ở đồng bãi kết hợp với bổ sung thêm thức ăn cho đầy đủ.

A. PHƯƠNG PHÁP DẠP VỊT.

Từ trước tới nay người chăn nuôi vịt ở miền Nam thường áp dụng nhiều cách dập vịt. Trước hết có thể cho vịt tự thay lông. Nhưng trên thực tế không trong đàn vịt mái đẻ tất cả đều thay lông cùng một thời gian như nhau : do đó nếu ta cứ để chúng tự thay lông một cách tự nhiên thì sẽ mất thời gian, tỷ lệ đẻ không tập trung, sản lượng trứng sẽ giảm đi nhiều. Để tránh tình trạng trên người chăn nuôi cần biết giúp vịt mái đẻ thay lông nhanh và đồng đều bằng cách nhổ lông cho vịt. Như vậy người chăn nuôi vịt có thể dựa vào kinh nghiệm khác nhau mà áp dụng kỹ thuật dập vịt để theo những phương pháp như sau :

Phương pháp giảm khẩu phần :

Lúc đầu chỉ giảm một phần khẩu phần, sau đó giảm thêm dần dần tiến tới giảm toàn bộ khẩu phần nhằm làm cho tất cả đàn vịt mái đều thay lông trong cùng một thời gian. Sau đây là kinh nghiệm tiến hành giảm khẩu phần dần dần theo thứ tự thời gian :

Từ 1	đến	3 ngày	giảm	1/10	khẩu phần
Từ 3	đến	6 ngày	giảm	2/10	khẩu phần
Từ 6	đến	9 ngày	giảm	3/10	khẩu phần
Từ 9	đến	12 ngày	giảm	4/10	khẩu phần
Từ 12	đến	15 ngày	giảm	5/10	khẩu phần
Từ 15	đến	18 ngày	giảm	6/10	khẩu phần
Từ 18	đến	21 ngày	giảm	7/10	khẩu phần
Từ 21	đến	23 ngày	giảm	8/10	khẩu phần
Từ 23	đến	25 ngày	giảm	9/10	khẩu phần
Từ 25	đến	26 ngày	giảm	10/10	khẩu phần

Từ ngày thứ 27 trở đi, vịt mái lại được ăn khẩu phần như bình thường. Trong thời gian thay lông, đàn vịt sẽ giảm đẻ dần dần rồi cuối cùng chúng ngừng đẻ hoàn toàn.

Từ sau ngày thứ ba vịt bị giảm thức ăn có thể nhận thấy lông của chúng bắt đầu rụng và đến ngày thứ 25 thì những đám lông thay thế bắt đầu mọc mạnh. Đến ngày thứ 30 khi đàn vịt bắt đầu ăn khẩu phần bình thường trở lại thì có thể chúng đã mọc đủ lông và chúng đẻ trở lại.

Thời gian vịt đẻ thường kéo dài 5 tháng và nếu được nuôi dưỡng tốt thì chúng có thể đẻ bình quân 100 trứng trong thời gian đó.

Phương pháp cho vịt đẻ nhịn ăn (hoặc nhịn uống).

Sau vụ đẻ trứng, tỷ lệ đẻ của đàn vịt thường giảm xuống còn trên dưới 30%, lúc này đồng bãi chăn cũng đã hết thức ăn và ta có thể dập vịt bằng cách cho chúng nhịn đói hoàn toàn (từ 1-3 ngày).

Sau đó cần nhổ lông cho vịt, chỉ nhổ 10 lông cánh chính, còn ở các bộ phận khác có thể để vịt tự rỉa lông cho rụng. Cũng có nơi đồng bào nhổ lông ngực và lông bụng. Sau khi đã nhổ lông bắt đầu cho vịt ăn lượng thức ăn từ ít đến nhiều, bình quân những ngày tiếp theo cho ăn 40-50g/con/ngày, rồi tăng dần lên 50-80g. Đến thời kỳ dưỡng vịt có thể cho ăn tăng dần từ 80-120g một ngày. Cần chú ý là số lượng thức ăn tính cho vịt nhiều ít còn tùy thuộc vào đồng bãi chăn vịt. Kinh nghiệm cho biết khi nào khẩu phần tăng lên 120-150g một ngày là thời kỳ vịt đã bắt đầu đẻ trở lại.

Ở miền Nam có nơi có kinh nghiệm cho vịt nhịn đói 1-3 ngày (nhốt vịt trong chuồng) vẫn cho chúng uống nước, đến ngày thứ ba thả vịt ra ruộng bùn cho chúng dầm, làm như vậy chúng sẽ rụng lông nhanh hơn. Cũng có nơi vẫn cho vịt ăn nhưng lại nhốt chúng rồi cho nhịn uống từ 28-24 giờ, sau đó nhổ 10 lông cánh chính. Nói chung cách này nguy hiểm hơn các phương pháp trên vì phải nhịn uống nước vịt dễ bị chết (nếu như sức khỏe kém thì tỷ lệ chết càng cao).

Thông thường vịt thay lông theo thứ tự từ đầu cổ cho đến ngực bụng, mình, đuôi và cánh. Đến khi vịt thay lông cánh là chúng ngừng đẻ, cho nên cần phải “đập vịt” vào trước và trong thời gian thay lông cánh.

Tùy theo sức khỏe của đàn vịt, nếu chúng đã đẻ nhiều sức yếu, lông đã rụng xơ xác, thì chỉ cần cho nhịn đói 1 hoặc 2 ngày; nếu vịt còn béo khỏe thì có thể cho nhịn đói đến 4 ngày. Khi nhổ lông cần bắt vịt nhẹ nhàng, tránh xô đẩy chúng khi nhổ lông một tay cầm chắc vịt trên xương cánh, tay kia cầm lông cánh vịt nhổ mạnh, nếu thấy chân lông không có

máu và thịt là được; nếu chân lông có máu thì không được nhổ, tránh làm tổn hại đến sức khỏe vịt. Trong một đàn vịt không nên nhổ lông làm 2 ngày mà phải làm dứt trong 1 ngày. Đập vịt cần phải tiến hành đúng lúc, không nên làm sớm quá để ảnh hưởng đến sức khỏe của vịt, nhưng cũng không nên làm muộn sẽ ảnh hưởng đến vụ đẻ sau.

Khi nhổ lông xong cần nhốt vịt trong chuồng từ 3 - 4 ngày và cho ăn 50g/1 ngày/1con và cho uống đủ nước. Cần theo dõi thường xuyên sức khỏe của vịt, tránh để chúng bị kiệt sức vì nhịn ăn nhịn uống để bị chết.

4. Cách nuôi vịt mái ở thời kỳ rụng vịt.

Cuối thời kỳ đập vịt, sau khi nhổ lông khoảng 30-35 ngày thì đàn vịt mọc đầy đủ lông mới trở lại, lúc đó chúng có bộ lông mượt đều, mỏ và chân đỏ, mỡ màng; chúng ham ăn và chịu tìm mồi hơn; vịt đực đập mái nhiều, còn vịt mái theo sát vịt đực và chuẩn bị sắp đẻ. Ở thời kỳ này cần cho vịt ăn tăng thêm cho đủ khẩu phần, đưa chúng đi chăn thả ở đồng bãi để kiếm mồi và kết hợp cho ăn thêm cua, ốc, don, dế, cá vụn thóc mọc mầm để thúc cho chúng chóng đẻ. Chú ý cho vịt ăn tăng dần, tránh tăng đột ngột, hoặc chuyển thức ăn đột ngột có hại cho chúng.

5. Cách nuôi vịt mái đẻ.

Muốn có đủ số lượng và chất lượng đàn vịt con để nhân giống hoặc nuôi vịt cần phải nuôi dưỡng đàn vịt mái tốt. Khi vịt bắt đầu đến tuổi đẻ hoặc sau mỗi vụ nghỉ đẻ và đẻ trở lại cần phải tác động đúng qui trình kỹ thuật về nuôi dưỡng chăm sóc để đàn vịt có tỷ lệ đẻ cao, chất lượng trứng tốt.

Ở miền Nam các vụ vịt thường đẻ phụ thuộc vào mùa vụ trồng lúa và làm đất của mỗi vùng, do đó việc tận dụng thức ăn thiên nhiên là chủ yếu, để sản xuất ra thịt, trứng. Tuy nhiên nói chung miền Nam một năm thường có hai vụ vịt đẻ chính : từ tháng 3 đến tháng 7 và từ tháng 9 đến tháng 12. Ở nhiều nơi thuộc vùng ven sông, ven bãi, đàn vịt còn đẻ rải rác vào các tháng khác nhưng ở thời gian đó số trứng đẻ ít và chất lượng trứng thường kém (trừ những vùng ven bãi có nhiều thức ăn protit như tôm, cua, ốc, sò, hến...)

Sau thời kỳ đập vịt khi đàn vịt đã đẻ 20-30% thì cần cho chúng ăn no đủ, nhất là thức ăn tinh (mỗi động vật) để vịt đẻ rộ trở lại (tỷ lệ đẻ cao). Nếu chưa có đồng bãi chăn thì mỗi ngày cần cho một vịt mái đẻ ăn 150g/ngày thức ăn tinh (có thể là thóc, ngô hoặc thức ăn hỗn hợp...). Ngoài ra nên cho vịt đẻ ăn thêm bí đỏ, rau non xanh, bèo...

Cơ cấu đàn vịt đẻ : Tùy theo điều kiện đồng ruộng, bãi chăn cần bố trí cơ cấu đàn vịt cho thích hợp. Nếu là đồng chăn hẹp khó kiếm mồi, nhất là khi đồng mới cấy thì nên chia đàn nhỏ khoảng trên dưới 300 con là vừa. Nếu là đồng bãi chăn rộng có nhiều thức ăn thì có thể bố trí đàn lớn hơn nhưng mỗi đàn không quá 2000 con. Nếu số lượng vịt nuôi khá nhiều ta có thể chia chúng làm nhiều đàn để dễ quản lý và chăm sóc.

Phương thức chăn nuôi vịt đẻ.

Ở miền Nam nước ta thường có hai phương thức chăn nuôi vịt đẻ.

Vịt đẻ nuôi tại chuồng : Phương thức này thường áp dụng khi nuôi vịt xiêm (ngan) hoặc vịt ta (vịt bầu) với cơ cấu đàn nhỏ. Vì chủ yếu nuôi vịt tại chuồng ta phải cung cấp thức ăn cho chúng gần như hoàn toàn cho nên phương thức này không kinh tế. Mỗi ngày cho vịt ăn 3 bữa : buổi sáng, buổi trưa và buổi chiều. Sau khi cho ăn thì thả vịt ra ngoài để tự kiếm ăn một phần. Ngoài thức ăn tinh như thóc, mì hạt, cám, ngô và rau, còn phải bổ sung với bột, vỏ sò, hến giã nhỏ với tỷ lệ 20% so với thức ăn tinh.

Vịt đẻ nuôi lưu động : Phương thức chăn nuôi này có hiệu quả kinh tế cao hơn vì đàn vịt mái đẻ tận dụng được thức ăn thiên nhiên, thức ăn rơi vãi trên đồng ruộng để sản xuất ra trứng, phương thức này áp dụng từng thời điểm, tùy đồng chăn nhiều thức ăn hay ít cần bổ sung thêm thức ăn cho vịt. Nếu là đồng ruộng vừa gặt, vịt có khả năng ăn no đủ thì không cần phải cho ăn thêm, nhưng nếu ban ngày đi chăn về thấy vịt chưa đủ no thì phải cho chúng ăn thêm thóc hoặc cám. Nếu thấy đồng chăn ít mồi (thức ăn động vật) thì còn phải cho vịt ăn thêm cua, ốc, tôm, tép...

Khi đi chăn vịt lưu động cần phải tìm nơi nhốt vịt thích hợp, chọn nơi cao ráo, gò đất, bãi cỏ. Chỉ cần cắm 4 cọc và dùng quây xung quanh để nhốt vịt, nếu trời không mưa không có gió lạnh thì không cần phải che phên. Nơi nhốt vịt phải ở liền với ao hồ lớn và có sân rộng để vịt có chỗ nghỉ ngơi, phối giống khi đi chăn thả về. Vào buổi sáng trước khi đưa vịt đi chăn nên để cho chúng bơi lội ở hồ nước một lúc và tối về cũng vậy.

Thời kỳ vịt đẻ rộ nhất là vào khoảng 2-4 giờ sáng. Nếu có điều kiện nên nhốt trứng hai lần (vào 4 giờ đêm và 5 giờ sáng) để tránh trứng bị bắn, giập vỡ. Khi nhốt trứng phải làm nhẹ nhàng và làm những động tác quen thuộc để vịt khỏi bị sợ hãi chạy tán loạn. Chỗ vịt đẻ nên lót rơm hoặc cỏ khô sạch để trứng khỏi bắn và vỡ.

Vịt tàu (vịt đàn) thường bắt đầu đẻ vào tháng thứ 5 thứ 6, lúc đầu tỷ lệ đẻ thấp, sau tăng lên đến 80-85%. Chúng đẻ liền trong 3 tháng rồi nghỉ đẻ và thay lông một tháng và bắt đầu đẻ trở lại. Một tháng trước và sau khi thay lông thì vịt đẻ ít. Kỳ đẻ thứ hai chúng lại đẻ liền trong 1 tháng, tỷ lệ đẻ lên đến 90-95%. Sau đó vịt lại nghỉ đẻ một tháng, thay lông và tiếp đến kỳ đẻ thứ ba chúng đẻ liền trong ba tháng nữa; trứng kỳ này to hơn kỳ 1 và 2, nhưng tỷ lệ đẻ giảm còn 70-85%. Thường sau kỳ đẻ thứ 3 người ta loại vịt đẻ ra để bán thịt và đến kỳ đẻ thứ 4 tỷ lệ đẻ thường chỉ còn 50%.

VI. TÌNH HÌNH VÀ CÁC BIỆN PHÁP CHỐNG DỊCH BỆNH CỦA ĐÀN VỊT Ở MIỀN NAM VIỆT NAM

A. VÀI NÉT TÌNH HÌNH CHUNG

Chăn nuôi vịt ở nước ta nói chung và ở miền Nam nói riêng là một tập quán lâu đời của nhân dân ta : những nơi nuôi vịt nhiều nhất ở miền Nam là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Chăn nuôi vịt ở đó có rất nhiều thuận lợi, có hiệu quả kinh tế cao, nhưng do điều kiện tiếp xúc với ngoại cảnh rộng rãi nên vịt rất dễ bị nhiễm các bệnh dịch và bệnh ký sinh trùng. Trước đây có nhiều người nuôi vịt ở miền Nam cũng như ở miền Bắc đã từng làm giàu về nghề nuôi vịt nhưng

cũng có người bị thất bại vì nuôi vịt. Do đó nhiều người cho nuôi vịt là chuyện may rủi hoặc có ma quỷ ám. Trong những năm gần đây nhờ có những tiến bộ về khoa học kỹ thuật thú y, ngành nuôi vịt đã khắc phục được những khó khăn may rủi này bằng những biện pháp phòng và chữa các bệnh truyền nhiễm và ký sinh trùng của vịt. Chúng tôi xin giới thiệu một số bệnh thường gặp khi nuôi vịt và cách phòng chữa các bệnh đó:

1. Bệnh dịch tả vịt có rải rác qua các năm và có ở hầu hết các tỉnh miền Nam
2. Bệnh tụ huyết trùng (bệnh toi vịt) hằng năm lác đác có xảy ra vào đầu mùa mưa.
3. Bệnh đậu vịt (bệnh trái) cũng có ở nhiều nơi nhưng không trầm trọng lắm.
4. Bệnh hen suyễn và cảm cúm thông thường hay xảy ra vào những ngày mưa rét, gió.
5. Bệnh đau mắt thường xảy ra và chiếm 1-2% trong đàn ở cả vịt con và vịt mái đẻ.
6. Nhiều bệnh ký sinh trùng, nhất là các bệnh giun sán. Cường độ các bệnh giun sán ở vịt con 1-2 tháng tuổi nhiều khi đạt tới 100%. Vịt nhỏ và vịt mái đẻ thường nhiễm chủ yếu hai loại : Sán lá và sán dây, tỷ lệ nhiễm ký sinh trùng có khi tới 50-280 giun sán trên một cá thể vịt.

Các loại giun sán đã phát hiện ở đàn vịt miền Nam là:

- Sán lá : Echinoatoma, Opisthachia, Apatemon, Proothogonimus Tracheophilus.
- Sán dây : Fimbriaria, Hymenolepis.
- Giun tròn : Tetrameres, Avioserpens, Echinuris, Epomiosomun.

NHỮNG BỆNH CHÍNH CỦA VỊT

1. Bệnh truyền nhiễm :

a) Bệnh dịch tả vịt: *Pastis antum*

Nguyên nhân sinh bệnh : bệnh dịch tả vịt là một bệnh truyền nhiễm gây ra bại huyết và xuất huyết ở vịt. Bệnh do virus thuộc nhóm hecpec gây ra. Bệnh dịch tả vịt lần đầu tiên tìm được phát hiện ở Hà Lan do Zanson. Ở Việt Nam bệnh được phát hiện từ năm 1962. Nói chung vịt ở tất cả các tỉnh từ Bắc đến Nam đều có thể mắc bệnh này.

Bệnh dịch tả vịt do virus gây nên, loại virus này có sức đề kháng kém với chất sát trùng thông thường (như xút 2%, ở 37°C virus chỉ sống được 12 giờ).

Tất cả các giống vịt, ở các lứa tuổi và ở các mùa vụ đều dễ mắc bệnh này. Ngỗng, ngan nếu tiếp xúc với đàn vịt mắc bệnh đều cũng bị bệnh.

Trong cơ thể vịt, virus có ở trong máu, các cơ quan phủ tạng, nhiều nhất là ở gan, lách và óc. Vịt bệnh thải mầm bệnh ra ngoài theo phân, nước mắt, nước mũi, và làm ô nhiễm thức ăn, nước uống và môi trường xung quanh.

Mặc dù mầm bệnh có sức đề kháng yếu nhưng vì nó có thể tồn tại được một thời gian nhất định cao nên nếu ta chặn vệt ở những nơi đã thả vệt bệnh là đàn vệt sẽ bị lây bệnh ngay.

Trong tự nhiên bệnh thường lây lan chủ yếu do gián tiếp, như bán chạy vệt ốm, mổ thịt vệt bệnh.

- Triệu chứng : Thời gian nung bệnh vào khoảng 3-4 ngày. Ở đàn vệt bắt đầu mắc bệnh thường thấy nhiều con tự nhiên lơ dờ không thích vận động, không muốn xuống nước. Vệt lớn khi đi chần thả, một số còn không đi theo kịp đàn. Nhiều con bị liệt chân, thân nhiệt lên cao 43-44°C. Ở đàn vệt đẻ, tỷ lệ đẻ giảm rõ rệt, có khi vệt ngừng đẻ hẳn.

Vệt ốm thường ủ rũ, bỏ ăn, đứng một chân đầu rút vào cánh, nhiều con có tiếng kêu khàn đặc. Vệt ốm thường sưng mí mắt, niêm mạc mắt đỏ, chảy nước mắt làm ướt cả vùng lông dưới mí mắt. Sau đó nước mắt đặc lại, màu vàng đóng đầy khóe mắt, có khi hai mí mắt dính lại nhau.

Con vệt ốm thở khò khè (khó thở), mũi chảy niêm dịch, lúc đầu trong, sau đặc lại và khô quánh ở quanh hốc mũi. Nhiều con đầu sưng to, sờ đầu thấy mềm như chuối chín, hầu và cổ cũng có khi bị sưng. Vệt mới mắc bệnh thường uống nước nhiều (khát nước do sốt). Sau đó sẽ ỉa chảy, phân rất loãng, có mùi khắm và màu trắng xanh, hậu môn bần, dính bột đầy lông.

Bệnh kéo dài 5-6 ngày, vệt bệnh gầy rạc, bị liệt nằm một chỗ rũ cánh, giảm nhiệt độ và chết.

Bệnh dịch tả vệt thường lây lan mạnh, tỷ lệ chết cao. Ở nơi chưa có bệnh nếu không can thiệp kịp thời thì có thể gây

chết tới 90%. Những vùng hay có bệnh thường xuyên thì tỷ lệ chết tương đối thấp, dịch phát ra yếu nhưng bệnh kéo dài.

- Bệnh tích : ở sát vết chết nhỏ lông thường thấy đầu, cổ sưng tụ máu, tím bầm, tổ chức liên kết dưới da thấm nước và keo nhầy. Da ở cổ, ngực, bụng đều thấy bị lấm tẩm xuất huyết (như bị muỗi đốt). Niêm mạc ở hầu, họng và niêm mạc thực quản cũng bị xuất huyết. Da dày tuyến phủ nhiều dịch nhớt màu trắng xám, niêm mạc cũng xuất huyết. Dạ dày cơ cũng bị xuất huyết nặng, khi bóc vỏ lớp sừng sẽ lộ ra những vết máu màu đỏ sẫm. Niêm mạc ruột tụ máu, hoặc máu chảy thành vệt màu đỏ. Bệnh nặng có thấy vết loét hình tròn, hình bầu dục ở tá tràng. Niêm mạc hậu môn và trực tràng thường bị xuất huyết thành những vệt màu đỏ xen kẽ những vết loét màu vàng nâu.

Gan hơi bị sưng, tụ máu, túi mật căng to, lá lách cũng bị tụ máu và đôi khi thấy xuất huyết. Bao tim bị viêm, xoang bao tim tích nước vàng. Ngoại tâm mạc xuất huyết thành điểm, thành vệt. Phổi bị tụ máu. Mật trong xương ức bị xuất huyết. Màng não bị viêm.

Ở vết đẻ mạch máu buồng trứng căng phồng, có khi xuất huyết. Trứng non néo mố, xoang bụng chứa đầy lòng đỏ do trứng non bị vỡ.

Cùng với virus dịch tả vịt vi khuẩn salmonella thường kết hợp gây nên quá trình viêm hoại tử kế phát. Trong trường hợp này ở gan thấy có nhiều nốt hoại tử, lách sưng to và có hoại tử, ruột bị viêm và loét lan tràn.

- Phòng bệnh: biện pháp phòng bệnh chủ yếu là tiêm phòng bằng vacxin nhược độc dịch tả vịt. Vacxin này rất an toàn và có hiệu lực, nó được chế từ nước niệu phôi vịt. Virus

được tiêm vào phổi vịt lúc 12 ngày. Sau đó 96-100 giờ thì thu lấy nước niệu (1ml nước niệu có thể phòng cho 500 vịt). Vì loại virus này rất dễ bị nhiệt tác động nên vaccin phải được bảo quản ở nhiệt độ lạnh (-20°). khi mang thuốc xuống địa phương phải luôn luôn giữ trong phích nước lạnh. Thời gian bảo quản từ 3-4 ngày. Vaccin đã pha rồi chỉ được dùng trong 12 giờ.

Vaccin này có tác dụng miễn dịch nhanh, sau khi tiêm 48 giờ thuốc đã có hiệu lực (do tính chất gây intercfêrogen của nó). Do đó khi thấy đàn vịt chớm mắc bệnh ta nên sử dụng kịp thời vaccin này để tiêm. Nếu kịp thời loại bỏ những con vịt đã có triệu chứng bệnh ra thì có thể cứu được đàn vịt từ 40-80%.

Sau đây là qui trình tiêm phòng vaccin dịch tả vịt:

+ Tiêm cho vịt mới nở : liều lượng 0,2ml vaccin cho một con tỷ lệ pha loãng 1/200, thời gian miễn dịch 30-45 ngày.

+ Tiêm bổ sung cho vịt lúc 1 tháng tuổi : 0,5ml vaccin cho 1 con, tỷ lệ pha loãng 1/200 – 1/500.

+ Tiêm cho vịt bố mẹ (vào lúc đập đẻ, ba vụ đập đẻ thì tiêm 3 lần): 1ml vaccin cho 1 con, tỷ lệ pha loãng 1/200-1/500. Nếu vệ sinh phòng bệnh bảo đảm đầy đủ thì đàn vịt sẽ không mắc dịch. Trường hợp bệnh dịch vẫn xảy ra (do có những thiếu sót) thì có thể áp dụng biện pháp tiêm thẳng vaccin vào ổ dịch.

Để đề phòng bệnh khởi lan rộng, vịt chết phải chôn, còn vịt ốm có thể ăn sau khi xử lý. Muốn vậy phải mổ vịt ở

nơi qui định, thịt cần nấu chín kỹ, lông, lòng cùng nước làm thịt phải tiêu độc bằng thuốc sát trùng (như xút, vôi bột...).

Với những biện pháp trên đây nhiều địa phương ở miền Nam đã khống chế bệnh dịch tả góp phần làm cho nghề nuôi vịt chăn thả phát triển.

b) Bệnh tụ huyết trùng (Pasteurellosis)

- Nguyên nhân sinh bệnh: Bệnh tụ huyết trùng là 1 bệnh truyền nhiễm cấp tính, nhiễm trùng máu thường xảy ra ở các loại gia cầm và động vật hoang dại, bệnh do vi khuẩn *Pasteurella aviseptica* gây ra. Ở miền Nam bệnh thường được gọi là vịt. Bệnh xảy ra ở khắp thế giới, ở miền nhiệt đới bệnh phổ biến và trầm trọng hơn ở miền ôn đới. Tất cả các loại gia cầm đều mắc bệnh, nhưng gà và vịt thường bệnh nặng và có những vụ dịch lớn giết chết nhiều con. Bệnh từ vịt, gà có thể lây sang các loài gia súc khác.

Bệnh lây lan trước tiên là do gia cầm bị bệnh (đang nung bệnh) truyền cho những con khác. Các chất thải của gia cầm bệnh và nước rửa khi mổ thịt gia cầm chết dịch cũng là nguyên nhân làm bệnh lây lan. Nhiều khi bệnh không xảy ra do lây lan mà là tự phát, đó là do gia cầm khỏe có mang sẵn vi khuẩn *Pasteurella* trong cơ thể, rồi chịu ảnh hưởng của ngoại cảnh hay các biến đổi về sức khỏe bên trong cơ thể - làm giảm sức đề kháng, vi khuẩn cùng với ký sinh trùng trong cơ thể sẽ tăng độc lực và gây ra bệnh. Ở miền Nam bệnh thường xảy ra vào đầu mùa mưa hoặc đầu mùa lạnh, do vịt bị cảm lạnh hay cảm nóng vì thời tiết thay đổi đột ngột. Ngoại cảnh ảnh hưởng xấu đến quá trình gây bệnh thường là do điều

kiện dinh dưỡng kém (thức ăn thiếu về số lượng và kém chất lượng), điều kiện vệ sinh chăm sóc kém, các cơn gió lạnh đầu mùa cũng có thể làm dịch phát ra. Cũng có thể do vận chuyển, do chuồng nuôi quá chật hẹp, ao tù nước đọng. Những đàn vịt đẻ cuối vụ sức khỏe yếu (do hoạt động của buồng trứng tăng cường quá mức) hiện tượng vịt thay lông và bệnh ký sinh trùng đều có thể ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của vịt đẻ.

Căn bệnh thường có sẵn trong đường hô hấp khi sức đề kháng của cơ thể kém thì vi khuẩn phát triển vào máu và gây bệnh. Nếu bệnh do lây lan thì vi khuẩn xâm nhập theo đường tiêu hóa, hô hấp, vết thương ngoài da, niêm mạc ruột ...

- Triệu chứng : Vịt mắc bệnh nặng hay nhẹ là tùy độc lực của căn bệnh. Nếu độc lực cao thì vịt chết rất nhanh và nhiều.

+ Thể quá cấp tính: Bệnh diễn biến nhanh đến nỗi không quan sát kịp triệu chứng. Đàn vịt đang khỏe mạnh bình thường đột nhiên ủ rũ, nhiệt độ thân thể cao và con vật chết 1-2giờ (tối vịt vẫn còn ăn sáng đã chết), có khi chết tới 50% tổng số đàn.

+ Thể cấp tính bệnh khá phổ biến, vịt ủ rũ, bỏ ăn, xù lông, đi lại chậm chạp. Mũi, miệng chảy ra nước nhớt, sủi bọt lẫn máu màu đỏ sẫm. Giữa thời kỳ bệnh vịt có thể ỉa chảy, phân loãng đen xám, xanh hoặc vàng. Vịt ngày càng khó thở, mặt tụ máu, không có triệu chứng thần kinh, bại liệt. Con vật thường chết sau vài ba ngày do ngạt thở.

+ **Thể mãn tính** : Thường thấy ở cuối vụ dịch. Vịt thường gầy còm, da bọc xương do bệnh tác động vào nhiều cơ quan phủ tạng trong cơ thể. Gan bị viêm hoại tử mãn tính gây rối loạn cơ năng. Khớp đùi, đầu gối, cổ chân bị viêm mãn tính, đôi khi thấy viêm màng não và có triệu chứng thần kinh.

- **Bệnh tích** : ở thể quá cấp tính ngoài hiện tượng tụ máu và xuất huyết ở các xoang và phủ tạng ra không thấy có bệnh tích điển hình.

Ở thể cấp tính, vịt khi chết thường thấy tụ máu và xuất huyết ở các tổ chức liên kết dưới da, các xoang và cơ quan trong cơ thể. Tim bị sưng, bao tim trương to có chứa dịch màu vàng, viêm ngoại tâm mạc cho nên thấy xuất huyết.

Phổi tụ máu, viêm màu nâu thẫm, có thể thấy chứa nước màu đỏ nhạt. Gan hơi sưng, màu vàng hoặc chấm đỏ do hoại tử đặc biệt của bệnh tụ huyết trùng, các nốt hoại tử to bằng mũi kim hoặc đầu đinh ghim.

Lách bị tụ máu, hơi sưng. Niêm mạc ruột bị viêm tụ máu chảy máu có các đám màu đỏ thẫm.

Thể mãn tính chủ yếu là viêm và hoại tử mãn tính đường hô hấp và gân, đôi khi viêm phúc mạc. Buồng trứng, ống dẫn trứng bị viêm, sưng to, màu vàng nhạt, chứa đầy nước, có khi các khớp viêm sưng to chứa nhiều dịch màu xám đục.

- **Phòng và chữa bệnh** : Vacxin tiêm phòng bệnh tụ huyết trùng chỉ cho miễn dịch ngắn và rất ít hiệu lực. Có thể dùng kháng huyết thanh nhưng hiệu lực kém.

Chủ yếu là bảo đảm vệ sinh phòng bệnh cho vịt bằng cách cho ăn đầy đủ, nhất là ở đầu mùa mưa, đầu mùa lạnh, cuối vụ vịt đẻ, thời tiết thay đổi đột ngột. Chuồng nuôi vịt cần định kỳ tiêu độc bằng cách quét vôi (dung dịch 20%), hoặc dùng dung dịch creolin 3%. Khi có dịch, cách ly triệt để đàn vịt khỏe với đàn vịt ốm. Không bán chạy và không đưa đàn vịt ốm đi chăn thả. Nếu vịt chết phải chôn hoặc đốt, khi giết tất cả nước, lòng, ruột phải chôn và bỏ vôi bột.

Mua vịt mới về phải nuôi cách ly để theo dõi bệnh. Có thể tiêm vacxin để phòng. Cũng có thể phòng bệnh tụ huyết trùng cho vịt bằng cách dùng chất kháng sinh như streptomixin (40-80mg/kg thể trọng) trộn với thức ăn cho ăn 2-3 ngày. Có thể dùng tetracycline với liều lượng 5-10mg/kg thể trọng. Nhưng dùng kháng sinh nhiều dễ gây hiện tượng quen thuốc, vì thế cách phòng bệnh bằng kháng sinh chỉ nên áp dụng với vịt nuôi thịt.

- Chữa bệnh : khi phát hiện đàn vịt có bệnh nên tiêm cho toàn đàn bằng streptomixin (1g cho 10 vịt lớn) tiêm 3 ngày liền. Tiêm penicillin 30.000 đơn vị cho 1kg thể trọng trong 3 ngày liền.

Cho uống sunfametazin 120mg/1kg thể trọng dùng trong 3 ngày liền.

c) Bệnh viêm gan do virus của vịt (hepatitis anatum)

- Nguyên nhân sinh bệnh đây là bệnh truyền nhiễm chủ yếu của vịt con với các bệnh tích đặc trưng ở gan. Căn bệnh là 1 ARN virus nhỏ nhất. Theo phân loại hiện nay virus này thuộc nhóm picorna không có khả năng ngưng kết hồng cầu.

Cần bệnh dễ nuôi cấy trong phôi vịt 13-14 ngày tuổi, tuổi phôi càng lớn tính cảm thụ của phôi càng giảm.

Virus viêm gan có sức đề kháng tương đối cao với nhiệt độ và hóa chất, trong đất đun sôi, thức ăn, nước uống virus có thể tồn tại từ 15-40 ngày. Ở nhiệt độ 60°C trong 30 phút virus vẫn chưa bị giết. Muốn tiêu diệt virus bằng fomcon với độ đậm đặc là 1% cần phải mất 3 giờ.

- Cách truyền bệnh: bệnh chủ yếu xảy ra ở vịt con từ 1-3 tuần tuổi. Cũng có trường hợp bệnh phát ra ở những vịt con mới nở 12 giờ hoặc ở những vịt lớn 5-6 tuần tuổi. Vịt trưởng thành nói chung không mắc bệnh.

Bệnh có thể lây gián tiếp do các nhân tố như con người, dụng cụ chăn nuôi, thức ăn, máy ấp... bị nhiễm trùng và truyền sang cho vịt. Nhưng nguy hiểm nhất là khi bệnh lây lan trực tiếp. Vịt mắc bệnh bài xuất căn bệnh theo phân và chất dịch nhiễm vào nguồn nước, chuồng trại, bãi chăn... rồi từ đó căn bệnh theo đường tiêu hóa xâm nhập vào cơ thể vịt lành. Theo Buria Kovski vịt khỏi bệnh rồi còn có thể mang trùng gây bệnh đến 650 ngày sau.

Gần đây 1 số tác giả đã phân lập được virus trong lòng đỏ trứng vịt, từ đó bệnh viêm gan của vịt có thể xảy ra những đàn vịt chưa bao giờ mắc bệnh nặng.

Virus xâm nhập vào cơ thể vịt chủ yếu qua niêm mạc đường tiêu hóa, hô hấp hoặc vết thương rồi vào máu. Theo máu virus đến các cơ quan và đặc biệt là ở gan, trao đổi chất của gan bị rối loạn, lượng glicogen trong gan giảm, lượng lipid lại tăng do trao đổi mỡ ở gan bị đình trệ. Vì vậy vịt con sau khi nở ra bị thiếu năng lượng do sức đề kháng giảm sút. Sau

khi virus trực tiếp phá hoại tế bào gan. Tế bào nội mô huyết quản gan bị phá hoại gây xuất huyết đặc hiệu.

- Triệu chứng và bệnh tích : Thời gian nung bệnh từ 2-4 ngày, bệnh thường tiến triển nhanh nên ít phát hiện kịp. Thường chỉ thấy 1 vài con không theo kịp đàn. Sau 1 thời gian ngắn vịt mệt mỏi nặng, nằm 1 chỗ, đầu ngoẹo ra đằng sau hay về 1 bên, co giật toàn thân rồi chết, chân dũi thẳng. Bệnh chuyển biến nhanh, từ lúc biểu hiện bệnh đến lúc chết khoảng 2 giờ. Có khi đàn vịt con bị chết hàng loạt mà không thấy có chịu chứng rõ rệt. Có thể thấy kết hợp với bệnh phó thương hàn (do vi khuẩn salmonella), rường hợp này vịt con ủ rũ và ỉa chảy.

Bệnh tích chủ yếu thấy ở gan, toàn bộ gan có nhiều nốt xuất huyết bằng đầu đinh ghim, màu đỏ, rìa gọn. Cạnh đó còn có đám tụ máu đỏ hoặc những đám vàng do gan bị thoái hóa. Lách có thể hơi sưng, thân tụ máu.

Khi vịt mắc bệnh này cần phân biệt với phó thương hàn vịt. Bệnh phó thương hàn có thể chữa bằng kháng huyết thanh nhưng bệnh viêm gan không chữa được. Cũng cần phân biệt với bệnh dịch tả vịt, ở bệnh này ngoài xuất huyết ở gan còn có thấy ở da, bao tim, màng ngực, niêm mạc, dạ dày và ruột, bệnh tích viêm gan chỉ thấy ở lứa tuổi 1-2 tuần.

- Phòng bệnh : có thể gây nhiễm dịch thụ động cho vịt con bằng cách tiêm virus cho vịt mẹ 2 lần cách nhau 2 tuần. Thuốc có tác dụng 6-8 tháng, vịt con nở ra sẽ có miễn dịch. Cũng có thể tiêm cho vịt mới nở virus đã giảm độc qua phôi thai.

Biện pháp vệ sinh phòng bệnh là quan trọng nhất, có thể ngăn chặn được vịt lây lan bằng cách ly triệt để giữa đàn vịt mắc bệnh với đàn vịt khỏe. Cần tiêu độc nơi nhốt vịt mắc bệnh bằng được focmon 1% trong 3 giờ, xút 5% hoặc clorua vôi trong 6 giờ.

d) Bệnh phó thương hàn (salmonellosis)

- Nguyên nhân sinh bệnh : Do các vi khuẩn họ salmonella gây ra, bệnh phó thương hàn phổ biến ở vịt, ngỗng và bồ câu đôi khi cũng thấy ở gà, chim trời... vịt con thường bị nặng hơn vịt lớn. Vịt lớn chỉ mắc bệnh khi sức đề kháng sút. Bình thường vịt có mang vi khuẩn trong cơ thể, hoặc khỏi bệnh rồi vẫn mang vi khuẩn. Bệnh gây nguy hiểm cho cả người nếu ăn thịt mắc bệnh mà nấu không chín.

Bệnh phó thương hàn kết hợp với 1 số bệnh (như viêm gan do virút, dịch tả...) có xu hướng phát triển, bệnh tăng lên :

Bệnh nhiễm vào cơ thể bằng đường tiêu hóa, hô hấp và mắt. Bệnh lây lan bằng nhiều cách, nhưng căn bệnh truyền qua bào thai là quan trọng hơn cả. Vịt con nở ra không những tự nó mắc bệnh mà còn làm lây sang những con khác cùng lứa tuổi và làm ô nhiễm máy ấp, chuồng nuôi khiến cho bệnh lây lan rất nhanh.

Vi khuẩn bám vào vỏ trứng cũng làm lây bệnh gián tiếp, nó có khả năng chui vào bên trong trứng gây phôi thai mắc bệnh. Ở đẻ, chuồng nuôi ẩm ướt, bẩn thỉu tạo điều kiện cho vi khuẩn phát triển, tồn tại và bám vào vỏ trứng. Vịt đẻ có thể mang trùng, khi đẻ vi khuẩn bám vào vỏ trứng (ở chỗ

nối giữa ống dẫn trứng và trực tràng). Sau khi đẻ trứng ngội dẫn, vi khuẩn sẽ được hút vào bên trong trứng.

Phân vịt cũng chứa vi khuẩn salmonella làm ô nhiễm nền chuồng, các chất độn chuồng; nền chuồng ẩm ướt vi khuẩn tồn tại lâu và còn sinh trưởng ra nữa. Phân vịt bị bệnh thải vi khuẩn ra ao hồ, nơi chăn thả, nhiễm vào thức ăn và làm lây bệnh. Các phế phẩm làm thức ăn cho vịt (như cá, bột xương nhiễm trùng cũng là nguồn gây bệnh).

Vịt lớn thường có vi khuẩn salmonella ký sinh ở niêm mạc đường tiêu hóa hoặc ở 1 số phủ tạng, khi sức khỏe giảm sút thì bệnh phát sinh. Vịt con bị bệnh thường là do bị lây từ bào thai.

Ở giai đoạn đầu căn bệnh thường gây nhiễm trùng máu, niêm mạc, tương mạc và các cơ quan bị sưng và xuất huyết. Vịt có thể chết hoặc khỏe nhưng vẫn mang trùng, vịt nhiễm trùng mắc bệnh ở thể ẩn tính.

- Triệu chứng và bệnh tích: ở thể cấp tính bệnh xảy ra đột ngột, vịt ỉa chảy, phân loãng và có bọt. Ở vịt con thường thấy viêm màn tiếp hợp có mủ, con vật ủ rũ, mắt nửa nhắm nửa mở, đi lại xiêu vẹo có thể bị bại liệt. Nếu có hiện tượng thần kinh thì thấy con vịt nằm ngửa, hai chân co gập trước khi chết.

Thể mãn tính thường thấy ở vịt lớn triệu chứng phổ biến là ỉa chảy đôi khi phân có lẫn máu. Vịt gầy sút đi, có hiện tượng viêm lỗ huyết và buồng trứng.

Bệnh tích thấy có ở thể cấp tính là gan sưng, rìa quanh gan dày lên, trên màn gan có phủ fibrin, dưới màn có các nốt

hủy hoại tròn, nhỏ, màu vàng trắng. Túi mật sưng. Niêm mạc dạ dày tuyến sưng và phủ chất nhày.

Ở vịt trưởng thành thấy có gan xơ, viêm túi mật, viêm buồng trứng, ống dẫn trứng và lỗ huyết.

- Phòng bệnh : ở bệnh phổ thương hàn hiện tượng vịt mang trùng rất phổ biến nên cách phòng bệnh chủ yếu là giữ vệ sinh chuồng trại, cho vịt con ăn đầy đủ để nâng cao sức đề kháng của chúng. Vịt con từ mới nở đến 20 ngày tuổi cần được nuôi ở nhiệt độ 28-20°C. Tránh chuồng trại ẩm ướt bẩn thỉu.

Vịt giống phải định kỳ kiểm tra máu để phát hiện bệnh.

Tránh làm bẩn các nguồn nước, không chăn vịt ở nơi nước tù, lầy bùn, chuồng vịt phải định kỳ tẩy uế, nền chuồng nên khô ráo.

Các cơ sở ấp trứng phải tẩy uế trước khi vào ấp, rửa trứng bằng dung dịch focmon 1%. Dụng cụ ấp phải sạch sẽ, trước mỗi đợt ấp phải tẩy uế.

- Chữa bệnh + vịt con 6-15 ngày tuổi, dùng teramixin trộn vào thức ăn 5-10mg cho 1 con, mỗi ngày 1 lần và 5-15 ngày liền. Có thể nhỏ nước tỏi cho vịt. Cũng có thể dùng xintomixin 10-15mg/lần, biomixin 5-10mg/lần từ 2-3/ngày.

a) Bệnh - ım vịt con (Infectious sinusitis)

Nhân dân ta thường gọi bệnh này là bệnh "Sài" có nơi gọi là bệnh viêm xoang mũi truyền nhiễm. Vịt con từ 1-25 ngày tuổi dễ mắc bệnh

- Nguyên nhân sinh bệnh : Căn bệnh này là do loại virus xuyên qua màng lọc, virus có độ lớn từ 80-120mμ. Chuồng vịt

ẩm ướt, bẩn thỉu, thời tiết thay đổi đột ngột, đàn vịt gặp mưa đột ngột thường tạo điều kiện cho virus gây bệnh khi đàn vịt bị bệnh, bị sút cân rõ rệt mà được nuôi dưỡng chăm sóc tốt thì tỷ lệ chết thấp. Nếu nuôi dưỡng chăm sóc kém thì tỷ lệ chết sẽ lên cao, có khi lên tới 50-60%. Bệnh thường truyền qua không khí và theo đường tiêu hóa vào cơ thể của vịt.

- Triệu chứng: trước tiên thấy vịt hắt hơi, mũi tiết ra chất dịch, lúc đầu trong sau đục, vịt mắc bệnh kém ăn, co giật, chúng nằm lẩn trên mặt đất, chân và cổ dài ra. Cuối cùng vịt có thể bị chết. Đôi khi số con sau khi có triệu chứng thần kinh (co giật) lại đứng dậy, ăn uống được.

- Bệnh tích : ở hốc mũi có chất dịch khô dính lại, niêm mạc mũi xung huyết. Phổi bị thủy thũng, một vài nơi bị xung huyết hoặc cứng lại . Trong các túi khí của phổi hình thành fibrin. Màng bao tim chứa đầy dịch lẫn fibrin. Gan sưng, có khi thấy phủ màng fibrin.

- Phòng và chữa bệnh : giữ đều sức khỏe cho vịt, cho ăn uống đầy đủ, nhất là loại thức ăn đậm động vật, và rau xanh có nhiều caroten. Chuồng trại sạch sẽ, cho vịt uống nước sạch. Vịt con từ 1-20 ngày tuổi, nhất là dưới 2 tuần tuổi phải được nuôi ở nhiệt độ thích hợp (28-20°C), tránh gió lùa, mưa nắng đột ngột, chuồng trại ẩm ướt. Rau bèo cho vịt ăn phải rửa sạch, khi vãi thức ăn cho vịt nên dùng phen cốt, chiếu sạch, không vãi thức ăn trên đất bẩn. Tránh thức ăn ôi mốc kém phẩm chất.

Đối với vịt con 6-15 ngày đã mắc bệnh dùng teramixin trộn vào thức ăn với liều 5-10mg cho một con

mỗi ngày một lần và dùng liên tục 5-15 ngày. Có thể dùng nước tối nhỏ cho toàn đàn vịt khi mới phát bệnh. Cho vịt ăn rau bèo có nhiều vitamin nhất là vitamin A.

f) Bệnh đậu mùa (Variola)

Các bệnh và triệu chứng : Ở miền Nam đậu mùa được gọi là bệnh “trái vịt”, do virus gây ra bệnh lây lan nhanh với hai loại biểu hiện lâm sàng khác nhau là *đậu* và *bạch hầu*. Ở miền Nam vịt thường mắc bệnh đậu nhưng ở thể nhẹ và biểu hiện không rõ rệt lắm. Bệnh có rải rác quanh năm, nhưng thường thấy nhiều ở đầu mùa mưa. Bệnh đậu mùa thường lây lan do tiếp xúc giữa con có bệnh với con không có bệnh, hoặc khi cả đàn dùng chung máng ăn, máng uống. Vịt còn bị lây do bị thương ở niêm mạc nhất là niêm mạc miệng.

Thời kỳ nung bệnh này vào khoảng từ 3-8 ngày, sức khỏe giảm sút, vịt bỏ ăn, mệt mỏi, lông xù, sã cánh. Sau đó trên da ở góc mỏ, trong góc miệng thấy xuất hiện các chấm đỏ tròn nhỏ lên, cứng và có màu vàng xám.

- Phòng bệnh : phòng bệnh chủ yếu bằng vệ sinh chuồng trại và thức ăn. Ngoài ra còn có thể tiêm phòng cho vịt bằng thuốc vacxin đậu, tương đối có hiệu lực.

2. Bệnh ký sinh trùng (giun sán):

a) Biện pháp chung phòng bệnh giun sán cho đàn vịt ở miền Nam.

Đàn vịt ở miền Nam cũng như miền Bắc nước ta vì thường được chăn nuôi thả ở các vùng bờ ao, sông lạch có nước tù đọng thường hay mắc các bệnh giun sán (sán dây và

sáng lá) gây nên những tổn thất đáng kể cho ngành chăn nuôi vịt đàn của ta.

Có thể áp dụng những biện pháp chung sau đây để phòng trị các bệnh đó.

- 1) Tiến hành tẩy giun sán cho cả đàn vịt khi phát hiện bị nhiễm bệnh.
- 2) Tẩy uế chuồng trại và làm vệ sinh ngoại cảnh để diệt mầm bệnh giun sán.
- 3) Cho nuôi cách ly những con vịt con khỏi đàn vịt lớn, nhất là vịt mắc bệnh (vịt ở lứa tuổi 1-2 thường hay mắc bệnh).
- 4) Thực hiện chế độ chăm sóc nuôi dưỡng tốt cho đàn vịt.

Sau đây là một số công việc cụ thể cần thực hiện :

Vệ sinh phòng bệnh : thì phải dọn phân đem ủ hoặc đốt để diệt mầm bệnh, nếu nuôi vịt di động thì tính chu kỳ chăm sóc thả luân phiên (bãi chăn, mỗi khu vực cho chăn thả vào khoảng 25-28 ngày). Dọn vệ sinh sạch sẽ, phát quang bụi rậm, làm thoáng nước những bãi chăn bị nhiễm mầm bệnh giun sán, kết hợp với công trình thủy lợi lớn nhỏ trong hệ thống tưới tiêu chủ động đồng ruộng. Các diện tích ao chuồng, đầm hồ nước tù đọng sau lấy, tẩy uế bằng vôi hoặc các loại sát trùng (như DDT theo tỷ lệ 1 phần thuốc hòa tan trong 500.000-800.000 phần nước).

- Chữa trị bệnh :

1) Các loại thuốc tẩy giun cho vịt là dạng hóa chất thông thường có tác dụng đối với cả đàn vịt con và vịt lớn, nhất là vịt con có thể chọn dùng mấy dạng thuốc phổ biến sau :

+ Arêcôlin : Liều dùng 0,001-0,002g cho 1kg thể trọng sống.

Cân 1g Arêcôlin pha vào 1-2lít nước lã sạch sẽ rồi cho mỗi đàn vịt uống với liều lượng từ 1-2ml dung dịch đã pha kể trên. Lấy ống tiêm cỡ 10ml đầu lắp 1 ống cao su dài 20-30cm (ống thông niệu đạo) cũng có thể tiêm thẳng thuốc vào điều.

+ Fenotiazin : Dùng 0,5-1g/1kg thể trọng trộn lẫn vào thức ăn cho vịt dùng liền trong 5 ngày. Khi cho vịt ăn tránh thả vịt ra ngoài trời nắng to để phòng trúng độc.

+ Piperazin : liều dùng 0,25-0,4g/kg thể trọng, trộn vào thức ăn cho vịt ăn 3-5 ngày liền.

2) Nếu không có các thứ hóa chất kể trên có thể sử dụng những nguyên liệu có sẵn ở địa phương để làm thuốc chữa trị các bệnh giun sán cho vịt đạt hiệu quả tốt. Ví dụ:

+ Hạt cau già : ngâm nước cho mềm, thái nhỏ thành từng lát mỏng rang khô, nghiền nhỏ thành bột mịn.

Cách dùng : 5g bột cau già cho vào 100ml nước lã đun sôi 30 phút cho cạn đi còn 60-70ml, lọc bã chất lấy nước trong cho vịt uống từ 1-3ml tùy theo vịt lớn nhỏ, yếu khỏe.

Để tránh say thuốc, trước khi cho vịt uống có thể nhỏ vào miệng nó từ 0,5-1ml dung dịch lugôn. Công thức lugôn : Iốt ig, iodua kali 2g hòa tan trong 1lít nước.

+ Hạt bí ngô : hạt bí giã nhỏ nấu thành cháo sền sệt cho vịt ăn, vịt lớn 50g, vịt nhỏ 20-30g/1kg thể trọng.

+ Tỏi : nấu thành cháo lỏng với tỏi giã nhỏ, liều lượng 1-3g cho 4 kg thể trọng.

3) Ở các cơ sở chăn nuôi tập trung, nuôi công nghiệp hoặc cơ sở giống nên dùng các loại thuốc có hiệu lực tẩy giun sán cao hơn đối với nhiều chủng loại. Ví dụ :

- Tetramizon

- Nebenzon

Hai dạng thuốc nếu đã chế thành dạng hạt 20% thì dùng liều 0,29/1kg thể trọng trộn lẫn vào thức ăn cho vịt.

b) Những bệnh giun sán thường có ở vịt.

- Bệnh bấu cổ vịt.

Bệnh bấu cổ vịt do loại giun chỉ *Avioserpens* gây nên, hàng năm bệnh bị nặng ở miền Bắc vào 2 vụ : vụ chiêm vào các tháng 5,6,7, vụ mùa vào tháng 10,11,12. Ở miền Nam bệnh bị nặng vào mùa khô hanh.

Ở vịt con lứa tuổi 20-40 ngày hay mắc bệnh nhất, có khi cả đàn vịt mái đẻ hay mắc bệnh nhưng nhẹ hơn.

Tỷ lệ nhiễm bệnh trong đàn vịt biến động từ 10-100%. Tỷ lệ vịt bệnh chết từ 10-80%. Bệnh này đã gây tổn thất đáng kể cho ngành chăn nuôi vịt thả theo mùa vụ ở nước ta. Đôi khi ngan - vịt xiêm cũng mắc bệnh.

Vịt mắc bệnh giun chỉ ta thấy cổ vịt (chỗ yết hầu) sưng to lên có bấu rõ rệt, lúc đầu nhỏ sau to dần rất nhanh có thể làm vịt ngạt thở không ăn uống được mà chết. Ngoài ở cổ ra, ở mi mắt, ở mép mỏ, ở đùi vịt cũng có bấu sưng.

Biện pháp phòng trị : đối với loại bệnh này cần chú ý chăm sóc tốt nhất là lứa tuổi 10-20-30 ngày tuổi. Vào mùa hè nóng không nên chặn vịt ở nơi nước nóng. Cho vịt ăn ở những nơi nước chảy lưu thông, tránh không cho vịt mò ăn ở những nơi ao tù nước đọng, vũng bùn nhỏ, cánh đồng trũng mực nước thấp. Ở đây khi trông đàn vịt đã có mầm bệnh bươu cổ sẽ tồn tại lâu và nhiều ở các loài động vật thủy sinh cấp thấp dễ lây sang vịt lạnh. Khi thấy bệnh đã chớm thoát ra ở đàn vịt 20-25 ngày tuổi, kịp thời bắt riêng những con mắc bệnh ra nuôi trên cạn không cho thả xuống bãi nước chặn thả để tránh gieo rắc mầm bệnh cho đàn vịt khỏe mạnh đi chăn thả ở đồng bãi an toàn khác.

Chữa bệnh : trường hợp bệnh nhẹ và ít thì chữa bệnh bằng cách mổ bươu, cắt lấy hết giun ở bươu ra, bôi thuốc sát trùng glixêrin, khâu lại, sau đó nuôi dưỡng chăm sóc tốt, đàn vịt sẽ chống hồi phục lành bệnh 7-10 ngày. Cách chữa bệnh này các nhà chăn vịt ở miền Nam cũng như miền bắc đã làm nhiều và có kết quả tốt.

- Dùng diphêvit loại thuốc của viện thú y. Thành phần chính của dạng thuốc này gồm : fenon và dipterêc và một số thành phần phụ khác nhằm cân bằng, nâng cao thể lực cho vịt bệnh.

Cách sử dụng tiêm thẳng thuốc vào bươu với liều lượng

20mg cho 1 vịt con nặng 100g.

40mg cho 1 vịt con nặng 300-400g.

Tiêm diphêvit ấu trùng giun chỉ chết hết sau khi tiêm diphêvit vào bướu được 24g. Như vậy tiêm diphêvit cho vịt là để tiêu diệt bệnh. Nhưng khi những vùng đã trở thành ổ dịch rõ rệt nặng sẽ gây tổn thất lớn.

- Bệnh sán dây :

Những loài sán dây thuộc họ Hymenolepididae là mầm gây bệnh sán dây ở vịt và ngỗng.

Bệnh sán dây *fimbriaria fasciolaris*.

Sán này có chiều dài 200-300m. đầu gai rất nhỏ, có 4 giác, mõm có 10 móc. Sán phát triển nhanh về chiều rộng và hình thành đầu gai giả. Khi hình thành đầu gai giả, đầu gai thật rụng đi. Thân sán không phân đốt rõ rệt. Buồng trứng hình lưới là chung cho cả thân sán.

Vịt mắc sán dây này sau khi nuốt phải loài cyclops diaptomus đã bị nhiễm màng vĩ ấu sán dây. *Fimbriaria* ở trong cơ thể cyclops (ký chủ trung gian) là 7-12 ngày, ở trong cơ thể vịt là 9 ngày.

Vịt con từ khi nở ra đến 2-3 tháng tuổi mắc sán dây rất nặng. Vịt mắc bệnh ỉa chảy, sán được thải ra ngoài từng đoạn theo phân. Vịt con có thể bị chết. Nơi có mầm bệnh lâu năm có thể thấy ở vịt mái đẻ 2-3 năm tuổi mắc bệnh này.

Chẩn đoán : mất thường hàng ngày quan sát trên bãi phân vịt thấy có những đoạn sán dây từ 3-5cm trắng như que tăm, hoặc là khi vịt bơi lội dưới nước thấy có đoạn sán dây thải ra ngoài còn dính ở đít vịt. Mổ xác vịt chết rửa sạch ruột non thấy có nhiều sán dây.

Chữa bệnh: người ta thường tẩy sán dây fimbriaria cho vịt bằng filixen, liều lượng 0,3g/kg thể trọng. Có nơi dùng bào dùng hạt bí đỏ cho vịt ăn tự do, liều dùng 30-50g cho một con. Tẩy cho từng con có thể dùng dung dịch arêcolin với độ pha loãng 1 : 1000, liều lượng 1-4ml cho 1 vịt. Cũng có thể dùng bột hạt cau tươi để tẩy loại sán này.

- Bệnh sán dây Ligula:

Ấu trùng sán này sống trong xoang đại thể loại giáp xác cyclops. Sán trưởng thành ký sinh trong ruột vịt có chiều dài 6-31cm, rộng 2,5-8mm không có đầu gai giới hạn rõ rệt. Thân có hình dây.

Chu trình phát triển : Ở vịt mắc bệnh sán trưởng thành thải trứng theo phân ra ngoài đầm, hồ, ao. Trứng phát triển thành ấu trùng ký sinh ở các loại giáp xác. Một số loài cá ăn phải ấu trùng ở trong cơ thể giáp xác. Ấu trùng lớn chậm trong cơ thể cá từ 12-14 tháng. Khi vịt ăn cá thì bị nhiễm ấu trùng sán này. Ấu trùng lớn rất nhanh, sau 45-60 giờ thì thành sán ligula trưởng thành với cơ quan sinh dục đầy đủ. Sán ligula thường sinh trong ruột vịt. Sán ligula thường sinh trong ruột vịt từ 5-9 ngày.

Vịt bị bệnh có tỷ lệ chết cao vì sán làm cho tắc ruột.

- **Chữa bệnh :** dùng bột hạt cau, liều lượng 0,1-0,2g, cũng có thể dùng filixen với liều lượng 0,3g/kg thể trọng.

Phòng bệnh : cần phải kiểm tra môi trường chăn thả vịt xem có giáp xác không để có biện pháp phòng trừ.

Bệnh sán lá ruột (Echinostomatidosis)

Sán lá các loài khác nhau thuộc họ Echinostomatidae thường ký sinh trong ruột của vịt, ngỗng và gà.

Đặc điểm chung của sán này là có cấu tạo đĩa gai đặc biệt với nhiều đĩa gai nhỏ.

Chu kỳ phát triển : Sán phát triển qua ký chủ trung gian và ký chủ phụ. Ký chủ trung gian là ốc nước ngọt limmaea ký chủ phụ có thể là ốc nước ngọt hoặc ếch, nòng nọc. Vịt mắc bệnh là do ăn phải ốc nước ngọt, nòng nọc hoặc ếch đã nhiễm nang ấu sán lá.

Vịt con thường dễ mắc bệnh và nặng hơn. Khi mắc bệnh con vật bỏ ăn, ỉa chảy gây yếu. Vịt đã mắc bệnh cũng gây yếu sức đẻ trứng giảm hẳn đi.

Khi mổ xác vịt chết thường thấy ruột non bị viêm chảy máu, quá trình viêm phát triển nhanh, manh tràng có chất vữa hóa, lòng ruột giãn. Nếu bệnh nặng vịt có thể viêm ruột chảy máu tỷ lệ chết cao.

Chữa bệnh : Dùng arecolin, liều lượng 0,002g cho 1 kg thể trọng hoặc có thể dùng tetraclorea cacbon 4ml/con.

Phòng bệnh : Chú ý tẩy sán theo kế hoạch định kỳ và tiêu độc phân bằng phương pháp ủ nóng sinh học.

Bệnh sán là đường hô hấp vịt và ngỗng (Tracheophilosis)

Bệnh gây ra do loài sán lá Tracheophilosis ký sinh ở khí quản, phế quản và các túi khí của vịt và ngỗng. Sán này có hình bầu dục dài 6-11,5mm, không có giác miệng và giác bụng. Trứng của nó dài 0,122mm và rộng 0,063mm.

Chu kỳ phát triển: Trứng sán thải theo phân ra ngoài, bên trong trứng đã chứa mao ấu hoàn chỉnh. Khi ở trong nước dưới tác dụng của tia sáng mặt trời trứng trưởng thành nhanh. Kỳ chủ trung gian là các loại ốc. Vịt ăn thịt ốc có mang ấu trùng sẽ mắc bệnh sán lá này. Sán lá vào khí quản vịt phát triển 12 ngày sẽ thành sán trưởng thành.

Vịt nhiễm sán thấy khó thở, khi bệnh nặng có thể chết vì ngạt thở. Vịt dễ mắc bệnh giảm tỷ lệ đẻ, vịt thịt tăng trọng chậm.

Chữa bệnh : tẩy sán lá đường hô hấp cho vịt bằng tiêm dung dịch iốt 1/1500 vào khí quản với liều lượng 0,5-1ml cho 1 con hoặc dung dịch xalixilat natri cũng với liều lượng trên.

Bệnh sán lá trong mạch máu vịt (Bilharziellosis)

Sán lá Bilharziellosis – polonica thường ký sinh trong các mạch máu, màng treo ruột, gan phổi, thận và các cơ quan khác của vịt và ngỗng.

Sán lá đực dài 4mm, con cái dài 2mm. Trứng sán hình cầu dài 0,38-0,50mm, rộng 0,1-14mm. Con cái đẻ trứng trong các tĩnh mạch lớn của vịt, sau đó trứng theo máu đi đến các cơ quan, xâm nhập vào các mạch máu nhỏ của ruột, xuyên vào lòng ruột và cuối cùng được thải ra ngoài theo phân. Ở trong nước trứng nở rất nhanh, xâm nhập vào ốc nước ngọt, tiếp tục phát triển thành vĩ ấu rồi thoát ra bơi lội sát mặt nước hồ ao. Vĩ ấu xâm nhập vào da, thịt của vịt và vào cả mạch máu.

Vịt còn có thể bị nhiễm sán này qua đường tiêu hóa (niêm mạc thực quản) vào máu nó phát triển đến giai đoạn thành thực trong tĩnh mạch.

Bệnh giun tròn.

Giun tròn thường ký sinh ở vịt thường gây các bệnh giun sau đây:

- Bệnh giun tròn Porrocaecum crassum

Giun trưởng thành con đực dài 30-40mm, rộng 1,5-1,8mm, con cái dài 50-58mm, rộng 2mm. Giun thường ký sinh trong ruột non của vịt.

Ký chủ trung gian của giun này là giun đất. Trứng giun trong giai đoạn phôi bào sau khi được thải ra ngoài gặp điều kiện độ ẩm và nhiệt độ thích hợp nó sẽ biến thành ấu trùng và tiếp tục lột xác. Nếu giun đất nuốt phải trứng vào ruột, ấu trùng sẽ thoát ra khỏi vỏ rồi đi vào các mạch máu và sau 2 tháng giun sẽ trưởng thành. Vịt thường mắc bệnh do ăn phải giun đất có mang ấu trùng. Từ dạ dày vịt ấu trùng chui vào lớp dưới màng sừng của dạ dày cơ, trong 7 ngày sau, nó đi vào ruột non và sau 3 tuần thì thành thục.

Bệnh này chủ yếu gây cho vịt con, vịt đẻ trên 1 năm không mắc. Vịt bị mắc bệnh sẽ thiếu máu gầy sút nhanh.

Phòng và chữa bệnh : Tẩy giun cho vịt bằng tetracloar cacbon cho uống với liều 2ml/1kg thể trọng hoặc H. butilidon clorit cũng cho uống với liều 3ml/1kg thể trọng.

Phòng bệnh cho vịt bằng cách dọn vệ sinh chuồng trại nơi nuôi vịt thường xuyên, chuồng cần phải có hệ thống chứa phân và tiêu độc.

Bệnh giun tròn Amidostomum bosohalis

Con đực dài 9,5-15mm, đuôi có túi giao hợp.

Con cái dài 15,5-21,5mm. Trứng dài 0,101-116mm, rộng 0,05-0,075mm.

Giun ký sinh dưới lớp vỏ cứng của dạ dày cơ của vịt.

Trứng giun được thải ra ngoài theo phân, sau 1 ngày lên nếu gặp điều kiện nhiệt độ, độ ẩm thích hợp thì ấu trùng hình thành trong trứng. Đến ngày thứ 6 ấu trùng thoát ra, nó có thể bò trên cỏ, bơi lội trong nước sống được khoảng 2 ngày.

Vịt mắc bệnh do ăn, uống nước có ấu trùng. Triệu chứng bệnh thường là viêm cấp tính, dạ dày cơ bị loét và tróc lớp màng cứng. Vịt bỏ ăn gầy sút rất nhanh. Bệnh nặng con vật có thể chết.

Phòng bệnh : cần nuôi vịt con tách riêng vịt trưởng thành trên bãi chăn và hồ nước. Cho vịt ăn thức ăn chất lượng đầy đủ và giàu vitamin. Thực hiện luân phiên bãi chăn 3 đến 4 lần trong năm, trước khi chuyển sang bãi chăn mới cần phải tẩy giun cho vịt.

Bệnh giun tròn Cyathostoma brobchialis

Giun tròn này khi còn sống có màu đỏ, con đực dài 4-6mm, con cái dài 16-31mm. Giun thường ký sinh trong khí quản, phế quản và đôi khi trong các túi khí quản của vịt, ngỗng.

Vịt ngỗng mắc bệnh này có thể là do các loại chim trời lây truyền cho hoặc do vịt ngỗng ăn phải giun đất có mang ấu trùng.

Vịt ngỗng bị mắc bệnh thấy khó thở với âm rít, mủ tiết ra chất nhờn dính có bọt, đi loạn choạng. Con vật non thường bị rất nặng, gây sút nhanh và chết.

Chữa bệnh : Tiêm vào thanh quản dung dịch xalixilat-natri 5% với liều lượng 1-2ml. Tiêm qua lỗ hầu khí vào khí quản. Có thể tiêm dung dịch cồn iốt 10%. Pha nước (tỷ lệ 1 : 1000) vào khí quản liều dùng 5ml cho 1 kg thể trọng.

Bệnh giun tròn tetrameres fissispina.

Giun tròn này con đực thường có dạng như sợi chỉ, con cái thân tròn. Khi còn sống giun có màu đỏ, ở đầu và đuôi thấy nhô ra mũi nhọn. Con đực dài 3-4mm, con cái dài 2,4-4mm và rộng 1,3-2mm. Trứng dài 0,843-0,057mm và rộng 0.025-0,032mm. Giun thường ký sinh trong dạ dày tuyến của vịt và ngỗng. Bệnh này rất phổ biến khắp nơi ký chủ trung gian là một loài giáp xác. Vịt mắc bệnh do ăn phải giáp xác có nhiễm ấu trùng. Sự phát triển của giun đến giai đoạn thành thục ở trong cơ thể vịt là 18 ngày.

Khi vịt ăn phải ấu trùng sau 16-24 giờ sẽ xâm nhập vào đường tuyến của dạ dày tuyến. Ngày thứ 12 con đực chui vào lòng dạ dày, con cái vẫn nằm lại trong tuyến và gây viêm dạ dày cata; thoái hóa và teo mô tuyến dẫn đến phá hủy chức năng dạ dày tuyến. Niêm mạc ruột viêm cata, dạ dày bị phù thũng, thanh mạc bị sưng gây ra rối loạn chức năng tiêu hóa. Con vật sút nhanh, bị nhiễm bệnh nặng vịt bị chết.

Phòng và chữa bệnh :

Chữa bệnh bằng Tetraclorea cacbon rất có hiệu lực, 2ml cho 1 kg thể trọng, tiêm vào điều hoặc cho uống, có thể dùng fênotiazin với liều 0,5 cho 1 kg thể trọng.

Phòng bệnh bằng cách nuôi vịt con tách khỏi vịt lớn trên hồ nước sạch và mới.

Bệnh giun Physocephalosis

Giai đoạn thành thực của loài giun này ký sinh ở trong dạ dày lợn và ký chủ trung gian là gà, vịt, ngỗng. Trứng có mang ấu trùng và thải theo phân lợn ra ngoài, ký chủ trung gian là bộ hung ăn phân nuốt phải trứng đó. Trong đường tiêu hóa của bộ hung ấu trùng tra khỏi lớp vỏ, ở trong xoang thân bộ hung 35-40 ngày là có thể gây bệnh được. Lợn bị nhiễm là do ăn phải bộ hung có mang ấu trùng giun này. Nếu gà, vịt, ngỗng ăn phải bộ hung phân nhiễm trùng thì ấu trùng không phát triển được mà là nơi tàng trữ ấu trùng xâm nhập vào đường tiêu hóa, gan, màng treo ruột..

Gà có thể bị nhiễm giun này với tỷ lệ 97,2%, vịt : 25,2% và ngỗng : 5,5%. Trong có thể gia cầm bị nhiễm giun, sự hoạt động bình thường của mô gan, thận, tuyến tạng màng bao tim, dịch hoàn bị phá hủy.

Phòng bệnh : Không cho gà vịt tiếp xúc với lợn, khi chăn vịt không cho ở gần chuồng lợn. Không cho gà vịt ăn các cơ quan bên trong của lợn bị nhiễm giun.

Bệnh giun tóc Capillariidosis

Vịt có thể bị nhiễm trực tiếp giun này hoặc có sự tham gia của giun đất. Trứng của giun do gà vịt thải ra có thể phát

triển trực tiếp (có loài phát triển qua giun đất) vẹt ăn phải sẽ bị nhiễm bệnh.

Giun này gây bệnh nặng hay nhẹ tùy thuộc vào cường độ nhiễm bệnh. Khi nhiễm nặng thì vẹt bị rối loạn tiêu hóa rõ rệt. Chỉ 12 ngày sau bị nhiễm phân loãng lẫn vết màu, vẹt không theo kịp đàn, đứng lại một chỗ, lông xung quanh lỗ huyết xù ra dính bết phân loãng, con vật gầy yếu và có thể chết.

Mổ xác vẹt thấy đường ruột bị viêm cấp tính và mãn tính thành ruột sung phù thũng với nhiều điểm xuất huyết.

Phòng bệnh : rất khó khăn vì chu kỳ phát triển do nhiễm bệnh gây bệnh khác nhau nên diễn ra cũng rất khác nhau bằng con đường trực tiếp hoặc gián tiếp qua giun đất. Hàng ngày phải dọn vệ sinh chuồng sạch sẽ, tiêu độc, ủ phân cẩn thận.

Chữa bệnh : Tốt nhất là dùng fenontiazin, liều dùng 0,5-1g cho 1kg thể trọng.

Bệnh giun đầu gai :

Bệnh giun đầu gai ký sinh ở vẹt thường gây hai bệnh sau :

- Bệnh giun đầu gai polymorphus magnus

Giun này thường ký sinh trong ruột non của vẹt nhà và vẹt trời, ngỗng trời và các loài chim trời biết bơi lội. Con đực dài 9,5-11mm, con cái dài 12,4-14,7mm, phần trước thân giun mở rộng có nhiều gai.

Trứng của giun theo phân vẹt ra ngoài, nếu trứng gặp vật chủ trung gian là loài giáp xác *Gammarus liacustris* thì mới

phát triển, nếu không thì không phát triển. Trong ruột giáp xác qua 3 giai đoạn trứng phát triển trở thành ấu trùng gây bệnh, thời gian đó mất 54-60 ngày. Vịt ăn phải giáp xác bị nhiễm ấu trùng thì mắc bệnh và giun thành thực trong cơ thể vịt từ 27-30 ngày.

Trong cơ thể vịt mắc bệnh giun đầu gai cắm chặt vào niêm mạc ruột nhờ nhiều chiếc gai làm phá huỷ nhiều mô, tăng các mô liên kết, hình thành các nốt cứng, những nốt này nhô ra ngoài bề mặt thanh mạc thành những u trắng. Bệnh nặng giun có thể phá huỷ chức năng co bóp của ruột, có thể gây viêm nhiễm trùng làm vịt chết.

Chữa bệnh : Dùng tetraclorua cacbon 2ml cho 1kg thể trọng.

Phòng bệnh : Ao hồ bị nhiễm bệnh không nên nuôi vịt vì loài giáp xác sống không quá 2 năm, nên cứ 2 năm phải thay ao hồ một lần.

Bệnh giun đầu gai Filicollis anatis:

Loại giun đầu gai này nhỏ, hình bầu dục, màu trắng vàng, con đực dài 6-8,6mm, con cái 20-26. Giun ký sinh trong ruột của vịt và cả vịt trời, thiên nga, chim bơi lội.

Trứng giun thải ra theo phân vịt nếu bị loài *Asellusaquaticus* nuốt thì phát triển thành ấu trùng qua các giai đoạn, trong khoảng 25-40 ngày là nó gây nhiễm cho vịt được.

Khi vịt nuốt phải *Asellus aquaticus* có ấu trùng giun đầu gai ở giai đoạn gây nhiễm thì nó sẽ mắc bệnh giun này.

Giun gây bệnh nặng nhẹ cho vịt tùy thuộc vào cường độ cảm nhiễm, nó ký sinh ở ruột non của vịt, bám chặt vào thành ruột bằng các gai. (7 ngày sau giun cái nằm hẳn trong ruột).

Nó phát triển qua 3 giai đoạn ở thành ruột con vịt phá hủy hoạt động của ruột và có thể làm vịt chết.

Chữa bệnh có thể dùng tetraclorea cacbon 2ml cho 1kg thể trọng.

c) Bệnh do đĩa gây nên cho vịt.

Bệnh do giống đĩa *Protopolopsis tessulata* gây ra, giống đĩa này tương đối lớn, dài 50mm, màu xanh sẫm. Thân đĩa co giãn nên có khi thì dài, khi co lại thì tròn. Đầu đĩa có giác nhỏ bao quanh lỗ miệng và vòi.

Đĩa mẹ đẻ các kén trứng trên các tảng đá hoặc các vật cứng dưới đáy ao, hồ, sông ngòi nước ngọt, sau đó phủ một lớp kén để bảo vệ trứng khỏi bị tác động bên ngoài. Sau 10 ngày đĩa con chui ra khỏi trứng, chúng cố định lâu ở phía dưới bụng cạnh sườn của đĩa mẹ.

Đĩa con sẽ hút máu của vịt ngỗng để đạt tới giai đoạn trưởng thành.

Đĩa có khả năng thu nhận cảm giác rung nên khi vịt nhúng mỏ xuống nước gây nên sự dao động, đĩa vận động tìm đến ngay nơi vịt bơi. Đĩa còn phát triển cảm giác đối với ánh sáng. Vì vậy sự xuất hiện bóng đen của đầu vịt trên mặt nước cũng gây sự hoạt động tích cực của đĩa.

Đĩa thường xâm nhập vào mỏ vịt, cố định ở đây hoặc đi thẳng vào cổ họng hoặc đi vào xoang miệng rồi vào xoang mũi. Đĩa có thể bám vào da của vịt để hút máu.

Đĩa ký sinh trong xoang mũi vịt, có thể gây tắc phần xoang làm cho vịt khó thở, mệt mỏi. Nếu quan sát thì thấy vịt lắc đầu, lấy chân móc lỗ mũi có khi máu chảy ra từ xoang miệng và mũi.

Đĩa ký sinh trong khí quản, hút máu khiến cho vịt ngạt thở vì tắc khí quản. Đĩa còn có thể ký sinh trong xoang kết mạc hoặc trong mắt, nhãn cầu mắt bị thâm đĩa cho lấp một phần hoặc hoàn toàn. Đĩa vào xoang sọ của vịt sẽ phá hủy quá trình hoạt động của hệ thống thần kinh. Vịt có thể bị bại liệt, bồng ngả trên mặt đất, đầu nghẹo về phía sau và qua một thời gian thì chết.

Chữa bệnh : Nếu vịt bị tổn thương xoang mũi thì rửa bằng dung dịch muối 10% hoặc dung dịch focmon 13%. Khi nhỏ thuốc vào đĩa tự bò ra hoặc chết rồi vịt tự giải phóng ra.

Cần chữa kịp thời vào giai đoạn đầu khi đĩa vừa xâm nhập vào chưa gây tổn thương nặng.

3. Bệnh ngộ độc:

Bệnh thường xảy ra trong chăn nuôi vịt, nuôi nhốt tập trung và nhất là nuôi vịt thả do dễ có điều kiện tiếp xúc giữa vịt với các chất ngộ độc. Có nhiều trường hợp ngộ độc do thức ăn động vật, thực vật có chứa các chất độc, có các trường hợp ngộ độc do các loại thuốc trừ sâu diệt côn trùng, diệt cỏ dại, các chất khoáng do bón phân hóa học, hoặc cũng có thể là do muối ăn... Người chăn nuôi cần phải biết nguyên nhân gây ngộ độc do đâu để có biện pháp ngăn ngừa và chữa. Vịt đi thả có thể do độc có thể lẫn vào thức ăn xanh khiến cho vịt ăn phải mà bị ngộ độc.

Khô dầu, thức ăn ủ chua cũng có thể làm cho vịt ngộ độc. Sau đây là một số bệnh ngộ độc của vịt thường hay mắc.

- Ngộ độc muối ăn.

Do cho vịt ăn bột cá mặn, thức ăn thừa của nhà ăn, dưa muối, cà chua muối... Ngộ độc muối còn do chần vịt và nhốt vịt trong nước biển có nồng độ muối cao 0,7%.

Tác hại của ngộ độc muối là do nồng độ natri, thường xuyên có trong cơ thể khác nhau. Do có sự khác nhau về áp suất thẩm thấu trong các tế bào của nó với môi trường xung quanh nó, dung dịch ưu trương sẽ làm biến đổi hình dáng tế bào (bị teo lại), phá hủy cấu tạo của tế bào, phá hủy khả năng vận chuyển oxi của hồng cầu.

Vịt bị ngộ độc muối ăn thường khát nước dữ dội, đau đớn, đầu lắc lư một cách đặc biệt, phân loãng, rối loạn hô hấp.

Chữa bệnh : cho uống nhiều nước, các loại dầu nhờn.

- Ngộ độc hạt vôi vôi :

Vôi vôi là một loại cỏ dại mọc khắp nơi. Vôi vôi đang ra quả là loại thực vật độc. Vịt ăn các loại yến mạch, lúa mì, kê, nếu có lẫn hạt vôi vôi thì sẽ bị ngộ độc.

Mức độ ngộ độc của hạt vôi vôi tùy thuộc vào hàm lượng ancaloit thường tác động lên gan, đại não trước. Vịt kém ăn, mệt mỏi toàn thân, sưng các niêm mạc, rối loạn tiêu hóa, phân có màu đất đỏ, tích nước trong xoang bụng gây yếu. Khi có triệu chứng rõ thì chữa sẽ không có kết quả.

- Ngộ độc khoai tây:

Khi vịt ăn phải vỏ, bã mầm khoai tây bị hỏng, khoai tây dự trữ mọc mầm, hoặc khoai tây mọc mầm trên đồng ruộng ra chồi xanh thì sẽ bị ngộ độc. Độc tính của khoai tây là do chất glucosit ancaloit xolanin tạo ra ở khoai tây. Hàm lượng xolanin có rất cao ở trong các củ khoai tây non khi nảy mầm xanh hoặc bị thối khi để ngoài ánh sáng mặt trời.

Khi vịt mới bị ngộ độc còn nhẹ, có thể thấy nó đau đớn do nó bị viêm dạ dày và ruột, ỉa chảy. Bị nặng (khi xolanin ức chế thần kinh trung ương) vịt có thể bị bại liệt hoạt động bị phá hủy.

Khi vịt chết mổ xác thấy máu dạ dày, ruột, sưng niêm mạc, chất chứa trong ruột, dạ dày có màu máu. Thân bị viêm, gan bị thoái hóa.

Chữa bệnh : Vịt giống bị ngộ độc thụt rửa điều, cho uống các chất hấp thụ, tốt nhất là bột than động vật hoặc thực vật. Sau đó, cho uống các chất chát, chất nhờn, chất kích thích.

Phòng bệnh : Không cho vịt ăn khoai tây hư hỏng, thối. Nếu khoai hỏng nhẹ cần nấu chín mới cho vịt ăn.

- Ngộ độc hạt thầu dầu:

Thầu dầu ở nước ta được trồng khắp nơi gò bãi... để làm thuốc, thu dầu thầu dầu.

Khi vịt ăn phải vỏ hạt thầu dầu, hoặc cho ăn khô dầu thầu dầu có lẫn vỏ hạt thì sẽ bị ngộ độc. Chất độc thầu dầu là do toxanbumin rixin và ancabit rixinin. Chất toxanbuminrixi độc nhất, nó được tạo nên ở vỏ hạt thầu dầu.

Khi vịt ăn phải vỏ thầu dầu bị ngộ độc thì sau vài giờ chất độc gây ngưng kết hồng cầu, gây phá hủy tuần hoàn mao mạch trong niêm mạc đường tiêu hóa, trong não và các cơ quan khác, gây xuất huyết và tắc mạch.

Vịt bị ngộ độc ỉa chảy ra máu (vọt cần câu), bị rối loạn tim và hô hấp có hiện tượng co giật.

- Ngộ độc hạt cây bông:

Bị xảy ra khi khẩu phần thức ăn của vịt chỉ đơn độc có khô dầu hạt bông, không có các loại khô dầu khác hoặc đậu tương để thay thế. Ngộ độc là do chất độc goxipon chứa trong khô dầu hạt cây bông gây ra.

Goxipon gây độc bằng cách kích thích hệ thống thần kinh các cơ yếu ớt, niêm mạc đường tiêu hóa bị tổn thương, hoạt động hô hấp và tuần hoàn bị phá hủy, nếu là mạn tính thì có hiện tượng ỉa chảy. Khi vịt chết mổ xác ra thấy niêm mạc đường tiêu hóa và trong phổi bị viêm, tim gan, phổi thoái hóa.

Chữa bệnh : Cho vịt ăn các loại thuốc bảo vệ niêm mạc, thuốc kích thích có nhiều chất tamin.

- Ngộ độc do ăn thức ăn ôi mốc:

Khi vịt ăn thức ăn ôi mốc bị ngộ độc là do trong thức ăn này có các loại nấm có hại như : mốc trắng (*mucor*), nấm mốc xanh (*rhizopus*, *aspcrgillus*), nấm hình sợi (*pcnicillinium*). Thức ăn có mùi thối hay chua thì nấm mốc thay đổi màu sắc: màu trắng xám do nấm *rhizopus*, màu xám đậm do nấm *pcnicillinnium* và *aspcrgiltus*.

Thức ăn ăn khi bị nấm mốc nặng thường bị vón thành từng cục, biến đổi trạng thái, thành phần hóa học bị phân hủy, do đó tính chất hóa học và sinh học của thức ăn bị thay đổi.

Khi vịt ăn những thức ăn đó bị ngộ độc, chất độc làm tổn thương dạ dày, ruột, thân, hệ thống thần kinh trung ương, gây rối loạn hô hấp và hoạt động của tim. Vịt có thể ỉ chảy, phân có lẫn máu, có triệu chứng thần kinh (bại liệt, co giật). Mổ xác vịt chết thấy bị xung huyết mô bào đại não, viêm thận phổi, thoái hóa gan và cơ tim.

Chữa bệnh : Thụt rửa bằng dung dịch thuốc tím, bằng nước có lẫn than, sau đó cho uống các hợp chất có chứa tinin.

4. Bệnh thiếu chất khoáng

Bệnh thiếu chất khoáng là do thức ăn thiếu muối, canxi, photpho, natri... làm cho quá trình trao đổi protit, glucit, lipid bị phá hủy.

Ở vịt bệnh phát triển vào lứa tuổi còn nhỏ. Con vật lớn chậm, kém mọc lông bị đau chân, dáng đi xiêu vẹo, các khớp chân sưng, chân cong queo, vịt kém hoạt động, thường nằm một chỗ, cách rũ.

Phòng và chữa bệnh : Tăng chất khoáng trong khẩu phần ăn, bổ sung trực tiếp các thức ăn khoáng như bột xương, phấn, tro củi, muối ăn...

Ngoài ra phải cho nó ăn thêm thức ăn giàu vitamin.

5. Bệnh rụng lông ở vịt (apteriosis)

Bệnh này xảy ra khi thấy vịt con mọc lông kém hoặc hoàn toàn không có lông. Bình thường vịt con mọc lông rất

nhánh. Khi vệt con nở ra lông tơ phủ kín toàn thân, đó không phải là lông thật sự mà là các đỉnh của lông ống, lông tơ được hình thành. Sau đó các nang lông bắt đầu phát triển mạnh, từ các nang lông này, lông ống và lông tơ bắt đầu mọc trong khi đó các lông tơ phôi nằm trên các đỉnh của nang lông dần dần rụng đi. Ở vệt con, quá trình thay lông tơ phôi bằng lông ống diễn ra trước 30 ngày tuổi. Thường vào lúc 60 ngày tuổi vệt mọc đủ lông.

Quá trình phát triển của lông có liên quan đến sự phát triển của tuyến phao câu, tuyến này có chất dịch làm trơn lông để vệt khỏi bị ướt. Tuyến phao câu thường phát triển vào ngày tuổi thứ 25. Sau đó vệt thay lông theo chu kỳ. Thời kỳ thay lông thứ nhất vào giai đoạn từ 2-4 tháng tuổi. Quá trình thay lông và sự phát triển của lông phụ thuộc vào tình trạng của hệ thống thần kinh, tuyến giáp trạng và tuyến sinh dục, cùng với điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, thức ăn của vệt.

Thiếu hồ ao, nuôi nhốt vệt trong chuồng chật chội, ẩm ướt, vệ sinh kém, không thả ra hồ ao, nhốt vệt trong chuồng quá 15-18 ngày, đều có thể dẫn đến tình trạng chậm mọc lông.

Nếu là do thức ăn thiếu chất dinh dưỡng, nhất là loại protit có axit amin chứa lưu huỳnh và các vitamin A và nhóm B thì sự mọc lông sẽ bị kìm hãm hoặc đình trệ hoàn toàn.

Khi thiếu vitamin A thì chức năng tuyến phao câu bị rối loạn làm cho sự tiết dầu bị ngưng và lông bị ướt.

Khi mắc bệnh thì vịt 40-60 ngày tuổi, có khi cả vịt lớn, có ít lông hoặc không có lông. Lông phôi đã rụng nhưng lông ống không mọc. Có một số vịt ở trên cánh, đuôi, cổ chỉ thấy phát triển các mầm lông ống, da bị xung huyết nặng, đôi khi chảy máu. Vịt dễ bị chết rét, bệnh thường mắc vào cuối mùa hè, cũng có khi vào mùa xuân.

Phòng bệnh: Nuôi dưỡng chăm sóc tốt, cho ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng. Cho vịt ăn thêm các loại khô dầu và thức ăn có chứa lưu huỳnh. Nuôi vịt phải có hồ ao, sông ngòi để chần thả. Vì nguồn nước có ảnh hưởng tốt đến sự trưởng thành của lông, cho nên cần phải cho vịt tiếp xúc với nước, vận động dưới nước (nhằm tăng cường sự phát triển của tuyến phao câu).

CÁCH CHĂN NUÔI VỊT

*** LỢI :**

Chăn nuôi vịt đem lại cho ta một số lợi ích:

1. Vịt là loài vật thuần hóa đã lâu, ít mắc cảm với bệnh tật, nuôi trong những điều kiện rất khác nhau cũng đều thích ứng tuy bằng những phương pháp chăn nuôi rất khác biệt từ chăn nuôi gia đình đến chăn nuôi công nghiệp

2. Vịt mái rất mắn đẻ, bắt đầu sinh sản rất sớm từ năm tháng tuổi, đẻ được nhiều trứng lớn màu xanh đối với nhiều giống nhưng lại có màu trắng đẹp đối với ba giống chuyên trứng; vịt đẻ trứng ổn định hơn gà nhờ trọng lượng của vịt cao hơn và nhờ đặc tính đều đặn trong chu kỳ sinh sản của vịt.

3. Vịt thịt nuôi cho phép giết thịt ở tuần lễ tuổi thứ tám hay thứ mười hai, tạo được những vịt thịt nặng 1,8 đến 3kg hơi.

4. Thức ăn của vịt dễ kiếm và kinh tế hơn của gà vì không những vịt ưa thích thức ăn thô hơn và ít đắt tiền hơn mà sử dụng được rất tốt cỏ ở cánh đồng, các loài vật nhỏ như côn trùng, phù du sinh vật gặp trên cỏ ở đường đi, ở ven bờ ruộng, ở ven suối... Vịt còn có thể tìm thức ăn rất xa nơi ở khi lặn lội theo sông ngòi, ao.

5. Vì khả năng chuyển hóa thức ăn, tức là chuyển giá trị thức ăn cần thiết để sinh sản ra một kg thịt hay một kg trứng, vịt là loại loài vật tốt nhất trong các loài gia cầm: vịt có khả năng chuyển hóa rất cao thức ăn thô và nhất là các loại thức ăn phế phẩm nhưng lại có giá trị dinh dưỡng cao và có hương vị dễ ăn.

6. Vịt cho phép sử dụng rất kinh tế các cánh đồng ẩm ướt hoặc nơi nhiều ao hồ không thích ứng cho việc chăn nuôi gà.

7. Cuối cùng không nên quên vịt là loài vật thông minh, có kỷ luật, tiếp thu được các thói quen thông thường và cách huấn luyện cũng dễ dàng.

*** HẠI :**

Vịt có ba điều hại :

1. Đây là loài vật ồn ào.

2. Làm bẩn nhiều vì khối lượng phân lớn bài tiết ra.

3. Chỉ có thể nuôi một cách cổ điển là nuôi từng đàn nhỏ từ hai mươi đến năm mươi vịt mỗi nhà và sinh sản phải có một đực cho năm hay sáu mái.

HƯỚNG DẪN :

So sánh lợi và hại của vịt trên đây, người ta tổ chức chăn nuôi vịt khi chắc sẽ tiêu thụ tốt theo hướng sau :

Sản xuất vịt thịt mười tuần lễ tuổi cân nặng khoảng 2kg.

Sản xuất trứng dùng cho các hàng bánh kẹo.

Nên tổ chức chăn nuôi vịt ở nơi không thuận tiện cho việc chăn nuôi gà như ở chỗ đất ẩm ướt hoặc nơi có nhiều ao hồ.

Vịt là loại gia cầm thích hợp cho người nghèo vì dễ sản xuất ra trứng và thịt, vịt chỉ cần loại thức ăn không quá đắt tiền : không có giá trị lắm ở tất cả các cánh đồng, sục tìm được hạt ngũ cốc rơi vãi.

Để dùng trong gia đình, loại trứng xanh không phải là điều trở ngại và loại trứng có màu không được chuồng này được bù lại là sản xuất từ một giống tốt vì mắn đẻ, đẻ sớm và đẻ thường xuyên.

GIỐNG

I. GIỐNG VỊT TRỨNG :

Giống coureur indien.

Đây là một loài vịt nhẹ, thân rất dài, hình gần như thẳng đứng, đầu giống như cán dùi, di không lúc lắc nhưng thân rất thẳng, màu lông xám, trắng hay đen. Vịt trưởng thành nặng khoảng 2 kg, điều đó cho thấy thể trọng rất nhẹ nên việc tiêu thụ trên thị trường có khó khăn vì vịt mười hai tuần lễ tuổi chỉ nặng dưới 1kg.

Người ta gọi giống coureur indien là giống vịt Leghorn vì đặc điểm đẻ trứng của nó. Đã từ lâu vịt này chiếm giải quán quân về đẻ trứng cho đến mãi gần đây, ở một số vùng nó mới thua kém giống kaki campbell là giống vịt được chọn lọc tốt nhất hiện nay trên thế giới.

Có chủng coureur indien: một chủng khỏe thân dài, thân hình thẳng đứng. Một chủng hơi lùn, thân ít mảnh khảnh và kém thẳng đứng hơn.

Trong chăn nuôi chọn lọc, người ta thu được hàng năm một vịt mái 180 đến 200 trứng nặng 70 đến 80g. Mức kỷ lục của thế giới đạt 300 đến 360 trứng. Người ta có nói rằng ở Hà Lan có một vịt mái đẻ 380 trứng trong 380 ngày.

Giống courour indien không những là giống sản xuất nhiều trứng mà còn là giống đẻ trứng sớm, thay lông nhanh, đẻ sai. Giống này nuôi càng kinh tế nếu như chỗ chăn nuôi rộng rãi. Đó là giống vịt năng động cạnh các ưu điểm nổi bật kể trên, cần chú ý là loài vịt này có tốc độ phát triển trung bình và tình hình hơi nhát sợ.

Giống kaki campbell :

Giống này do có Campbell tạo ra bằng cách cho lai giữa giống coureur indien vàng nổi tiếng về đẻ sai với giống Royen trắng sáng có đặc điểm thân hình tròn trặn và vỏ béo dễ dàng và sau đó với giống vịt trời có đặc điểm thuần chủng và sống linh hoạt.

Giống Kaki campbell có thân hình to khỏe, ngực nở nang; vịt con nặng 1,8kg ở tám đến mười tuần lễ và có thể đạt 2,2 đến 2,5kg sau khi vỗ béo. Vịt mái có màu kaki toàn thân còn vịt trống có sọc màu đồng trên cánh, đầu, cổ, và đuôi.

Sản lượng hàng năm trong chăn nuôi chọn lọc mỗi vịt cho 2000 trứng. Vịt mái đẻ kỷ lục cao nhất quá 300 trứng. Ở xứ Ecosse có một vịt mái đạt tới 357 trứng trong một năm ; trứng cân nặng 60-80g và vỏ có màu trắng đẹp. Tuy chất lượng thụ tinh rất mau và đến tuần tuổi thứ mười hai vịt có thể làm thịt được. Thuận lợi nhất của giống vịt là một giống vịt mới tạo được, hướng chọn lọc chủ yếu là đẻ trứng chứ không phải là hướng thịt cho nên các kỷ lục về đẻ trứng ngày càng cao và càng nhiều con đạt được.

Orpington :

Giống vịt này là do Cook tạo ra. Đồng thời Cook cũng là người tạo ra giống gà Orpington. Vịt này có nguồn gốc lai tạo chéo giữa giống Rouen và giống Aylesbury cho trọng lượng khá, lai với giống coureur indien có giá trị về đẻ trứng và giống Cayuga có giá trị về đẻ trứng và cả trọng lượng.

Orpington là giống vịt màu lông vàng; con trống nặng 3kg có mỏ và giải tai màu đỏ da cam, sức đẻ trứng được 120 đến 200 trứng phần lớn màu trắng và cũng có một số vịt có màu xanh tùy theo sự lựa chọn không được kỹ. Giá trị chính của giống Orpington là tạo ra một giống vịt nặng 2kg hơi trong vòng tám tuần tuổi.

Sơ sánh các giống vịt trứng:

Bảng dưới đây cho phép người chăn nuôi chọn một trong ba giống vịt chuyên trứng tùy theo nguyện vọng có trứng hay có vịt thịt con:

Giống	Giá trị đẻ trứng	Màu trứng	Trọng lượng vịt con
Coureur indien	+++	Trắng	+
Kaki Campbell	++	Trắng	++
Orpington	+	Trắng có khi xanh	+++

II. GIỐNG VỊT THỊT :

Rouen : con mái màu xám thâm cân nặng 3 đến 3,5kg. Con trống rất đẹp như trong tranh màu : có thể diễn tả như sau: từ đầu đến nửa cổ màu xanh ngọc bích, cổ có một vòng lông trắng, ngực và lưng màu xám đỏ thâm với các sọc, bụng màu xám trắng, cánh có từng băng màu xám với các ánh tím kèm hai băng nhỏ màu trắng, đuôi màu xám với bốn lông cong vút lên màu đen có ánh xanh; trọng lượng thay đổi từ 3,5 đến 4kg.

Đây là một nhóm gia cầm sớm thành thực, giống thuần, đẻ kém, sức thụ tinh không cao nhưng thịt rất ngon. Nếu sinh giống thuần thì vịt con ở mười hai tuần tuổi đạt 2,5kg hoặc là cho lai với giống vịt trời cũng đạt được những con lai có trọng lượng gần được như vậy.

Bắc Kinh :

Đây là một giống vịt lớn với thân hình to, thân đứng, có lông trắng kem: con trống cân nặng 4 đến 4,5kg; con mái cân nặng 3,5 đến 4kg. Vịt con nặng 2kg ở tám tuần tuổi và 2,5 đến 3kg ở mười hai tuần tuổi. Nói chung là đủ các tiêu chuẩn để đạt giải quán quân về sản xuất thịt. Đây là một giống vịt sớm thành thực, giống thuần, chất lượng tốt, đẻ trứng trung bình: 120 đến 150 trứng nặng 75 đến 90g nhưng vỏ trứng có màu xám xanh và vịt thành thực rồi như đẻ muộn. Vì vậy để cải tạo giống này người ta thường lai chéo với giống *Coureur indien* để tạo nên sớm thành thực, nặng 2kg trong chín mười tuần tuổi và có đặc điểm đẻ sớm, đẻ sai hơn...

Vịt có yếm hay vịt Duclair :

Đây là kết quả của sự lai chéo giữa giống Rouen và giống vịt đen Cayuga. Vịt giống lông màu đen có ánh xanh với một giải yếm trắng to ở phần trước trên cổ; con mái có màu xám thẫm với một chòm lông hình tròn có vân xám và một ức trắng. Đây là một giống vịt nhẹ cân, màu thịt hơi thẫm, vỏ béo nhanh và là loại vịt trứng tốt giống Rouen cha.

Vịt xứ Nanles :

Đây là một giống vịt ở đông tây tỉnh Nantes, thịt rất mềm, nên là giống vịt được thị trường tiêu thụ ở thành phố Pari ưa thích. Đây là kết quả của sự lai chéo giữa giống vịt mái địa phương của tỉnh Nantes với giống vịt trời trống thụ tinh tự do trên đồng lầy. Vịt con nặng 1,5 đến 2,kg (xem phần vịt Barbares).

Aylesbury :

Đây là giống vịt có màu lông trắng, mỏ trắng, chân hồng và đẻ trứng tốt có vỏ màu trắng đẹp.

Bourbourg :

Đây là số vịt chọn lọc để tạo ra một bộ lông trắng, đẹp mịn, trang trọng và trong sáng.

III. VỊT TRỜI BARBARIES:

Còn gọi là *vịt gà tây, vịt cầm hay vịt rượu nho*. Đây là giống vịt khác biệt với giống vịt thuần nuôi trong nhà và khi lai với giống vịt nhà sẽ tạo ra những vịt con không sinh sản gọi là *vịt ta*.

Giống vịt Barbaries nguồn gốc ở Nam Mỹ, có thân hình dài, lưng rộng, ngực nở, đầu có những cục bướu đỏ trên má, xung quanh mỏ và mắt. Một yếm giải thịt có thể nâng lên hạ xuống trên đầu trước mỏ. Lông có bốn màu : đen, trắng, trắng đen và xanh trắng. Vịt bay dễ dàng, kêu tiếng riêng như tiếng huyết sáo của loài thiên nga. Cuối cùng điều khác biệt với vịt nhà là trứng ấp 36 ngày.

Nuôi dễ dàng và đây là giống vịt trong trang trại. Vịt lớn nặng 4 đến 4,5kg. Người ta có thể vỗ béo theo phương pháp riêng để có bộ gan to và béo. Sự lai chéo giữa giống Barbaries với giống vịt nhà tạo ra những vịt lai không sinh sản và nổi tiếng về thịt ngon và sinh ra bộ gan béo. Trong các kết quả về lai chéo người ta thấy giống Barbaries lai với giống Bắc kinh tạo ra được những con lai lớn nặng 5kg có thịt rất mềm.

Thường thường người ta dùng một vịt trống Barbaries lai với một vịt mái Bắc Kinh và không có trường hợp ngược lại để có một giống con khỏe, có thể nuôi trong lồng ấp và có một thời gian ấp ngắn hơn tám đến mười lăm ngày tức là giảm thời gian cần thiết để sản xuất vịt con. Cần nhớ rằng vịt trống Barbaries không dễ giao phối; ta thường bắt được những vịt trống không chịu giao phối kể cả với vịt mái cũng giống với nó.

THỨC ĂN

Thức ăn của vịt thịt và vịt mái giống nhau như thức ăn của gà con và gà mái đẻ ngoại trừ ba phần rất quan trọng về mặt kinh tế sau đây:

1. Vịt cần thiết có một khối lượng lớn thức ăn và sử dụng tốt hơn gà các loại thức ăn thô nên có thể cho thức ăn có nhiều xơ như một lượng cám lớn vào trong thức ăn, kể cả thức ăn cho vịt con:
2. Vịt sử dụng rất tốt thức ăn xanh, có thể ăn một khối lượng lớn các loại rau.
3. Vịt nuôi tự do lúc nào cũng sục sạo kiếm ăn và với đôi mắt tinh tường phát hiện được mồi rất nhỏ: sự tiêu thụ các loài côn trùng, các loài giáp xác, ốc sò nhỏ giúp cho vịt giảm yêu cầu cung cấp chất đạm.

Những nhận xét trên đây cho ta khái niệm rằng cùng với phương pháp chăn nuôi vịt thâm canh công nghiệp ta có thể chăn nuôi vịt theo phương pháp quảng canh tự do và tiết kiệm được khoảng 50% thức ăn.

Công thức : ,

Chăn nuôi vịt yêu cầu tối đa bốn công thức thức ăn như sau:

- Khẩu phần thức ăn vịt sơ sinh đến bốn tuần tuổi gồm những loại thức ăn hỗn hợp đầy đủ thành phần.
- Khẩu phần thức ăn tăng trưởng và vỗ béo cho vịt từ sáu đến mười hai tuần tuổi có thành phần hỗn hợp đầy đủ.
- Khẩu phần thức ăn cho vịt mái đẻ gồm có thức ăn hỗn hợp và bổ sung thêm thức ăn hạt.
- Khẩu phần thức ăn cho vịt trống có thức ăn hỗn hợp và bổ sung thêm hạt.

Xin cung cấp dưới đây một số công thức ăn của Hurd, chuyên gia chăn nuôi Mỹ về thức ăn nuôi vịt :

1) Công thức thức ăn hoàn chỉnh cho vịt sơ sinh:

Bắp vàng	34,5	35	
	33,75		
Cám gạo, cám mì	15	15	15
Hỗn hợp rau	25	25	25
Bánh dầu đậu nành	7,5	7,5	7,5
Bột thịt	5	6,25	7,5
Bột cỏ chạc ba	6	6	6
Bột sữa không kem	5	3,25	---
Bột sữa đường huyết thanh	---	---	3,25
Phấn	1,5	1,5	1,5
Muối	0,5	0,5	0,5
Vitamin A và D			

2) Công thức thức ăn hoàn chỉnh và vỗ béo:

Bắp vàng	39,25	40	
	38,75		
Cám mì	15	15	15
Hỗn hợp rau	25	25	25
Bánh dầu đậu nành	7,5	7,5	7,5
Bột thịt	5	6,25	7,5
Bột cỏ chạc ba	5	5	5
Bột sữa không kem	25	1,75	
Huyết thanh đường	---	---	1,75
Phấn	1,5	1,5	1,5
Muối	0,5	0,5	0,5
Vitamin A và D			

3) Công thức thức ăn bổ sung cho vịt mái đẻ trứng:

(hai phần của thức ăn kèm một phần thức ăn hạt)

Bắp	25 22,5	23,75	23,75	
Cám	15	15	15	15
Hỗn hợp rau	25	25	25	25
Hạt lúa mạch	10	10	10	10
Bánh dầu đỗ nành	7,5	7,5	7,5	7,5
Bột cỏ chạc ba	6	6	6	6
Bột sữa không kem	---	2,5	2,5	---
Bột huyết thanh đường	---	---	---	
Phấn	3,5	3,5	3,5	3,5
Muối	0,5	0,5	0,5	0,5

Vitamin A và D

4) Công thức thức ăn bổ sung cho vit trống làm việc:

(hai phần loại thức ăn này và một phần loại thức ăn

hạt)

Bắp	21,25	22,5	20
Cám	15	15	15
Hỗn hợp rau	25	25	25
Bánh dầu đỗ tương	7,5	7,5	7,5
Bột thịt	3,75	5	7,5
Bột cỏ chạc ba	6	6	6
Bột sữa không kem	7,5	5	---
Huyết thanh đường	---	---	5
Phấn	3,5	3,5	3,5
Muối	0,5	0,5	0,5

Sinh tố A và D

5) Hỗn hợp hạt cho vịt mái đẻ và vịt trống làm việc với tỉ lệ một phần hạt và hai phần bột hỗn hợp bổ sung:

Bắp vàng	50	65	40	40	40
Lúa mì	50	35	40	40	40
Hạt lúa mạch	---	---	20	10	10
Hạt lúa miến	---	---	---	10	---
Hạt mì đen	---	---	---	---	10

Thực hành chế tạo thức ăn.

Hình thái thức ăn :

Thức ăn của vịt có thể trình bày dưới dạng bột hay dạng hạt. Bột mì phải nhào cho ướt vì vịt vừa ăn vừa uống luôn. Hạt là hình thái tốt nhất cho người chăn nuôi mua các loại thức ăn cần thiết vì:

- Giảm nhân công cần thiết chế biến thức ăn.
- Giảm hao hụt.
- Điều kiện vệ sinh tốt nhất có khả năng giảm sự tập trung của ruồi muỗi.

Phân phối thức ăn :

Sau hai mươi bốn đến bốn mươi tám giờ nhin đói, vịt con được ăn bốn đến năm lần mỗi ngày trong tuần lễ đầu, sau đó ba bốn lần trong ngày cho các tuần lễ tiếp sau. Chú ý khi vịt ăn no thì lấy máng ra.

Vịt mái tơ trước khi đẻ cần tiếp thụ :

Chăn nuôi quảng canh :

Buổi sáng cho ăn hạt. Cả ngày vịt bơi tìm thức ăn - buổi tối cho ăn một bánh cám ẩm.

Chăn nuôi thâm canh :

Thức ăn bột nhào bổ sung thêm thức ăn có hạt cho đạt tỉ lệ 50 phần bột nhào với 20 phần hạt.

Vịt mái đẻ :

Theo phương pháp cổ truyền, vịt ăn bữa sáng một bánh bột cám ướt; bữa chiều có bổ sung thêm hạt, phần con lại trong ngày kiếm thêm trên đồng cỏ.

Theo phương pháp thâm canh hiện đại bữa sáng cho ăn hai giờ thức ăn ướt có bổ sung hạt ngũ cốc, bữa chiều cũng cho ăn hai giờ nữa. (khối lượng thức ăn tiêu thụ gồm 90 phần thức ăn bột nghiền và 10 phần thức ăn hạt nguyên).

Theo trường đại học nông nghiệp Harper Adams, người ta dùng các hộp đựng khoảng 30g hạt, khoảng 11 giờ dùng một nửa bánh bột ướt, buổi chiều dùng một nửa bánh còn lại có cho thêm 30g hạt. Sự tiêu thụ chung sẽ là 120g bánh bột tẩm và 60g hạt mỗi ngày.

Yếu tố vệ sinh :

Người ta thường để nước thuận lợi cho vịt và trong chăn nuôi tự do vịt rất thích nước trong mọi trường hợp vì không những tìm được trong nước các phụ du sinh vật mà còn các loài vật nhỏ, các loài thực vật nhỏ giúp cho vịt thỏa mãn các yêu cầu thức ăn. Nhưng để nước tự do chưa phải là thật cần thiết mà trong chăn nuôi vịt bằng cách

quây trong khu vực nhỏ, luôn luôn vịt phải có nước uống trong và sạch nghĩa là được thay đổi bốn năm lần trong ngày. Máng nước phải đủ để bố trí vịt con ngậm toàn bộ mỏ vào và phải có cách ngăn chặn không cho vịt đưa cả mỏ hoặc chân quấy sục lên. Người ta có thể dùng máng nước theo kiểu dưới đây. Xung quanh vòng tròn của máng vừa để tiết kiệm vừa để giữ sạch nước ta nên luôn luôn cho các vỏ sò, ống, phấn vôi và cát mịn.

** Chú ý :*

Vịt là loài tham ăn nên ấn định khẩu phần, nếu không nó sẽ ăn đến chết và cũng nên nhắc rằng cho ăn quá thừa dễ nguy hiểm.

CHĂN NUÔI

Ở.

Ngược với nuôi gà là phải nuôi ở nơi khô ráo, chăn nuôi vịt cần phải nơi đất ẩm ướt thường xuyên và nếu người chăn nuôi có một khoảnh đất lồi lõm thì nên dành chỗ cao cho gà, chỗ thấp cho vịt.

Trái với gà, không nên nuôi vịt thành từng đàn quá lớn. Nên giảm bớt đàn có số lượng đông nhất là đối với giống Coureur indien rồi đến giống kaki Campbell và Orpington. Qua điểm này có khi cũng cần xem lại hiện nay so với ngành chăn nuôi của Mỹ, Anh và một số thành tựu ở Pháp (Ở nước ta đã có nơi nuôi hàng nghìn con kaki campbell - người dịch), vịt dễ nhát sợ nên điều khiển di

chuyển cần nhẹ nhàng. Người chăn nuôi có kinh nghiệm với cử chỉ mực thước dễ dàng đi lại giữa đàn vịt mà không làm cho nó hoảng sợ.

Vào tháng thứ nhất vịt con cần được bảo vệ kỹ vì sợ lạnh cần phải nhốt vịt trong một phòng ấm áp nhưng phải rất chú ý vì dễ bị ngạt hơi vì do vịt nằm tùm tùm lại, chồng chất lên nhau như hình kim tự tháp, số vịt nằm dưới cùng có thể chết vì ngạt thở.

Sau một tháng nên giữ vịt trong một túp lều sơ sài có nền khô, rơm lót ổ cần thay đổi luôn vì vịt bài tiết nhiều phân nước và nhão dính. Chổ ở đơn giản vì vịt ít phân tán xung quanh.

Vịt ở trong một cánh đồng cỏ để vịt non bất kỳ lúc nào cũng ra ăn được miễn là không nên quá số lượng 200con trên một hecta vì ở nơi quá hẹp màng bàn chân của vịt dẫm đi dẫm lại làm đất thành một lớp bùn nhão hại cho cỏ sinh trưởng và ngăn cản dòng nước chảy. Trong đồng cỏ cần có cây bóng mát để che cho vịt đỡ nắng gắt, tốt nhất là cạnh đồng cỏ lại có một khúc sông hay một cái ao lớn. Cũng cần biết rằng không nhất thiết phải có nước mới nuôi được vịt miễn là cho thường xuyên nước mát và sạch trong máng sâu để vịt nhúng được cả đầu hoặc thân vào thì nuôi dễ dàng được vịt. Chăn nuôi nơi thiếu nước còn tốt hơn là nuôi nơi ao hồ bẩn hay sông bùn lầy hoặc nơi thải nước bẩn vì phân rác chảy ra đây chính là nguồn gốc gây nhiều bệnh khác nhau.

Sinh sản :

Thụ tinh :

Muốn thụ tinh có kết quả tốt, người ta dùng một đực cho năm đến sáu mái. Nên cho vịt đẻ bắt đầu vào tháng tư. Nơi nuôi vịt đẻ tốt nhất là nơi có đồng cỏ và một khúc sông, vịt mái sẽ sinh sản ở mức tối đa.

Ấp :

Thời gian trứng ấp là hai mươi lăm ngày trừ giống Barbaries kéo dài ba mươi sáu ngày.

Cần nhấn mạnh là điểm mấu chốt so với trứng gà là độ ẩm khi vịt sắp nở phải cao hơn 80%. Có khi dùng bơm tay phun một dòng nước ẩm 40° thẳng lên vỏ trứng để giúp cho vịt nở tốt hơn.

Chăn nuôi :

Khi mới nở, vịt con rất xông xáo nên giữ vịt hai mươi bốn giờ trong ấm và trong tối. Có thể chăn nuôi bằng cách nuôi vịt con cùng với một vịt mái hay một gà tây mái. Nên lưu ý là gà mẹ có thể làm đàn con mệt vì dẫn con đi xa.

Nuôi nhân tạo trong lồng ấp:

Cho 100-150 ngày vịt con trong một phòng có kích thước 2m x 4m. Ôn độ trong phòng khoảng 20°C. Những ngày đầu cần đảm bảo ấm 38-40°C rồi dần dần hạ thấp nhiệt độ xuống khi tuổi vịt ngày càng cao. Vào ngày thứ 3 hay thứ 4 trở đi nên dùng một lưới mắt nhỏ quây quanh gian phòng để tránh cho vịt con đi lạc.

Tuy vịt là loài vật được thuần hóa lâu nhưng vịt cũng rất dễ chết vào các tháng đầu tiên. Đó là những tháng gây nhiều tổn thất cho đàn cần chú ý sự đi lại của vịt, quản lý chăm sóc vịt khi trời quá nóng hoặc khi trời mưa.

Vịt thích nước và trong chăn nuôi tự nhiên, vịt con có thể tắm rất sớm vì mẹ sẽ tạo cho vịt con một lớp mỡ bảo vệ làm cho lông đỡ thấm nước.

Trong chăn nuôi nhân tạo thì chỉ nên cho vịt con tắm từ tuần lễ tuổi thứ ba trở đi vì vịt con không có lớp mỡ bảo vệ này. Nước làm cho vật ướt, có thể nhiễm lạnh và chết cao. Như đã nói ở phần uống, không nên cho vịt con nhúng cả thân mình vào mùng nước làm cho vịt bị nhiễm lạnh. Đối với vịt con người ta thường dùng loại máng nhỏ, thuận tiện cho vịt uống nước. Một số chuyên gia cho rằng cho vịt con tắm sớm là không tốt vì làm cứng cơ. Lớp da dày lên, ảnh hưởng đến việc phát triển thịt.

Chăn nuôi vịt con :

Nên giết thịt vịt con vào tuần lễ thứ tám đến thứ mười hai. Lúc đó vịt ở vào thời kỳ *ấu lá*. Cách chăn nuôi đơn giản, cần cho vịt ăn uống đúng khẩu phần kinh điển hay một trong các công thức ghi trong sách này. Ngoài ra, cần tạo cho vịt ở một khoảnh đất có cỏ sạch, có lều quây kín thích ứng cho yêu cầu vệ sinh sạch sẽ và thường xuyên.

Vào mười tuần lễ tuổi, khi vịt vừa chéo cánh, vịt đang thay lông tơ, trọng lượng thân thể bắt đầu đứng lại, nhu cầu dinh dưỡng cơ thể tăng lên là lúc giết thịt tốt nhất.

Nếu như không giết thịt vào thời điểm đó thì phải chờ đến mười ba hay mười bốn tuần lễ tuổi mới giết thịt được vì giai đoạn này vịt mới phát triển đầy đủ. Như vậy thức ăn sẽ tiêu tốn 30 đến 50% mà thịt vịt không được mềm và ngon như giết vào thời kỳ *ấu lá*.

Đẻ :

Trứng vịt rất khác trứng gà. Vỏ trứng có khi trắng khi xanh nặng từ 50-80g (trọng lượng lòng đỏ nặng từ 26-36g), tổng giá trị dinh dưỡng 115-130 calo thành phần hóa học của trứng vịt giống như trứng gà nhưng béo hơn: chất béo 15% chứ không phải 12%.

Vỏ trứng không thấm nước nên giúp ta rửa nhanh được và vỏ lại khá chắc nên có thể di chuyển xa, ít bị vỡ. Vỏ trứng có nhiều lỗ thông khí cho nên mất nhanh giá trị nếu như bảo quản nơi không tốt và quá mười lăm ngày. Lòng trắng trứng dày lên không thuận cho việc ăn trứng vịt theo kiểu ăn sống (La coque). Dùng trong trường hợp khác thì trứng cũng có giá trị như trứng gà. Và có khi giá trị còn cao hơn như trong công nghệ làm bánh kẹo vì chứa chất béo cao hơn.

Người ta trích vỏ trứng có màu trắng. Màu trứng này dễ tìm thấy trong giống Coureur indien, kaki campbell và Orpington. Vịt đẻ bắt đầu sau năm tháng tuổi như vậy người ta cho vịt nở vào đầu tháng tư thì đến tháng chín vịt đã đẻ. Vịt đẻ thường xuyên, nếu như năm đầu mức 100, thì đến năm thứ hai vẫn giữ được 100, đến năm thứ ba mới còn 80. Như vậy mức đẻ cao hơn hẳn, so với sự giảm nhanh chóng sức đẻ của gà.

Vịt không những đẻ thường xuyên mà thời kỳ thay lông cũng ít rõ. Vịt mái có trở ngại là đẻ ở khắp nơi nên bị mất trứng hoặc nhiễm bẩn.

Giá trị của vịt mái tốt là điều không cần phải bàn nữa. Sau đây xin ghi lại hai trường hợp đáng lưu ý:

Ở Hà Lan trong một đàn vịt chọn lọc giống kaki campbell quả trứng đầu tiên được vào khoảng ngày thứ 135-140. Có một con vịt mái đẻ được 359 trứng nặng 71-75g trong 375 ngày. Một vịt mái khác sản xuất ra 418 trứng trong 418 ngày liền, trứng thụ tinh đến 70%.

Ở Courcelles chausoy Pháp; trong hội chợ lần thứ ba về gà vịt đẻ, đem so sánh khu vực vịt với khu vực gà đẻ trong 48 ngày thấy:

Ở 84 vịt mái đẻ bình quân 80 trứng/ngày, mỗi trứng nặng 68g.

Còn ở 75 gà mái đẻ bình quân 52 trứng/ ngày, mỗi trứng nặng 5g.

SẢN XUẤT VỊT XỨ NANTES

Đồng lầy ở Breton:

Đây là một vùng đồng lầy nhỏ tự nhiên trong một khu vực trù phú gần biển. Mỗi năm ở đây sản xuất ra 1.500.000 vịt con nổi tiếng trên thế giới trong đó 20% tiêu thụ trên thị trường Paris.

Việc sản xuất vịt xứ Nantes chia làm hai giai đoạn:

Một giai đoạn đầu chăn nuôi trong tay các chủ trại. Mỗi trại sản xuất chừng 200-800vịt.

Một giai đoạn vỗ béo trong các chuyên viên cho đến khi giết thịt trong một thời gian 8-15 ngày. Mỗi trung tâm vỗ béo có

khoảng đến 2.000-10.000 vịt. Có trung tâm sản xuất hàng năm 150.000 vịt thịt.

Giá trị của vịt Nantes là chăn nuôi ở nơi vùng biển, mưa nhiều, có sông nguồn trù phú, nước giàu chất sắt, lân, nhiều đạm vì ở một vùng đất phì nhiêu.

Chăn nuôi :

Ở các trại vịt đồng lầy Breton, vịt mái chăn nuôi tự do trong vùng. Vịt này thụ tinh cùng với vịt đực xứ Nantes hay vịt trời trong giai đoạn 15 tháng chạp đến 30 tháng giêng. Vịt đực gọi là Pricon nhưng chưa thật đúng vì đây không phải là vịt ở xứ Brière lớn mà vịt đực chính là vịt trời di cư từ Bắc Âu đến vùng này để tránh đông.

Vịt mái xứ Nantes đẻ khoảng 100 trứng và người ta thường chuẩn bị trước vịt mái, gà mái hay gà tây mái để ấp trứng và chăn nuôi theo tự nhiên, nuôi vịt con bằng một loại bánh bột nhào gồm có cám, bột khoai tây chính, sữa không kem và một số mỗi giun càng nhiều càng tốt. Đến 15 ngày tuổi, vịt con xuống được nước. Bán vịt con vào tuần lễ thứ 6 hay thứ 8 vào lúc vịt chéo cánh và nặng khoảng 1800 đến 2000g.

Vỗ béo :

Vỗ béo vịt thì dễ nhưng vỗ béo cho có lãi thì khó vì phải tạo ra một loại vịt thịt không quá gầy mà cũng không quá béo. Cách vỗ béo phổ biến hiện nay ở nước Pháp là nhốt 15 ngày trong lồng, mỗi ngày cho ăn ba bữa gồm hạt, củ. Các chuyên viên vỗ béo ở xứ Nantes nuôi rất giỏi, mỗi năm, mỗi nhà có thể vỗ béo từ 2.000-10.000 vịt con.

Vịt sống khoảng 2 tuần lễ trong lồng. Có nơi thay lồng này thường xuyên. Một đàn 100 vịt thịt cần 25m² trong một khu vực nhỏ, mùa hè có lớp màng làm mái che nắng. Trên nền đất lót rơm, thay rơm sạch hàng ngày hoặc cứ 1 tháng lại cào toàn bộ rơm lót chuồng và thay mới. Cần lưu ý là lớp rơm cần phải khô. Rơm ẩm ướt có hại cho sức khỏe và việc vỗ béo của vịt thâm canh. Ngày cho ăn 2 - 3 lần bằng cách thức ăn có lúa và hạt ngũ cốc; có khi dùng hạt riêng, có khi trộn các loại mì, miến, bắp lại với nhau. Cần cho uống nước sạch thay khoảng 5 lần mỗi ngày để tránh các chất bẩn như phân rác là nguồn bệnh nguy hiểm cho vịt nhất là bệnh tả vịt. Không cho vịt tắm và cũng ngăn không cho vịt lùng sục trong nước bẩn có thức ăn. Sau 12-15 ngày vỗ béo, trọng lượng vịt sẽ tăng từ 1,8-2kg lên 2-2,5kg nhờ ăn được khoảng 2,5kg hạt.

Một nhà thực hành chăn nuôi nhỏ 9 chiếc lồng ở đầu cánh để hạn chế sự thay lồng làm cho cơ thể tăng thêm khoảng 150g nữa. Nhưng trong mọi trường hợp cần phải giết thịt vịt trước giai đoạn thay lồng mà giai đoạn này thường ở vào tuần lễ tuổi thứ mười. Cần để vịt nhịn đói 6 giờ trước khi giết thịt, làm cho vịt hôn mê rồi mới cắt cổ, nhổ lông vịt bằng tay hay bằng máy. Ướp lạnh. Chuyển đến nơi tiêu thụ trong và ngoài nước bằng phương tiện nhanh nhất kể cả dùng máy bay.

SẢN XUẤT GAN BÉO

Sự quan trọng :

Hàng năm ở Pháp, biểu đồ thị cho thấy có khoảng 250.000 vịt được vỗ béo cung cấp cho 100.000 gan béo dùng ướp thịt và 25.000kg cho hiệu ăn và hàng thịt. Sự sản xuất

này tập trung ở vùng tây nam nước Pháp, tập trung ở các chợ chính của vùng landes như, Dax, Montforb, Orthy, Pau, Hagetmau.

Gan béo của vịt nặng 300 đến 600g, chứa 40-0% mỡ là do nguồn thức ăn gây phì đại quá cỡ, thực tế đó là bệnh của gan gọi là bệnh thoái hóa gan. Gan mất chức năng bình thường để kết thúc vào tình trạng bệnh lý nặng gây ra sự thẩm hay sự thoái hóa mỡ vào tổ chức này cung cấp thức ăn giàu mỡ gây ra.

Ở Pháp để giảm mức nhập siêu, người ta tìm cách phát triển kỹ nghệ sản xuất gan béo ngỗng hoặc vịt. Trung tâm Artiguères do các nhà quản lý gan béo lập ra có mục đích vừa phát triển sản xuất vừa nâng cao giá trị của gan béo lên. Các công trình nghiên cứu về gan béo phần lớn là nói về ngỗng nhưng điều có thể chuyển dễ dàng sang ứng dụng về béo gan vịt, tất nhiên có một số vấn đề riêng biệt của từng loài.

Khi quan sát giá trị của gan béo, ta nhận thấy có hình dáng và giá trị khác nhau. Có thể phân biệt:

- Gan đỏ, nhão, tụ máu, không to lắm, cần hủy bỏ.
- Gan trắng hồng khô, mềm, cắt ra mảnh láng (do một khối lượng mỡ lớn vào gan có cấu tạo tổ chức riêng), khi đem tiêu độc vẫn không nát được yêu cầu của người tiêu thụ.
- Gan trắng màu kem vàng, mềm, to do sự thoái hóa của mỡ và sự cấu trúc của tế bào gan. Loại gan này hầu như hoàn toàn là mỡ. Khi đem hấp hay nấu lên thì tan mất ít nhiều làm cho tỷ lệ của gan trong bảo quản giảm đến ngày một ít đi.

Việc bảo quản cũng như nghiên cứu phân loại gan rất quan trọng vì không những chỉ đóng hộp bảo quản mà khi tiêu

độc, gan sẽ tan ra, tạo ra một lớp mỡ làm cho vệt gan kém đi và giá thành cao.

Người ta thấy tỷ lệ mỡ/ chất gan khô không mỡ thay đổi từ 4 đến 8 lần. Mẫu số diện đạt độ đậm cố định trong gan. Chất chiết xuất khô không mỡ gồm các chất mỡ chống đỡ được qua quá trình tiêu độc chất đậm của gan. Những điều trên có lẽ là quá lý thuyết nhưng để đánh giá giá trị của loại thực phẩm này và để có những gan có giá trị cao ta cấu tạo thức ăn có nhiều đạm trước khi vỗ béo gan để cho tổ chức gan phát triển trước và làm tăng giá trị mỡ trong tổ chức đạm của gan.

Ba giai đoạn :

Trong việc chuẩn bị cho gia cầm sản xuất ra gan béo, phân biệt ra ba giai đoạn.

1. Chuẩn bị vỗ béo :

Có mục đích nâng cao lượng chứa của điều bằng phương pháp thể dục cơ năng, nghĩa là bằng cách cho ăn một khối lượng cỏ lớn tạo cho điều có khả năng chứa một khối lượng lớn. Nuôi vịt trên đồng đầy cỏ sẽ tạo cho vịt ăn nhiều cỏ làm cho cần điều ra và tạo cho điều trở thành một tổ chức hoạt động không ngừng. Kiểu sống này có điều kiện vệ sinh tạo cho con vật có sức chống đỡ, có ích cho việc chăn nuôi chăm sóc và sức chịu đựng cuối đời. Đối với một số người chăn nuôi, thời gian này tạo cho con vật một bắp cơ đáng kể nhất là cơ tim rất phát triển để có thể chịu đựng thời kỳ vỗ béo, vì lúc ấy sự tuần hoàn sẽ khó khăn, tim mạch giảm sút và nếu không chuẩn bị tốt, ta sẽ có những bộ gan tụ máu, đỏ quanh, nhão và kém giá trị.

2. *Tạo thịt hay thời kỳ trước vỗ béo* : kéo dài trong một tuần lễ với mục đích là đảm bảo cho cơ thể phát triển hoàn toàn đưa vịt vào tình trạng nửa béo. Thực hiện bằng cách cho vịt ăn nhiều thức ăn tự nhiên, ăn theo chế độ tự do.

3. *Chăn nuôi thâm canh* nghĩa là *vỗ béo* kéo dài trong 3 đến 4 tuần lễ, đạt được trong điều kiện nhân tạo một lượng mỡ thừa trong gan. Khi hết thời kỳ này vịt phải tăng trọng thêm đến 50% so với khi bắt đầu. Người ta sẽ thu được một con vịt rất lớn, bụng sệ mỡ kéo lê trên đất, đi lắc lư, đi lại rất khó, thở hổn hển và trong tình trạng sức khỏe rất yếu.

Kỹ thuật thức ăn :

Căn cứ vào ba giai đoạn vỗ béo ta cần chuẩn bị thức ăn theo hướng yêu cầu sinh lý của con vật :

Thời kỳ đầu cần nuôi vịt ở một khu nhiều cỏ sạch, nhiều loại cỏ khác nhau. Không cho thêm một loại thức ăn nào khác.

Thời kỳ trước vỗ béo có ảnh hưởng quan trọng đến thời kỳ vỗ béo và để có một bộ gan đồ sộ, không tan trong quá trình tiêu độc thì thức ăn của thời kỳ trước vỗ béo phải rất nhiều đạm. Điều yêu cầu này chắc đạt được bằng cách ngoài thức ăn hạt như bắp, còn dùng bột thịt và bánh dầu.

Thời kỳ này kéo dài trong 4 tuần lễ. Nhờ thức ăn cao cấp ăn theo chế độ tự do, làm cho cơ thể vịt phát triển toàn diện, con vật ở vào tình trạng nửa béo. Ngoài thời giờ ở trong đồng, khi đi và khi về vật ăn được một khẩu phần tự do đến chán thì thôi, thường thì là cám bắp trộn với sữa hay sữa không kem hoặc có người dùng cám bắp trộn bột bánh dầu hoặc có người tạo ra một loại hỗn hợp.

Những thí nghiệm khoa học các năm gần đây cho phép chế tạo một loại thức ăn đặc biệt giàu đạm có ảnh hưởng lớn trong quá trình vỗ béo bằng một trong các công thức sau :

- | | |
|----------------|------|
| 1. Bắp | : 80 |
| Bột thịt | : 20 |
| 2. Bắp | : 50 |
| Bột thịt | : 50 |
| 3. Bắp | : 50 |
| Bánh dầu phụng | : 25 |
| Bột thịt | : 25 |

Khi nuôi giai đoạn này, người ta giảm dần thời gian ra đồng và để cho vật quen việc nhốt trong lồng ở giai đoạn sau.

Trong *thời kỳ vỗ béo* cần cho nhiều thức ăn giàu mỡ và loại thức ăn chủ yếu là bắp, vì bắp có các ưu điểm :

- Ít chất xơ nên việc tiêu hóa dễ dàng.
- Chứa đựng mỡ trung bình.
- Ít lượng phosphore.
- Ít chất choline (là chất làm giảm và làm tan mỡ trong gan)

Nên dùng bắp đã bảo quản được một năm. Những sự biến động lớn về kết quả vỗ béo có thể là do giá trị dinh dưỡng khác nhau ở cửa bắp.

Những loại thức ăn đơn khác cho những kết quả rất kém như độc chỉ có lúa.

Vỗ béo kéo dài ba đến bốn tuần và nên cho con vật ở trong một ô chật hẹp để không quay qua quay lại được. Mỗi

ngày cho ăn 3 bữa. Cho ăn bắp khô, ướt hay nấu chín đều được nhưng phải thường cho thêm dầu và mỡ để thức ăn trôi dễ dàng qua cổ họng. Một số người cho ăn nóng hoặc uống nước nóng.

Người ta cho ăn bằng cách :

- Dùng bàn tay giữ cái phễu có cuống dài đưa sâu vào cổ họng; dùng que nhỏ đẩy hạt chảy nhẹ vào điều. Cách cho ăn này đảm bảo cho thức ăn chảy đều và không làm cho điều quá căng đến vỡ ra.
- Hoặc dùng một cái máng hình phễu có cuống dài do một mô tơ hay bàn đạp đẩy nhẹ thức ăn chảy vào miệng vịt. Nhồi như vậy trong 2 đến 3 phút cho một vịt.

Vấn đề dùng phễu rất quan trọng. Vịt cần phải có nước thường xuyên trong chuồng. Một số nhà chăn nuôi cho sản xuất ra gan béo là nhờ nước hơi kiềm. Độ kiềm này làm ra bằng cách cho ít bicarbamat natrium (muối tiêu) hay ammoniac (nước đá quý) vào nước uống.

Kỹ thuật ngoài thức ăn :

Nếu như thức ăn là điều kiện chính để sản xuất ra gan béo thì các yếu tố khác cũng rất cần thiết để sản xuất thành công như :

1. Chỗ ở cần rộng và vệ sinh trong giai đoạn đầu và thứ hai và hẹp tối đa trong giai đoạn nhồi mỡ béo. Con vật giữ trong tối, thoáng khí, hơi ẩm, không di chuyển và không động dậy được.

- . *Mùa vụ* : có một nước vỗ béo thật quanh năm như ở Tiệp Khắc, còn ở Pháp chỉ vỗ béo từ tháng 10 đến tháng 4 thời gian người ta cho là kết quả nhất.
- . Ngoài những yếu tố trừu tượng như nòi giống người ta còn chú ý cả đến chủng vịt cho hiệu quả cao nhất. Nhiều thí nghiệm cho thấy bầm sinh chủng nhồi gan béo khác hẳn chủng vỗ béo, nên người ta tạo ra một giống phụ chuyên cho việc sản xuất đặc biệt này.
- . Giống đực và cái của vịt có tầm quan trọng khác nhau và người ta thấy rằng khác với ngỗng, vịt đực vỗ béo dễ dàng hơn vịt cái. Nhưng trong phạm vi này thì không phải là do giống mà do chính hoạt động sinh lý đã chống lại việc tạo ra gan mỡ. Có hai chứng cứ: một là chỉ có thể tạo ra gan béo ở loài vịt non, nghĩa là chưa đạt đến độ trưởng thành. Hai là vịt mái mắc một bệnh tự nó khi lành thì để lại nhiều vết sẹo ở buồng trứng làm cho gan phì lớn ra. Đó là bệnh phó thương hàn vịt làm cho buồng trứng thoái hóa, teo đi và vịt cái trở nên vật nặng với buồng gan rất nặng.
- . Trước đây người ta thử vỗ béo bằng cách dùng thuốc độc như thạch tín, antimoan (anfimoine), lân tinh. Không những thuốc độc trên gây ra tai nạn cho vật nuôi mà còn nguy hiểm cho người tiêu thụ. Vì vậy cách này đã bị loại trừ. Có một phương pháp mới khoa học hơn mở ra những triển vọng ứng dụng tốt là trong quá trình nhồi gan béo, người ta cho vịt uống một ít nước chiết xuất gan bò tinh khiết và đến cuối kỳ nhồi béo cho thêm một số chất chiết xuất từ tuyến hạch nữa.

BỆNH

Chúng tôi chỉ kể ra những bệnh chính của vịt vì nó không khác mấy bệnh của gà nên đề nghị bạn đọc nghiên cứu đầy đủ hơn trong quyển “Bệnh gia cầm” sau đây bốn bệnh truyền nhiễm chính.

Bệnh tụ huyết trùng :

Vi trùng tụ huyết trùng gây bệnh cho tất các loài gia cầm. Ngỗng và vịt dễ mắc hơn gà. Bệnh biểu hiện dưới 3 hình thức : cấp tính, quá cấp tính và mạn tính. Ngoài ra, vịt còn mang bệnh nguyên trong thân thể bệnh ngoài tỏ ra khỏe mạnh. Trong thể cấp tính, chết nhanh, nhiều và có khi ỉa chảy. Mổ ra thấy phụ tạng tụ máu và gan có lấm tấm xuất huyết.

Bệnh phó thương hàn :

Do vi trùng *Salmonella anatum* và một số chủng vi trùng *Salmonella* không đặc hiệu khác gây bệnh cho vịt con từ 1 đến 3 tuần tuổi. Vi trùng có thể tìm thấy trong buồng trứng và trong trứng. Triệu chứng chính là vịt kém ăn, khát nước luôn, mắt, mũi chảy nước và nhất là cử động loạng choạng như đầu lắc lư, chân đi vòng tròn cuối cùng lảo đảo rồi ngã quỵ.

Bệnh bạch lý đậu :

Bệnh giống như ở gà nhưng các nốt đậu thấy rõ ở màng chân.

Viêm gân truyền nhiễm :

Thường gọi là bệnh tê bại chuột rút. Đây là bệnh của gân xương do vi trùng tự cầu trùng vàng gây ra.

¥105 175



DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH NGUYỄN VĂN CỬ

288B An Dương Vương, Q.5, TP.HCM - ĐT: 8392516

Website: dnsachthanhnghiatphcm.com.vn

G: 6. 16.000đ